

GS.TS. ĐOÀN XUÂN MUỘI

Con Người là Tiểu Vũ Trụ



THANH NIÊN



GS.TS. ĐOÀN XUÂN MƯỢU

- Sinh ngày 11-11-1931
- Quê quán: Quảng Tiên, Quảng Trạch, Quảng Bình.
- Đảng viên 60 năm tuổi Đảng, Cán bộ lão thành cách mạng. Một trong 50 Đảng viên đầu tiên được Đảng và Chính phủ Việt Nam chọn gửi học Đại học ở Liên Xô (cũ).

CON NGƯỜI LÀ TIỂU VŨ TRỤ

ĐOÀN XUÂN MƯỜU
(GS, TS Y KHOA)

**CON NGƯỜI
LÀ TIỂU VŨ TRỤ**
(Sách tham khảo)

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Cùng bạn đọc

Giáo sư, Tiến sỹ y học Đoàn Xuân Mượu vừa hoàn thành tiếp hai cuốn sách "Con người là tiểu vũ trụ" và "Khoa học và vấn đề tâm linh". Trước đó, năm 2007, Nhà xuất bản Thanh Niên đã ấn hành cuốn "Chúng ta là ai?" của Giáo sư, được các nhà khoa học quan tâm và bạn đọc nhiệt liệt hoan nghênh.

Giáo sư, Tiến sỹ Đoàn Xuân Mượu đã bước sang tuổi tám mươi xanh. Bộ sách ba cuốn này là kết quả miệt mài nghiên cứu và lao động sáng tạo một cách nghiêm túc trong nhiều năm. Tám gương lao động khoa học của Giáo sư xứng đáng để chúng ta khâm phục, kính trọng,

Nội dung ba cuốn sách của Giáo sư là một hệ thống những kiến thức, những hiện tượng tự nhiên và xã hội quan trọng hiện hiện trong lịch sử phát triển loài người mà chúng ta đã nhận thức được; đồng thời, cuốn sách cũng nêu những vấn đề mới lạ. Thật ra, những vấn đề "mới lạ" ấy, như một qui luật, nó vẫn diễn ra chung quanh ta, chỉ có điều, chúng ta - con người, chưa hiểu biết nó, nói cách khác, con người chưa hiểu hết chính mình.

Lý giải, khám phá những điều "Con người chưa hiểu hết chính mình" - những điều mà xưa nay nhiều người

cho là “bí ẩn” bằng ánh sáng khoa học thì những “bí ẩn” đó không còn là chỗ nương thân cho những điều mê tín kỳ quặc.

Trong cuộc sống của con người, phải chăng còn có những “bí ẩn” một thế giới tâm linh? Thế giới ấy là gì vậy? Và chúng ta nên nhìn nhận thế giới ấy như thế nào? Khoa học truyền thống và khoa học hiện đại nhìn nhận “thế giới tâm linh” ra sao?

Trong công trình khoa học gồm ba cuốn sách của mình, Giáo sư, Tiến sĩ Đoàn Xuân Mượu đã có những cố gắng trình bày một cách có hệ thống những điều ông nghiên cứu và lý giải những hiện tượng mà ông chứng kiến, trải nghiệm.

Bộ sách ba cuốn này là một công trình khoa học. Vì vậy, lần này Nhà xuất bản Thanh Niên đồng thời in cùng ba cuốn để bạn đọc thuận tiện việc nghiên cứu, tham khảo trong quá trình chiêm nghiệm, khám phá những “bí ẩn” thế giới tâm linh của đồng loại và của chính bản thân mình.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Nội, tháng 3 năm 2010

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Thay lời giới thiệu

Cảm nghĩ của độc giả đầu tiên

Cái bí ẩn mà loài người đã dày công tìm hiểu từ nghìn năm này sang nghìn năm khác, đó là cái bí ẩn không ở đâu xa, nó ở trong con người, nó là chính con người. Chúng ta là ai, mà kỳ lạ thế nhỉ. Cũng xương thịt như mọi loài động vật trên trái đất, nhưng có thể xây dựng nên những tòa lâu đài lộng lẫy, làm ra những khối kim loại nặng hàng trăm tấn bay xuyên qua mây trời, đá bóng ở một sân chơi, nói trong một phòng kín mà con người khắp nơi trên trái đất có thể nhìn thấy, quan sát từng khía cạnh của cuộc chơi, lắng nghe đến tiếng động trong trái tim người nói. Là ai thế nhỉ, mà vài chục năm nay chỉ cần ngồi trước cái máy tính, trông bề ngoài rất đơn giản, thế mà bấm vài cái bóng tiếp xúc với tất cả các nguồn thông tin trên thế giới, từ quá khứ đến tương lai. Chúng ta là ai? Tưởng như không có gì dễ hơn khi tìm hiểu chính mình, nhưng quả thật là khó khăn, và các câu trả lời trái ngược nhau. Trái ngược đến mức đánh nhau. Nói không ngoa là tất cả các cuộc chiến tranh trên trái đất này rồi cuộc để cho đối thủ biết ta là ai.

Cuốn sách “Chúng ta là ai?”^() của GS - TS Đoàn Xuân Mượu đã góp phần đi đến một câu trả lời xác đáng có tính thuyết phục: Con người là một thực thể có linh*

^(*) Nhà xuất bản Thanh Niên, 2007.

hồn, chính cái linh hồn ấy là nguồn gốc và chủ thể cho mọi suy nghĩ và hành động của con người. Linh hồn ấy có tiềm năng của vũ trụ và thuộc về vĩnh cửu. Thể xác vật lý của con người có thể mất đi (chết) nhưng linh hồn thì vẫn tồn tại, thuộc về một cõi huyền diệu, tế vi, mà con người vẫn đang tiếp tục tìm hiểu, tiếp cận và giải đáp.

Bạn đọc còn có nhiều câu hỏi với cuốn sách ấy và bản thân tác giả cũng chưa bằng lòng. Vì thế, trước mắt tôi có bản thảo cuốn sách tiếp theo mà ông dày công biên soạn, để có một câu trả lời rõ ràng, minh bạch hơn, tiếp cận với chân lý hơn nữa: “Con người là tiểu vũ trụ”. Ông đã chọn lọc những nguồn thông tin khám phá đáng tin cậy nhất, tổng hợp lại để dẫn đến câu trả lời minh triết.

Tôi có niềm vui là một trong những người đầu tiên đọc bản thảo khi nó vừa rời khỏi máy. Tôi đã đọc một mạch và rất lấy làm tâm đắc, vì nó cũng chính là một vấn đề tôi cố công tìm hiểu, chỉ có khác là tôi tìm hiểu từ các nguồn khoa học cổ phương Đông, còn ông “dưới ánh sáng của những tiến bộ khoa học tự nhiên, mà đỉnh cao là vật lý cơ học lượng tử, và một bên là khoa học cận tâm lý và cơ thể y học”. (Lời nói đầu). Nói cách khác là chủ yếu từ phương Tây.

Có một phương pháp luận minh triết dẫn dắt tác giả khi làm cuốn sách này. Đó là xuất phát từ cái Một. Phần I bắt đầu từ cái đại vũ trụ, sang đến Phần II Con người, tìm ra những chỗ đồng dạng giữa vũ trụ với con người, chỉ khác về quy mô, cuối cùng thấy con người là tiểu vũ trụ. Tâm điểm và trọng điểm của Phần I là trình bày sơ lược và đầy đủ những khám phá về ý thức vũ trụ, khởi nguyên của mọi sự khởi đầu. Từ khái niệm sống và hạt của cơ học lượng tử người đọc làm quen

với khái niệm Tinh thần vũ trụ, ý thức vũ trụ và khái niệm vô cùng quan trọng về một trường thông tin địa cầu của vũ trụ.

Các nhà khoa học đã làm thí nghiệm trên một hòn đảo của Nhật Bản, nơi có nhiều khí hoang sinh sống. Cho khỉ ăn khoai tây ngọt bằng cách ném khoai tây vào bãi cát dơ bẩn.

Bỗng nhiên có một con khỉ cái trẻ nghĩ ra cách rửa khoai tây cho hết cát dính. Sau một số năm khỉ bắt chước rửa khoai tăng lên đến một trăm con, nên thí nghiệm được gọi là “con khỉ thứ một trăm”. Điều đáng ngạc nhiên là kinh nghiệm “rửa khoai” cũng được các khỉ ở đảo khác áp dụng. Các nhà khoa học đi đến suy nghĩ rằng phải có một trường thông tin bao trùm tất cả các đảo thì mới có hiệu quả thông tin với nhau như vậy. Và từ đây người ta khám phá ra có tồn tại một trường thông tin địa cầu, nhờ đó mà tất cả sinh vật tương quan với nhau. Đó chính là bộ não toàn cầu. Vũ trụ là một cấu trúc thông tin - năng lượng thống nhất toàn vẹn.

Bạn đọc bình thường hơi khó tiếp cận với Phần I: VŨ TRỤ, nhưng ta hãy bỏ qua những chỗ khó hiểu, ta hãy đọc nó như đọc một câu truyện, tác giả dẫn dắt ta từ cái chân không - vũ trụ qua vụ nổ Big bang đến các thiên hà ngày nay vẫn đang giãn nở sau vụ nổ và tất cả những gì xảy ra sau đó qua hàng tỉ năm. Cũng như khi ta đứng trước bức tranh của một họa sĩ ấn tượng, có phải ta hiểu hết các chi tiết của bức tranh đâu, bức tranh vẫn lôi cuốn ta ở những mảng màu và hình khối trừu tượng của nó. Tôi cũng đã đọc Đoàn Xuân Mượng như thế.

Cuối cùng thì con người cũng khám phá ra cái bí ẩn của chính mình. Ý thức Vũ trụ, Tinh thần Vũ trụ đã sinh ra một trái đất và đã “thu xếp” một vòng quay

chuyển động hợp lý so với mặt trời để vừa đủ có sự sống, sự sống ấy đã biến hóa thành một vật thể là con người. Con người là bản sao phức tạp của vũ trụ đã sinh ra họ. Đó là lời của B.Payusep dùng làm đề từ cho chương TỪ HÌNH HỌC VŨ TRỤ ĐẾN HÌNH HỌC CON NGƯỜI. Phần 2: CON NGƯỜI chiếm số trang lớn hơn rất nhiều sẽ dẫn bạn đọc đi từ thân thể vật lý mà ta đã nhận biết được đến từng tế bào, đến những thân thể tế vi gắn liền với thân thể vật lý. Đó là thân thể năng lượng (ê-te), thân thể cảm xúc, thân thể ý nghĩ, thân thể trí tuệ, thân thể linh cảm, linh hồn. Ba thân thể trên là thân thể tế vi bậc thấp, ba thân thể còn lại là bậc cao. Các thân thể tế vi ấy là có thật, chúng ta không thể nhìn thấy mà chỉ cảm nhận thấy, hoặc chỉ nhìn thấy bằng những máy chụp ảnh đặc biệt, ví dụ người ta đã chụp được vầng hào quang bao quanh thân thể năng lượng. Người ta đã tìm ra cấu trúc toàn đồ của các thân thể tế vi gắn với thân thể vật lý, qua 7 luân xa (bánh xe).

Đại vũ trụ đã tiếp nối với Tiểu vũ trụ là Con người thông qua một trường thông tin năng lượng. Nhờ thế con người chứa trong mình thông tin về tất cả những gì đã xảy ra và đang xảy ra trong vũ trụ. 6 thân thể vi chính là 6 bậc thông tin. Mỗi liên hệ giữa thân thể vật lý với các bậc thông tin này được thực hiện với các trung tâm thông tin, năng lượng gọi là Luân xa.

Tác giả đã giúp nhiều người sửa lại một quan niệm thiếu chính xác về chức năng bộ não của con người. Có những phần thuộc về trí tuệ, linh cảm, cảm xúc xuất phát từ bên ngoài não bộ, nói cụ thể hơn là các thân thể tế vi liên quan, từ trường thông tin vũ trụ. Não là cấu trúc độc thông tin từ hệ thống trường sinh học con người và trường thông tin vũ trụ.

Mới thấy những khám phá của các nhà khoa học phương Đông về con người là những đóng góp vô giá. Không đợi đến khi có cơ học lượng tử và khoa học cận tâm lý, từ nhiều nghìn năm trước người phương Đông đã khái quát về vũ trụ qua mô hình Thái cực sinh Lưỡng nghi (âm dương), Lưỡng nghi sinh Tứ tượng.

Tứ tượng sinh Bát quái (tám quẻ). Bát quái có tám tượng thiên nhiên: Trời, Đất, Nước, Lửa, Sấm, Gió, Đám hồ. Từ mô hình bát quái mà sắp xếp chồng lên nhau thành 64 quẻ Dịch và 384 hào (vạch âm dương) phản ánh khái quát sự chuyển động biến dịch của xã hội và con người. Mỗi con người chúng ta mang theo trong tiềm thức của mình âm hưởng của trời đất núi sông. Các cấu trúc của Vũ trụ của Thái cực, Lưỡng nghi, Tứ tượng, Ngũ hành, Bát quái, Cửu cung, Tam tài, Thất tinh... đều thể hiện trong cơ thể con người. Thái cực của Vũ trụ là mô hình toàn thân người; Lưỡng nghi là trên dưới, phải trái, Tứ tượng là Tứ chi; Ngũ hành là hệ 10 kinh chính; Bát quái là hệ 8 Kỳ kinh; Cửu cung là hệ huyết xung quanh huyết Bách hội trên đỉnh đầu, Tam tài là Đầu, Mình, Chân tay; Thất tinh là 7 luân xa, 7 cơ thể vô hình của nhân thể. Trời có ngũ hành, thì nhân thể có ngũ tạng. Trời Đất hàng năm có 4 mùa và 24 tiết thì nhân thể có 24 đốt sống, 24 nhịp thở trung bình trong mỗi phút và 12 cặp xương sườn. Mỗi tiết lại chia thành ba nguyên là Thượng, Trung và Hạ nguyên, như thế mỗi năm có 72 nguyên thời tiết. Trong lúc đó thì số mạch đập trung bình trong mỗi phút là 72.

Đây là con người nói chung. Khái niệm con người là tiểu vũ trụ còn được cụ thể hóa trong mỗi người nói riêng, nhờ một phép tính nào đó, ví dụ phép tính Hà Lạc mà thấy ra những tượng hình thiên nhiên nào đó tạo ra tính cách người, số phận người. Người này có quẻ Sơn Thiên Đại Húc, tượng quẻ là Trời trong Núi,

Núi mà chứa được trời thì sức chứa lớn lắm, nên nghĩa quẻ là Đại Súc, chứa lớn. Người Đại Súc bao giờ cũng là người chăm chỉ học hành, chẳng may thất học cũng biết tự học mà thành tài.

Đông Tây đã gặp nhau.

Đọc những chương mô tả con người là tiểu vũ trụ, càng tự hào bao nhiêu thì càng xót xa bấy nhiêu khi tác giả giới thiệu tổng hợp với người đọc những rủi ro của trái đất và con người. Rủi ro nhất là chính con người đã phá hoại thiên nhiên, phá hoại môi trường. Nếu thế kỷ XX đối tượng tranh chấp quốc tế là dầu hỏa, thì trong thế kỷ XXI không khéo đối tượng cạnh tranh quốc tế là nước lã. Trên thế giới có khoảng 40 triệu loài cây và con, trong đó khoảng 30 triệu thuộc rừng nhiệt đới. Nhưng khoa học chỉ mới nhận diện được 1,7 triệu loài, và mới hiểu biết được 75% của các loài ấy. Cuộc phát triển đại công nghiệp ập đến như vũ bão, ập đến đâu thì tài nguyên thiên nhiên, nguồn sinh thái, kho sinh học bị hủy diệt đến đó. Không ít loài cây con sẽ biến mất khỏi trái đất trước khi con người kịp nhận biết chúng.

Trong cuộc tàn phá thiên nhiên ấy, điều tai hại nhất, hiểm họa lớn nhất không nhìn thấy là con người tự tàn phá mình, làm mất đi hoặc tự phủ nhận những tiềm năng bí ẩn của con người. Các thân thể trí tuệ, linh cảm, linh hồn bị ô nhiễm và hủy hoại, người biến thành ma quỷ, trái đất thành địa ngục.

“Con người là tiểu vũ trụ” âm vang một lời kêu gọi thiết tha hãy nhìn thẳng vào sự thật, mỗi con người chúng ta là một ngôi sao (chứ không phải chỉ những người xuất sắc mới được gọi là ngôi sao). Hãy làm tất cả những gì vực sáng những ngôi sao con người ấy trong cái đại vũ trụ này.

NHÀ VĂN XUÂN CANG

Lời nói đầu

Năm 2007, Nhà xuất bản Thanh Niên đã cho ra mắt bạn đọc cuốn ***"Chúng ta là ai?"***, trong đó chung quy tôi chỉ mới nói được một số vấn đề về con người. Từ thuở xa xưa, ở phương Đông bằng minh triết các nhà thông thái đã coi con người như là tiểu vũ trụ. Nghĩa là vũ trụ và con người có những nét đồng dạng, khác chẳng chỉ là ở quy mô. Chỉ như thế thôi thì vị trí con người cũng đã được đề cao hơn trước. Cuốn sách này - ***"Con người là tiểu vũ trụ"*** có nhiệm vụ góp phần làm rõ mối quan hệ giữa con người và vũ trụ, dưới ánh sáng của những tiến bộ khoa học tự nhiên, mà đỉnh cao là vật lý cơ học lượng tử và một bên là khoa học cận tâm lý và cơ thể y học. Trên cơ sở khoa học cận tâm lý phát huy tiềm năng con người qua vô thức là một trong những đỉnh cao đầy tinh nhân văn, bao trùm cả sáng tạo và khoa học, nghệ thuật, y học, nâng cao chất lượng sống của con người.

Mặt khác sự hiểu biết về mối liên thông năng lượng - thông tin giữa vũ trụ và tiểu vũ trụ đã đem đến cho con người sức mạnh mới - trí tuệ con người được tiếp sức bởi trí tuệ vũ trụ. Đặc biệt, sự hiểu biết về thế giới mìn đa chiều trong vũ trụ và trong chính bản thân con người, mà hiện thân là những thân thể tế vi. Con người cũng như vũ trụ là những thực thể đa tầng. Người xưa đã có câu *"chín tầng trời, mười tầng đất"*. Ngày nay con người cũng được coi là thực thể đa tầng gồm thân thể vật lý thuộc không gian ba chiều và 6 thân thể tế vi thuộc không gian đa chiều - từ 4 đến 7 chiều. Nhờ đó có thể giải thích được những tiềm năng đặc biệt của con người, cũng như hình dung được rằng một khi đã sinh ra trên đời, con người tồn tại vĩnh hằng, mặc dầu phần thể xác phải tuân theo quy luật sinh tử



của sinh vật học thuộc thế giới ba chiều. Trong khi đó, phần tế vi của con người thuộc thế giới đa chiều thì trường tồn. Điều đó mang lại an ủi không nhỏ cho con người và tác động sâu sắc đến lối sống đạo lý khi còn sống trên quả đất, nhất là trong thời đại kinh tế hội nhập, trong một thế giới phẳng, trước những thách thức do thế kỷ 21 đặt ra trước loài người về phương diện giữ gìn sự cân đối giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, giữa bản sắc dân tộc và ảnh hưởng ngoại lai.

Ngoài ảnh hưởng tích cực của vũ trụ, phải kể đến một khía cạnh tiêu cực, vì lợi ích của sức khoẻ mọi người. Số là ngoài những mầm bệnh gây bệnh cho thân thể vật lý có tồn tại cái gọi là "*sóng xoắn năng lượng thông tin*" độc hại từ thế giới vật chất mịn của vũ trụ, tồn tại song song với thế giới vật chất mịn trong con người, trong những điều kiện cụ thể, đột nhập vào thân thể người ta, gây bệnh tâm thể mãn tính. Cho nên, một nền y học mới đã ra đời với hai tên gọi tương đương. Nếu gọi theo mầm bệnh thì đó là "*y học năng lượng*". Nếu gọi theo người bệnh vốn là thực thể đa chiều, thì đó là "*y học đa chiều*". Xét cho cùng tìm hiểu quan hệ vũ trụ con người cũng chính là để hiểu biết chính mình.

Kiến thức như dòng nước chảy, ở một điểm nhất định nào đó nước hiện tại khác với nước ở thời khắc trước đó. Chẳng thế mà thông thường người ta coi kiến thức quá khứ là lạc hậu, còn kiến thức cao hơn hiện tại thì coi là "*không khoa học*". May thay có một sự thật tuyệt đối: Chân lý tồn tại với thời gian!

Tác giả hy vọng độc giả sẽ tìm thấy những thông tin cập nhật bổ ích trong những trang sách hạn chế của cuốn sách "*Con người là tiểu vũ trụ*", và trân trọng đón nhận những lời bàn phát sinh từ đó, ngõ hầu tiếp tục hoàn thiện cuốn sách.



PHẦN I

VŨ TRỤ

VŨ TRỤ BẮT ĐẦU TỪ HƯ VÔ

*Ý thức - vũ trụ là khởi nguyên
của mọi sự khởi đầu.*

*Vật lý - chân không, năng lượng -
thông tin thành tạo ra tất cả*

VŨ TRỤ VÀ QUẢ ĐẤT

Trong hạt cát ta thấy cả vũ trụ.

Trong đoá hoa dại ta thấy cả thiên đường.

Nắm cái vô hạn trong lòng bàn tay.

Và sự vĩnh hằng trong khoảnh khắc.

William Blake

Ngay từ thời tiền sử, con người đã bị mê hoặc bởi quang cảnh bầu trời hùng vĩ: Mặt trời, mặt trăng, các hành tinh, các ngôi sao và sự

tuần hoàn không lúc nào ngừng của các vị tinh tú. Mặt trời mọc rồi lặn, mặt trăng tròn rồi khuyết, bốn mùa thay đổi, các hành tinh xuất hiện rồi biến đi, tất cả những sự kiện ấy có thể quan sát được và ảnh hưởng đến đời sống nhân loại trên nhiều phương diện... Những huyền thoại, tín ngưỡng, tôn giáo cũng từ đó mà ra cả. Khi trình độ văn minh của con người đạt đến mức nào đó thì người ta tìm cách giải thích tất cả các hiện tượng kể trên.

500 năm TCN, Đức Phật đã phát biểu: Vũ trụ là hư không, là vô tận, số lượng hành tinh trong vũ trụ không kể xiết, tương tượng cũng không nổi. Người quan niệm rằng 1.000 thái dương hệ hợp thành tiểu thế giới gọi là một quốc độ Phật. Như vậy một quốc độ Phật gồm 1.000³ thái dương hệ. Từ Tây Phương vượt qua 10 vạn triệu quốc độ Phật có thể giới gọi là “Cực Lạc”.

Điều phán đoán của Phật cho đến nay chưa có ai kiểm chứng về những con số nêu lên. Nhưng có một điều không thể chối cãi là quan niệm vũ trụ vô tận được khoa học ngày càng xác nhận là đúng.

Khoảng 340 năm TCN, Aristot - nhà triết học Hy Lạp, trong cuốn sách “Về bầu trời” đã chứng minh quả đất tròn, không phải là cái đĩa phẳng bởi hiện tượng nguyệt thực là do trái đất xen vào giữa mặt trời và mặt trăng. Bóng của quả đất trên mặt trăng luôn luôn tròn, điều đó chứng tỏ trái đất có dạng hình cầu. Trái đất đứng yên, mặt trời, mặt trăng và các hành tinh chuyển động xung quanh trái đất theo những quỹ đạo tròn là chuyển động hoàn thiện nhất.

Ý tưởng của Aristot đã được Ptolemy phát triển thành mô hình vũ trụ hoàn chỉnh vào TK 2 CN: Trái đất đứng ở tâm, bao quanh là 8 mặt cầu. Mỗi mặt cầu mang một hành tinh: mặt trời, mặt trăng, sao Thủy, sao Kim, sao

Hoả, sao Mộc, sao Thổ. Mặt cầu ngoài cùng mang “*các ngôi sao cố định*”.

Bên ngoài mặt cầu cuối cùng là cái gì thì mô hình đó không bao giờ nói một cách rõ ràng, nhưng chắc chắn đó là phần của vũ trụ mà con người không thể quan sát được. Mô hình này được Thiên chúa giáo chuẩn y như một bức tranh vũ trụ phù hợp với kinh thánh, nhất hạng đã dành nhiều chỗ ngoài mặt cầu cuối cùng cho thiên đường và địa ngục.

Mô hình Copernic đề xuất năm 1554 thoát đầu cho lưu hành như một tác phẩm vô danh để tránh đòn của Thiên chúa giáo. Theo mô hình ấy, Mặt trời đứng yên, trái đất và hành tinh chuyển động theo những quỹ đạo tròn xung quanh mặt trời. Phải mất gần một thế kỷ trôi qua ý tưởng này mới được chấp nhận thực sự.

Mô hình Copernic vứt bỏ những thiên cầu của Ptolemy, cùng với ý tưởng về biên giới tự nhiên của vũ trụ. Nhờ công trình về lực hấp dẫn của Newton chúng ta hiểu rằng không thể có một mô hình tĩnh vô hạn của vũ trụ, trong đó hấp dẫn luôn là lực hút. Vì thế Newton cho rằng mặt trời cũng không đứng yên hoàn toàn vì giữa nó và các hành tinh có lực hấp dẫn tác động qua lại.

Trong quyển thứ 3 của “*nguyên tắc toán học*” Newton khẳng định chuyển động của các hành tinh và các vệ tinh, trình bày phương pháp đo khối lượng của mặt trời và các hành tinh, tính tỷ trọng của trái đất, tính sai biệt về năm, trình bày lý thuyết về thủy triều, về quỹ đạo của sao chổi, sự chuyển động của mặt trăng.

Tốc độ quay của các hành tinh quanh mặt trời không như nhau. Hành tinh nào ở gần thì vòng quay nhanh hơn: Sao Thủy 80 ngày một vòng, sao Kim 9 tháng, quả đất

1 năm, sao Mộc 12 năm, sao Thổ 30 năm. Theo tính toán của Newton sao Chổi xuất hiện 75 năm một lần.

Quả đất quay quanh trục của nó với vận tốc 1.600 cây số một giờ ở giữa đường xích đạo. Nếu nó quay chậm đi 10 lần thì ngày sẽ dài gấp 10 lần và nếu thế thì cây cối, sinh vật sẽ bị thiêu sống bởi sức nóng mặt trời khoảng 5.500 độ bách phân. Trục trái đất nghiêng theo một tà độ là 23 độ chứ nếu trục đứng thẳng thì sẽ không có thời tiết bốn mùa. Nước sẽ bốc hơi hết về hai cực và đông thành băng giá. Nếu mặt trăng không ở cách xa quả đất 380.000 cây số mà chẳng may xích lại gần hơn 80.000 cây số thì thay vì thủy triều, nạn hồng thủy sẽ xảy ra không phải một lần mà vài lần trong một ngày. Cứ suy ngẫm như thế mới thấy tạo hoá an bài một cách tối ưu cho sự sinh tồn của vạn vật trên trái đất.

Năm 1929, Edwin Hubble đã thực hiện một quan sát có tính chất cột mốc cho thấy dù bạn ở đâu thì những thiên hà xa xôi cũng đang chuyển động rất nhanh ra xa chúng ta. Điều đó có nghĩa là vũ trụ đang giãn nở.

Những quan sát của Hubble gợi ý rằng có một thời điểm, được gọi là vụ nổ lớn, tại đó vũ trụ vô cùng nhỏ và vô cùng đặc (mật độ vô hạn).

Nếu vũ trụ giãn nở thì có những nguyên nhân vật lý để cần phải có sự bắt đầu. Nhưng nếu vô nghĩa nếu cho rằng vũ trụ được tạo ra trước vụ nổ lớn.

Vụ nổ lớn đã xảy ra gần 10.000 triệu năm về trước. Tại thời điểm vụ nổ lớn, kích thước vũ trụ được xem bằng không, nhiệt độ vô cùng lớn. Trong quá trình vũ trụ giãn nở, nhiệt độ bức xạ giảm xuống. Một giây sau vụ nổ nhiệt độ đã giảm xuống còn khoảng 10 ngàn triệu độ tức là khoảng ngàn lần nhiều hơn nhiệt độ ở tâm mặt trời, hoặc

bằng nhiệt độ đạt được lúc bom khinh khí (bom H) nổ. Vào thời điểm đó vũ trụ chứa phần lớn là photon, electron, neutrino và các phản hạt của chúng, cùng với một số proton và neutron. Lúc vũ trụ tiếp tục giãn nở và nhiệt độ hạ xuống thì các cặp electron/ positron - electron sinh chậm hơn hủy để hình thành nhiều photon. Song các hạt neutron và phản-neutron ít hủy nhau và còn tồn tại nhiều trong vũ trụ. Khoảng 100 giây sau vụ nổ lớn nhiệt độ xuống còn một ngàn triệu độ, tức là bằng nhiệt độ trong các sao nóng nhất. Ở nhiệt độ ấy proton và neutron kết hợp với hạt nhân của nguyên tử hydro nặng làm thành hạt nhân của nguyên tử Heli.

Trong khi toàn cục vũ trụ tiếp tục giảm nhiệt độ và tiếp tục giãn nở thì trong các vùng mật độ cao hơn trung bình sự giãn nở diễn ra chậm hơn do lực hấp dẫn ở đấy lớn hơn. Điều này có thể dẫn đến sự dừng hẳn của quá trình giãn nở của một số vùng nào đó trong vũ trụ và bắt đầu quá trình co lại. Khi các vùng này co lại, lực hấp dẫn của vật chất xung quanh bên ngoài sẽ làm cho các vùng đó bắt đầu quay. Thể tích càng thu nhỏ thì quay càng nhanh và sẽ đủ để cân bằng với lực hấp dẫn và những thiên hà quay dạng hình đĩa được hình thành theo cách đó.

Với thời gian các khối Hydro và Heli trong các thiên hà sẽ phân rã thành các đám khí nhỏ hơn và sẽ co lại dưới sức hấp dẫn của chúng.

Khi ấy các nguyên tử trong sẽ va chạm nhau và nhiệt độ của khí sẽ tăng lên, có thể đến mức đủ cao để xảy ra phản ứng nhiệt hạch. Lúc này Hydro kết thành Heli, nhiệt lượng thoát ra làm tăng áp suất và các đám mây không co lại thêm nữa. Chúng ổn định trong trạng thái đó rất lâu. Các ngôi sao phát sáng đã được hình thành như thế.

Một số nguyên tố nặng hình thành cuối đời một ngôi

sao sẽ bị bắn trở lại vào thiên hà và sẽ là nguyên liệu cho thế hệ tiếp theo của các sao. Mặt trời của chúng ta chứa khoảng 2% các nguyên tố nặng ấy vì thuộc thế hệ sao thứ 2 hoặc thứ 3, hình thành chừng 5.000 triệu năm về trước từ một đám mây quay chứa các mảnh vụn của các siêu sao thế hệ trước. Một khối lượng nhỏ các nguyên tố nặng kết với nhau thành các thiên thể hiện đang chuyển động trên các quỹ đạo mặt trời như trái đất và các hành tinh khác.

Đứng đầu các nhà thiên văn học tiến bộ phải kể đến Copernic một người gốc Ba Lan sinh năm 1473. Ông xây dựng lý thuyết thiên văn nhật tâm "*Mặt trời là trung tâm của vũ trụ*" - Trái đất quay xung quanh mặt trời thay vì mặt trời quay xung quanh trái đất, ngược với thuyết *địa tâm*. Nhà thiên văn học trẻ tuổi Bruno (1548) người Italia bị giáo hội La Mã thiêu sống trên dàn thiêu năm 1600, chỉ vì ông theo quan điểm của Copernic. Theo giáo hội La Mã thưở sơ khai Thượng đế tạo ra trời và đất. Trước đó chỉ là sự trống rỗng sâu thẳm, thì quá sức hiểu biết của con người, chỉ biết rằng cái mãnh lực mà ta gọi là Thượng đế vẫn luôn luôn có ở đó. Không có Thượng đế thì không có vật gì, không có động lực, không có "*cái không*".

Phật giáo không phát biểu về cội nguồn sinh ra vũ trụ, nhưng cho rằng nếu không có sáng thế thì vũ trụ không thể được sinh ra. Như vậy vũ trụ không có năm bắt đầu, cũng không có năm kết thúc, là một vũ trụ tuần hoàn, vĩnh cửu.

Trong thời cận đại các nhà khoa học phát biểu quan điểm có tính cách mạng về vũ trụ học, theo đó "*Big bang*" xảy ra ở mọi thời điểm, vũ trụ bậc khác. Theo Vaneziane, Bigbang không phải là khởi đầu của vũ trụ, mà đơn giản chỉ là một bước ngoặt trong lịch sử của vũ trụ.

Được đẩy bởi một vụ nổ nguyên thủy, vũ trụ nở ra. Với lý thuyết vụ nổ (Big bang) vũ trụ có được một lịch sử. Nó có một điểm bắt đầu, một quá khứ, một hiện tại và một tương lai. Một ngày nào đó, nó sẽ chết đi trong lò lửa địa ngục kinh hoàng hoặc trong cái lạnh băng giá. Tất cả các cấu trúc của vũ trụ - hành tinh, sao, thiên hà, đám thiên hà - đều chuyển động không ngừng và tham gia vào một vũ điệu vũ trụ khổng lồ: chuyển động quay quanh nhau, quanh trục, rời xa hoặc xích lại gần nhau. Chúng cũng có một lịch sử: sinh ra, trưởng thành rồi chết. Các ngôi sao trải qua một vòng đời sinh tử kéo dài hàng triệu, thậm chí hàng tỷ năm.

Các nhà nghiên cứu quốc tế đã khởi động một cuộc thí nghiệm vật lý với mục đích tái tạo sự kiện khai sinh vũ trụ Big bang nhằm tìm ra câu giải thích về nguồn gốc vũ trụ và cách mà nó nuôi dưỡng sự sống. Đây là dự án trị giá 9 tỷ USD của 20 nước thành viên thuộc Tổ chức Nghiên cứu hạt nhân châu Âu (CERN), thu hút sự tham gia của nhà khoa học từ 80 nước. Để có thể thực hiện được cuộc thí nghiệm này các chuyên gia đã lên kế hoạch cho các hạt va đập mạnh với nhau ở quy mô nhỏ bên trong cỗ máy khổng lồ mang tên Large Hadron Collider (LHC) tại đường hầm sâu khoảng 100m tại biên giới Pháp - Thụy Sĩ. LHC sử dụng các nam châm cực lớn để phóng các tia nguyên tử xung quanh đường ống dài 27km, nơi mà chúng sẽ va chạm nhau với tốc độ gần với tốc độ ánh sáng. Vụ va chạm tức khắc tạo ra nhiệt độ nóng gấp 100.000 lần Mặt Trời, tạo ra các điều kiện giống như vào thời khắc khoảng 1 phần tỷ giây sau sự kiện Big bang.

Được cho là điểm khởi đầu tạo nên vũ trụ cách đây 13,7 tỷ năm. Điều quan trọng nhất mà giới nghiên cứu hy vọng sẽ gặt hái được là xác định liệu có sự tồn tại của hạt

Higgs Boson hay không để giải mã được bí mật về cách vật chất có được khối lượng. Không có khối lượng, các ngôi sao và hành tinh trong vũ trụ không bao giờ hình thành được sau sự kiện Big bang và cuộc sống không bao giờ có thể bắt đầu.

Cơ quan hàng không vũ trụ Mỹ (NASA), ngày 07 tháng 05 năm 2008 công bố phát hiện về một vụ nổ supernova trong thiên nhiên lớn nhất từ trước đến nay, phát ra luồng ánh sáng gấp 5 lần các vụ nổ khác mà con người quan sát được. Supernova xảy ra khi một ngôi sao có kích thước cực lớn vào cuối kỳ tồn tại đã bị sụp đổ bởi chính sức hút của nó và phát nổ dữ dội. Vụ nổ ngôi sao trên, có tên là SN2006gy, cách trái đất 250 triệu năm ánh sáng, đã kéo dài khoảng 70 ngày so với khoảng thời gian vài tuần trong các vụ nổ tương tự. Từ quy mô của vụ nổ, các nhà khoa học ước tính sao SN2006gy phải lớn hơn gấp 150 lần so với mặt trời.

Nhóm khoa học gia thuộc Đại học St. Andrews (Anh) tuyên bố đã tái tạo được lỗ đen vũ trụ trong phòng thí nghiệm bằng kỹ thuật Laser, mở đường cho sự khám phá một trong những bí mật sâu thẳm nhất của vũ trụ. Lỗ đen, phần còn lại của những ngôi sao bị đổ sụp, được giới khoa học đánh giá là các vật thể kỳ diệu nhất vũ trụ. Đó là vùng có trường hấp dẫn lớn đến mức không để bất cứ một dạng vật chất nào thoát khỏi mặt biên của nó.

Sau khi phân tích ánh sáng từ những thiên hà nhỏ, yếu ớt đang quay xung quanh dải Ngân hà, các nhà khoa học thuộc Đại học California - Irvine (Mỹ) cho rằng họ đã phát hiện được khối lượng tối thiểu của các thiên hà nhỏ nhất có khối lượng gấp khoảng 10 triệu lần khối lượng mặt trời. Đây là khối lượng tối thiểu của một khối vật chất bí ẩn, vô hình, gọi là vật chất tối. Các ngôi sao hình thành

bên trong những khối vật chất này kết lại với nhau và hình thành nên thiên hà. Có ít nhất 22 thiên hà nhỏ nhất mà con người phát hiện được, gọi là thiên hà lùn, xoay xung quanh dải Ngân hà của chúng ta. Các nhà nghiên cứu đã rút ra kết luận trên sau khi phân tích dữ liệu thu nhập được từ kính thiên văn Keck ở Hawaii.

Trong một bức thư Albert Einstein gửi cho Karl Schwarzschild - nhà vật lý thiên văn Đức, viết *"Cái đặc điểm của lý thuyết mới này là không gian và thời gian tự chúng chẳng có tính chất vật lý gì cả. Nói đùa, giả thử mọi vật trên đời biến mất, thì theo Newton ta hãy còn cái không gian rộng tuếch phẳng lặng mênh mang và mãi tên thời gian vẫn lặng lẽ trôi, nhưng theo tôi thì tuyệt nhiên chẳng còn chi hết, cả không gian lẫn thời gian và vật chất!"*.

Theo thuyết tương đối rộng một trong bốn công trình thần kỳ mà Einstein tặng cho hậu thế, theo đó những khái niệm tiên nghiệm có sẵn trong lý trí con người như Không Gian, Thời Gian, Vật Chất, Năng Lượng mà ta tưởng như độc lập với nhau, thực ra chỉ là những khía cạnh của một thực thể duy nhất bất khả phân, gắn quện với nhau, không có cái này thì cũng chẳng có cái kia. Chính vật chất, trong đó có da thịt tâm tư con người, tạo nên một không gian cong xoắn để vạn vật tự động rơi vào nhau, chứ chẳng có vật hút nào cả.

Vào thời điểm mà Einstein phát biểu về thuyết tương đối rộng và tương đối hẹp chưa ra đời lý thuyết CHÂN KHÔNG VẬT LÝ. Tác giả của lý thuyết này là nhà vật lý thiên tài Nga G.Sipov thể hiện bằng phương trình mô tả vật lý chân không, điều mà Einstein chưa kịp làm. Không như người cổ xưa nghĩ rằng vật chất phát sinh từ khoảng không.

B.Sípov viết: “Môi trường vật chất chất đầy vũ trụ là chân không vật lý. Nó là cái gì còn lại trong không gian khi mà người ta đã hút hết không khí ra khỏi không gian ấy, cũng như đã bỏ đi hết những hạt cơ bản cho đến hạt cuối cùng”.

Thì ra chân không vật lý là nền tảng duy nhất của các TRƯỜNG như trường hấp dẫn, trường điện - từ... Xoắn là những pha khác nhau của chân không vật lý.

Các trường phân biệt nhau bởi nhiều cấp độ - những cấp độ ấy ứng với những tần số dao động hẹp của sóng năng lượng tạo nên cho các trường năng lượng. Ví dụ trường điện từ chia ra trường ánh sáng, trường Ronghen, v.v... Tất cả các trường ấy gồm từ những hạt sơ đẳng là “*Vật chất mịn*” mà con người không nhìn thấy do khả năng vật lý hạn chế của mình.

Con người không thể thấy không có nghĩa là vật chất mịn không tồn tại. Chúng ta đâu nhìn thấy không khí ta thở, tuy nhiên nó tồn tại.

Các sóng năng lượng vật lý và các trường năng lượng đã biết và chưa biết đan vào nhau trong không gian vũ trụ, nhưng không thâm nhập vào nhau như các tia đèn chiếu trong đêm tối. Chúng lan tỏa ra tứ phía của không gian tạo ra “*Thế giới tế vi*” (mịn) hay gọi là “*Trường thông tin vũ trụ*”. Các sóng có mức rung động khác nhau, từ sóng điện từ thấp tần đến sóng xoắn cao tần.

Mỗi sóng cùng loại với sóng đồng bộ (Coherent) của loại đó tạo ra “*Đồ giao thoa*” hay gọi là “*Ma trận thông tin*”. Vũ trụ là một “*Toàn đồ*” (Hologramm) khổng lồ - Tại mỗi điểm của nó chứa đựng thông tin về toàn thế giới. Nhưng nó được mã hoá trong những vi cấu trúc toàn đồ.

Như vậy “Trường thông tin vũ trụ” có bản chất sống toàn đồ. Những phần tử của trường thông tin vũ trụ đều có bản chất toàn đồ và là những vật thể sống và không sống. Mỗi một điểm của thế giới toàn đồ có đầy đủ thông tin về thế giới nói chung.

Như vậy, với khái niệm trường tinh tế hơn hẳn các hạt vật chất vận động trong không gian trống rỗng, nền vật lý khám phá ra một thực tại mới, xem ra cơ bản hơn. Khái niệm trường sẽ dẫn đến tư tưởng tương đối trong vật lý, lý giải một cách xuất sắc thắc mắc của Newton do đâu mà có lực hút giữa các thiên thể.

Thậm chí nhiều nhà khoa học sẽ xem trường chính là đơn vị cơ bản của hạt vật chất. Không phải hạt vật chất sinh ra trường, mà chỉ là nơi bất thường, đặc biệt của trường mà người ta gọi là “Điểm kỳ dị”. Khái niệm trường cũng hết sức phù hợp để nghiên cứu các nguồn năng lượng khác, kể cả năng lượng “*Tâm linh*” như tác động tâm lý của con người với môi trường xung quanh, giữa người với người, giữa người với động vật, thực vật và môi trường vô sinh.

Công cuộc nghiên cứu vũ trụ tiếp tục không ngừng nghỉ. Một trong những mục tiêu tìm kiếm là liệu con người, hay sự sống nói chung, có tồn tại ở hành tinh nào khác trong vũ trụ ngoài trái đất của chúng ta.

Nhóm các nhà thiên văn học quốc tế đến từ Thụy Sĩ, Pháp và Bồ Đào Nha đã phát hiện một hành tinh giống Trái đất nhất từ trước đến nay nằm ngoài Thái dương hệ. Theo Hãng tin ANI, đây là hành tinh có bán kính lớn hơn 50% so với Trái đất có nhiều khả năng chứa nước trên bề mặt. Đội ngũ nghiên cứu đã sử dụng Đài thiên văn Bắc Âu để khám phá hành tinh trên, vốn có khối lượng lớn gấp 5 lần Trái đất và quay xung quanh một ngôi sao có tên

Gliese 581. Gliese 581 nằm trong số 100 ngôi sao gần Trái đất nhất, cách khoảng 20,5 năm ánh sáng.

Hành tinh mới được đặt tên là 581c, quay quanh sao lùn đỏ Gliese 581. Sao lùn đỏ có nhiệt độ bề mặt thấp nhất trong các loại sao và bằng khoảng 50% nhiệt độ của mặt trời (nhiệt độ bề mặt mặt trời khoảng 5.500 độ).

Dù sao lùn đỏ Gliese 581 không nóng bằng mặt trời, nhưng do khoảng cách giữa nó và 581c ngắn hơn khoảng cách giữa mặt trời và trái đất nên có thể hành tinh mới này không lạnh lẽo quá mức. 581c lớn gấp rưỡi và nặng gấp 5 lần Trái đất. Trọng lực trên hành tinh này vì thế cũng lớn khoảng gấp rưỡi so với trái đất, có nghĩa là một người nặng 100kg ở trái đất sẽ cân nặng 150kg trên 581c. Bề mặt hành tinh mới có thể được cấu tạo từ đất, đá và có thể có nước ở dạng lỏng. Giới khoa học phán đoán rằng nhiệt độ bề mặt của 581c dao động từ 32 đến 104 độ C. Từ đó, có thể hy vọng về sự tồn tại của sự sống trên 581c là có cơ sở.

Trước đây, trong nỗ lực tìm kiếm sự sống ngoài trái đất, các chuyên gia tập trung “*ống ngắm*” chủ yếu vào sao Hoả. Khi vươn ra khoảng vũ trụ bên ngoài Thái Dương hệ, người ta đã phát hiện 220 hành tinh, nhưng hầu hết đều không có những điều kiện cơ bản cho phép sự sống tồn tại. Chúng hoặc quá nóng, quá lạnh, quá lớn hoặc ở dạng khí. Chỉ đến khi hành tinh 581c được phát hiện thì hy vọng mới mở ra.

VŨ TRỤ DƯỚI ÁNH SÁNG CƠ HỌC LƯỢNG TỬ

Một trong những phát hiện lớn nhất và sinh ra nhiều suy luận triết học nhất của nền vật lý hiện đại là cơ học lượng tử. Nền cơ học này có ý nghĩa hết sức to lớn ở chỗ nó

tìm hiểu tính chất của thế giới vật chất tại “*Cái nơi*” của vật chất, tức là nghiên cứu các phần tử cuối cùng cấu tạo nên vật chất.

Ngành vật lý ngày nay đang nêu câu hỏi về bản thể học sâu xa nhất “*Thực tại là gì?*”. Đó cũng là luận đề cốt tuỷ của triết học, của thần học và tôn giáo.

Triết học một mặt đang làm nền tảng cho những lý giải quan trọng của nền vật lý hiện đại, mặt khác nó làm ta nghĩ đến triết học Phật giáo.

Năm 2000 là năm phát triển nghiên cứu các quy luật nền tảng của vũ trụ. Thực nghiệm chứng minh rằng vật chất và không gian là những hình thái khác nhau của các vận động kiểu sóng xoắn của ête thượng tầng. Vận động ấy gây nên bởi sự xoay vắn của cả vũ trụ. Chính sự xoay vắn của cả vũ trụ làm phát sinh các trường xoắn khởi thủy. Tức là những cơn xoay sơ đẳng không thời gian theo chiều phải và chiều trái, không mang năng lượng của quá khứ, hiện tại và tương lai.

Quy luật chủ yếu của ête động lực học cho phát triển vật lý học của cấu trúc xoắn có đẳng cấp của vũ trụ từ quy mô một hành tinh đến quy mô giữa các hành tinh.

Xung quanh ta đầy những sóng với bản chất khác nhau, Ví dụ mùi thức ăn ở bếp, hơi nóng từ lò sưởi, ánh sáng từ đèn, v.v... Chúng ta không thể tiếp nhận tất cả chúng vì lẽ khả năng vật lý của chúng ta có hạn. Cũng như chúng ta không cảm nhận sóng điện từ với tần số dao động khác nhau như sóng vô tuyến điện, bức xạ hồng ngoại và cực tím, tia rơngheh v.v... Ngoài ra còn có những sóng đứng của các vật thể trong đó có các cơ thể sinh vật. Tất cả những gì có xung quanh ta được cấu tạo từ những hạt cơ bản. Các điện tử, proton, neutron, meson v.v... cả vũ

trụ cũng gồm từ các hạt cơ bản. Theo vật lý lượng tử tất cả các hạt cơ bản vừa đồng thời là sóng. Cho nên bất cứ vật thể nào cũng có thể hình dung là những sóng đứng.

Sóng đứng là gì? Sóng đứng là sóng được hình thành do sóng chạy ngược chiều nhau và chồng lên nhau, những sóng ấy có tần số và biên độ như nhau. Sóng đứng là trường hợp sóng giao thoa của các sóng. Để cho dễ hiểu ta lấy một sợi dây, một đầu cố định vào đâu đó, còn đầu kia dây thường dùng đưa sợi dây để tạo ra những dao động, tức là những sóng. Những sóng ấy đứng một chỗ, bất động, tức là sóng đứng. Sóng ấy có chiều dài biên độ nhất định, cũng như mọi sóng trong vũ trụ, như sóng vô tuyến điện của đài phát thanh, như sóng trên quỹ đạo vũ trụ...

Bất cứ sóng nào cũng là sự nhiễu động của trường vũ trụ đã sinh ra nó. Mà trường là một dạng đặc biệt của vật chất. Gắn các hạt vật chất thành những hệ thống thống nhất.

Khoa cơ học lượng tử nghiên cứu hạt như là một cấu trúc vật lý và đồng thời như là sóng hoặc là năng lượng. Bên ngoài các hạt cơ bản như neutron, positron và các hạt khác, không có thế giới vật chất nào khác. Còn lại chỉ là phác đồ dạng sóng của chúng. Như thế nghĩa là vũ trụ cấu thành từ một bản thể nào đó mà không thể gọi là vật chất. Đó là bản thể tinh thần tế vi có cấu trúc sóng. Chính nó tạo ra cả thế giới vật lý.

Có những sóng có thể trong nháy mắt lan toả ra bất cứ điểm nào của vũ trụ. Nhờ đó bất cứ một lời nào nói ra hay một hiện tượng nào xảy ra đều để lại dấu vết tại mỗi điểm của vũ trụ vĩnh hằng. Vì thế có thể trông thấy được cả thế giới tức thì nhờ chức năng sóng.

Bản chất sóng không những thuộc về hạt cơ bản mà còn thuộc về nguyên tử, phân tử, con người và tất cả phần

còn lại của vũ trụ. Chính chức năng sóng - tinh thần - điều khiển thế giới vật chất. Thế giới vật chất ấy sẽ coi như chết nếu không có phần tinh thần ấy.

Trước khi có phát minh cơ học lượng tử loài người đã từng biết về tính chất hai mặt của thế giới tự nhiên xung quanh.

Thời cổ xa xưa con người va chạm với thực tại xung quanh mà chủ yếu là những hiện vật cụ thể như: Mặt trời, mặt trăng, cây cối, thực vật, v.v... Tuy nhiên, con người đã phải quan sát và suy nghĩ về những quá trình sóng trên mặt nước hồ ao, đại dương, những đám mây trên trời, sự xào xạc của lá cây khi gió thổi. Bởi thế không phải vô tình mà các nhà khoa học cổ Hy Lạp đã xây dựng thuyết sóng âm thanh để giải thích một số hiện tượng mà không ăn nhập với các quan niệm thiên về nguyên tử của Newton được thừa nhận thời ấy. Qua nhiều thế kỷ sau mới bắt đầu phát triển lý thuyết sóng ánh sáng thách thức mô hình hạt ánh sáng của Newton thời bấy giờ.

Cuối thế kỷ 19 từ đẳng thức Macwell rút ra và được xác định bằng thực nghiệm các đặc điểm định lượng của sóng điện từ. Trên cơ sở đó của thuyết vật lý học hợp thành quan niệm triết học bao quát.

Lý thuyết hạt của vật chất đã bị nghi ngờ. Vật lý học thế kỷ 20 đạt những thành tựu mới: Photon, Phonon, thuyết sóng của vật chất. Năm 1900, nhà vật lý Đức Mac Plank trong khi xác lập quy luật phân bố năng lượng trong phổ bức xạ của vật thể cực đen giả thiết rằng ánh sáng phát ra không liên tục mà với những tiểu phần riêng lẻ gọi là lượng tử. Đại lượng E của một lượng tử mà về sau gọi là lượng tử hành động, phụ thuộc vào tần số ánh sáng ν và $E = h\nu$, trong đó h là hằng số Plank. Trong công thức

này năng lượng E thuộc về hạt, còn tần số ν là đặc tính của sóng. Hằng số Planck $h = 6,626 \cdot 10^{-34}$ J.C thiết lập giới hạn đo của tất cả các thông số vật lý.

Năm 1905, phát triển ý tưởng của Planck trong thuyết hiệu ứng ánh sáng, Einstein đề xuất ý kiến ánh sáng gồm từ những phần rời rạc. Lượng tử ánh sáng, gọi là Photon. Như vậy để giải thích bức xạ vật thể đen và hiệu ứng quang - điện, không thể dùng thuyết sóng là đủ, mà phải dùng thuyết lượng tử Planck - Einstein.

Năm 1924, De Broil, giải Nobel về thuyết "*Tính chất sóng của vật chất*", xuất phát từ giả thuyết các hạt có thể có tính chất sóng của giao thoa, nhiễu xạ và có khả năng đi qua ranh giới trường biên của các môi trường.

Theo Broil chiều dài của sóng với chất tỷ lệ ngược với xung động của hạt, nghĩa là khối lượng càng lớn hoặc tốc độ của hạt càng lớn, thì độ dài hiệu ứng của sóng càng ngắn. Một lần nữa chiều dài của sóng và xung của hạt liên quan với nhau bằng hằng số Planck.

Theo thuyết của Broil không những các Photon của tất cả các hạt bình thường (electron, proton v.v...) đều có tính chất sóng biểu hiện trong nhiễu xạ của các hạt. Djermen đã quan sát nhiễu xạ của các điện tử.

Năm 1926, nhà vật lý Áo E. Sredinger đã đề xuất phương trình mô tả hành tung của các sóng như vậy trong các trường lực ngoài, đã tính toán được các mức năng lượng của các cấu trúc nguyên tử đơn giản nhất, tuyên bố rằng các điện tử tạo ra những sóng đúng với những điều kiện ranh giới hình cầu, xác định bởi điện năng của hạt nhân nguyên tử. Cơ học lượng tử đã phát sinh như vậy đó.

Các đại diện trường phái Copenhagen truyền bố rằng

cơ học sóng mô tả không phải hành tung vật lý của hạt mà chỉ là sự quan sát nó, nghĩa là cơ học sóng của hạt mô tả các hiệu ứng mà chúng ta không thể quan sát trực tiếp.

Những thuyết ra đời trước đó về sóng điện từ, sóng âm thanh cũng không nhìn thấy trực tiếp như sóng trên mặt nước, sóng do sự rung động của dây đàn.

Tuy nhiên hiện nay chưa lý giải được về phương diện triết học nghịch lý “Sóng - hạt”. Có điều quan điểm cho rằng sóng và hạt không thể coi là loại trừ nhau. Ngược lại để mô tả các sự kiện phải phối hợp cả sóng và hạt.

Nils Bohr khẳng định như thế khi nói về các phần tử khách thể và chủ thể, phân tích và ứng dụng, nhấn mạnh rằng không nên tự giới hạn bằng logic vật lý học.

Lại một lần nữa, Maxwell dùng toán học để minh chứng cho tuệ giác của Faraday, ở đây là mối liên hệ giữa ánh sáng và điện từ.

Với Maxwell khoa học đã vượt lên nền vật lý của Newton và tìm đến một thực tại vật lý mới. Einstein viết “*trong mọi trường hợp ta được phép tin rằng, trên con đường đầy thành quả do Faraday và Maxwell vạch ra, ta dần dần tìm được một cơ sở mới mẻ và chắc chắn cho toàn bộ ngành vật lý*”.

Với Maxwell nền vật lý có một sự hợp nhất bất ngờ: ánh sáng chính là một dạng của sóng điện từ.

Ngoài “*luận đề có - không*” vô cùng phức tạp, cơ học lượng tử còn nêu lên một ý niệm khác nữa là vật chất “*Đích thực*” không phải là sóng cũng chẳng phải là hạt. Sóng hay hạt chỉ là dạng xuất hiện của vật chất khi người ta tìm hiểu và tra vấn nó.

Ta có thể nói vật chất không phải là sóng, không phải là hạt; nhưng cũng có thể nói, vật chất vừa là sóng, vừa là

hạt. Nguyên lý này được Niels Bohr phát hiện một cách hoàn toàn độc lập mà ông gọi là “*nguyên lý bổ túc*”. Chỉ vì ta đồng hoá sự vật là sóng hay là hạt, thấy sóng hay hạt là “*tự tính*” của vật, ta mới thấy mâu thuẫn. Mâu thuẫn xuất hiện là do quan niệm của ta chứ không phải do sự vật. Cũng như điện có thể sinh ra hơi nóng, phát ra hơi lạnh. Nóng và lạnh mâu thuẫn với nhau nhưng chúng đều là “*Dụng*” của điện, không phải tự tính của điện. Hiểu như thế thì không ai thấy điện “*Mâu thuẫn*” cả.

Cũng trong ngành vật lý hạt, một vấn đề vô cùng lớn được đặt ra là tính chất xác suất của chúng. Vận tốc và vị trí của các hạt không phải là một con số chính xác nữa, là một nhóm số mang tính xác suất được gọi là ma trận. Thế thì những gì là “*Chắc chắn*” trong thế giới hạ nguyên tử? Không có gì ngoài tính chất thống kê cho một số lượng lớn những hạt. Khái niệm “*có - không*” bị đặt lại thành “*có thể có, có thể không*”.

Bởi thế quan niệm trên của Nils Bohr và Heisenberg phải được phát biểu là “*Thuyết lượng tử nói về sự vận hành của tự nhiên trong lĩnh vực nguyên tử, cho thấy nó (tự nhiên) phản ứng thế nào khi được nhận thức bởi một chủ thể có ý thức*”. Và nếu phát biểu về thuyết lượng tử như thế thì ta đến rất gần với quan điểm của vị giám mục Berkeley “*Esse est percipi, thực tại là thực tại được nhận thức*”. Câu này nghe qua khó hiểu nhưng nếu nói một cách khác, ta có thể phát biểu: “*Không có người quan sát thì không có vật được quan sát*”. Không có chủ thể thì không có khách thể.

Nhà vật lý người Anh John Gribbin từng nói các hạt như nguyên tử và electron cũng không hề có trước thế kỷ thứ 20 vì trước đó không ai thấy chúng cả.

Cơ học lượng tử cũng như những phát triển mới nhất của ngành vật lý còn vạch rõ ra một điều cơ bản nữa. Đó là cách suy tư và tất cả những khái niệm của chúng ta đều bị quy định bởi không gian và thời gian đặc biệt của con người. Đó là một không gian ba chiều và thời gian một chiều.

Thực tại mà con người phát hiện và mô tả chắc chắn chỉ là một mô hình trừu tượng của toán học, không thể là đối tượng của cảm quan thông thường của con người.

Hiện nay người ta cho rằng vật chất trong vũ trụ phần lớn là vật chất tối, thứ vật chất không hình thành từ proton, neutron và electron như của chúng ta. Với một khái niệm đó thôi thì nó đã nằm ngoài khả năng nhận thức của cảm quan, nếu có thì nó chỉ được chứng nghiệm một cách gián tiếp.

Điều thú vị nhất là tư tưởng của Kant - vốn là một hệ thống triết học - ngày nay có thể soi sáng cho những vấn đề vật lý đang bức xúc đặt ra cho con người.

Là một triết gia của thế kỷ thứ 18, của thời đại mà nền vật lý còn đi những bước dò dẫm trong thế giới tự nhiên, Kant đã nêu một nhận thức luận có thể làm một bộ đuốc để soi sáng cho những vấn đề của lý thuyết tương đối, thuyết lượng tử và các nỗ lực của kỷ nguyên ngày nay trong việc đi tìm một lý thuyết chung cho vũ trụ.

Ngày nay khi nhà vật lý tiên đoán rằng thực tại là một thể nằm trong một không gian 10 chiều (lý thuyết dây) hay 11 chiều (lý thuyết siêu trọng trường) hay 18 chiều như trong các thuyết gần đây và thế giới mà ta đang nhận thức là phản ánh của thực tại đó trong thế giới ba chiều không gian của con người thì quan niệm của Kant về không gian và thời gian - các mô thức tiên nghiệm của trực quan - có thể là một lý giải quan trọng. Đó là thế giới

của chúng ta mang đầy tính chất chủ quan của con người, một thế giới do các yếu tố siêu nghiệm của con người xây dựng nên, một thế giới trình hiện lên đúng như khả năng của ta. Kant viết *“điều kiện để nhận thức cũng là điều kiện để hình thành nên đối tượng nhận thức”*.

E.Mach, nhà vật lý người Áo, nêu lại một quan điểm thực chứng về lý thuyết khoa học. Theo ông, khoa học không gì khác hơn là lý thuyết về những gì xác nhận bằng các giác quan. Chỉ những gì giác quan thừa nhận mới được có chỗ trong khoa học. Hiển nhiên, đây là một dạng của quan điểm công cụ vì nơi đây khoa học chỉ lý giải kinh nghiệm giác quan, nó không có tham vọng nói gì về bản thể của thực tại.

Sự phát hiện các quy luật trong cơ học lượng tử làm cho người ta đặt lại vấn đề. Đó là thiên nhiên được quan sát dường như không phải là một thực tại độc lập mà nó đang tương tác với ý thức vốn đã tra hỏi về nó. Những đơn vị cuối cùng của thế giới vật chất như nguyên tử, các hạt cơ bản.... hành xử rất kỳ lạ. Chúng có nhiều bộ mặt và tính chất hoàn toàn mâu thuẫn lẫn nhau, nếu lấy phép tư duy thông thường của chúng ta mà xét. Heisenberg nói *“nguyên tử không phải là vật”*. Bohr, nhà vật lý lượng tử xuất sắc, tổng kết sau nhiều năm làm việc với nền khoa học này: *“không hề có một thế giới lượng tử, chỉ có một sự mô tả lượng tử trừu tượng”*.

Trong quan niệm công cụ, tất cả mọi khái niệm vật lý như khối lượng, năng lượng, điện tích, sóng, hạt... đều chỉ là cấu trúc của tư duy. Theo triết gia xuất sắc nhất hiện nay của phái công cụ - Bas van Fraassen thì *“Mục đích của khoa học là cho ta những lý tuyết tương thích với thực nghiệm”*.

Thực tế là các lý thuyết và các khái niệm bị thay đổi liên tục, nhất là trong thế kỷ 20, nên quan niệm công cụ ngày càng được chấp nhận. Thí dụ, khối lượng trong thời đại Newton được hiểu như một chất liệu hoàn toàn cứng chắc, không thay đổi theo thời gian và không gian. Ngày nay, trong vật lý tương đối, khối lượng được xem là năng lượng đang “*Đứng yên*”. Trong vật lý hạt, tính cứng chắc của vật thể được xem là hệ quả của tương tác điện từ.

Trong thời đại hiện nay nhà vật lý xuất sắc nhất là Stephen Hawking. Trong nền vật lý hiện đại, khi con người bắt đầu cảm nhận rằng, phải chăng thực tại là một thể tính nằm “*Cao*” hơn không gian ba chiều của chúng ta, phải chăng thế giới mà ta cảm nhận chỉ là sự phản ánh của thể tính đó trong không gian của loài người. Quan niệm công cụ trong khoa học dần dần được coi trọng.

Thế nhưng cái khác với thời kỳ của Plato và Aristot là ngày nay người ta đã tìm đến với những đơn vị nhỏ nhất của vật chất, của cái mà người ta cho là “*có*”. Và tại đơn vị cơ bản nhất của cái “*có*”, tức là lĩnh vực của thế giới hạ nguyên tử, người ta thấy vật chất dường như vừa có vừa không. Vật chất có hai mặt, mặt sóng và mặt hạt.

Con người còn đến với những nhận thức mới trong ngành thể chất học. Đó là một ngành khoa học mới mà đối tượng của nó là mối liên hệ giữa thân và tâm, sự hình thành của cái thấy, cảm xúc, nhận thức, tư duy. Ngành khoa học ngày nay đã trở thành một lĩnh vực không thể không biết đến, khi tìm hiểu về vật lý và triết học. Nó chính là cầu nối giữa một bên là “*Vật chất*”, bên kia là “*Tinh thần*”, giữa khách thể và chủ thể. Trong thời đại này người ta tìm thấy vô số công trình, tài liệu... về ngành thể chất học và hầu như không ai có được một lần nhìn toàn

thể, có tính chất kết luận về đề tài này. Thế nhưng, nhìn nhưng, người ta đi đến sự nhất trí rằng, mối liên hệ giữa thân và tâm là phức tạp hơn hẳn so với những gì người ta biết đến trong những thế kỷ trước, chúng có một mối quan hệ mật thiết và có tính chất *"Tương tác"* lẫn nhau. Kết luận quan trọng nhất là tâm không phải là một thể thụ động, chờ đợi vật chất tác động lên, mà nó *"tương tác"* với vật chất để sinh ra mọi cái mà ta gọi là nhận thức, cảm xúc, tư tưởng.

Cái biết nội tâm và thông tin từ ngoại cảnh tương tác với nhau để sinh ra nhận thức, đó là kết luận xem ra được thừa nhận nhất hiện nay trong khoa học. Thông tin ngoại cảnh (như sóng hay hạt) đến với ta, chạm vào các giác quan như mắt, tai. Các giác quan này tương tác với những thông tin đó mà sinh ra màu sắc, âm thanh hay cảm xúc nóng lạnh.

Cơ học lượng tử nghiên cứu các phần tử cuối cùng cấu tạo nên vật chất, trong khi đó chúng là một khoảng không bao la.

Thế giới nguyên tử và dưới nguyên tử cũng không nằm ngoài trò chơi này, ở đó tất cả cũng đều vô thường. Các hạt có thể thay đổi về bản chất: Một hạt quark có thể thay đổi họ hoặc vị, một Proton có thể trở thành một Neutron, đồng thời phát ra một proton.

Nhưng quan niệm này không thể trả lời một cách rành rẽ cho câu hỏi hiện sinh của Leibniz: *"Tại sao có một cái gì đó còn hơn là không có gì cả?"*. *"Tại sao các định luật vật lý lại như chúng hiện là chứ không phải là những cái khác?"*. Chẳng hạn chúng ta có thể hình dung rất rõ sự sống trong một vũ trụ chỉ được mô tả bằng các định luật của Newton. Nhưng thực tế không phải là như vậy. Chính

các định luật của cơ học lượng tử và sự tương đối mới giải thích được vũ trụ mà chúng ta biết.

Theo Trịnh Xuân Thuận, quan niệm về các nguyên tử xếp cạnh nhau tạo thành vật chất không xa lắm với quan niệm của vật lý hiện đại. Hiện nay chúng ta biết rằng nguyên tử gần như là trống rỗng. Hạt nhân chiếm tới 99,9% khối lượng của nguyên tử, nhưng chỉ chiếm một phần triệu tỷ thể tích của nó. Phần thể tích còn lại được chiếm bởi đám mây các Electron chuyển động náo nhiệt. Vật chất có vẻ như là liên tục trước mắt chúng ta, bởi vì mắt của chúng ta không nhìn thấy gì ở thang nguyên tử nhỏ cỡ một phần trăm triệu centimet.

Khái niệm về tính trống rỗng, tính không, phát sinh trực tiếp từ quan niệm về sự phụ thuộc lẫn nhau. Sự trống rỗng ở đây không có nghĩa là hư vô mà chỉ là không có sự tồn tại riêng mà thôi. Bởi vì tất cả đều phụ thuộc lẫn nhau, nên không có gì có thể được xác định và tồn tại bởi chính quan niệm về các đặc tính nội tại tồn tại tự thân và bởi chính nó không còn được đặt ra nữa. Một lần nữa vật lý lượng tử lại cung cấp một ngôn ngữ tương đồng đến kinh ngạc. Theo Bohr và Heisenberg chúng ta không thể nói về các nguyên tử, các Electron như các thực thể có thực với những tính chất rất xác định như vận tốc hay vị trí. Chúng ta phải coi chúng như những yếu tố tạo nên một thế giới không phải của các vật và các sự kiện, mà thế giới của các tiềm năng. Chính bản chất của vật chất và ánh sáng cũng trở thành một trò chơi của mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau: Nó không còn là nội tại nữa mà có thể thay đổi do sự tương tác giữa người quan sát và vật được quan sát. Bản chất này không phải là đơn nhất, mà mang tính hai mặt bổ sung cho nhau. Hiện tượng mà chúng ta

gọi là “hạt” lại có dạng sóng khi người ta không quan sát nó. Nhưng ngay khi ta thực hiện phép đo hay quan sát, nó lại khoác trở lại bộ áo hạt. Nói tới một hiện thực nội tại đối với một hạt, hiện thực tồn tại khi người ta không quan sát nó, là vô nghĩa vì người ta không bao giờ có thể nắm bắt được nó.

Ngành vật lý đã đi rất xa trong việc tìm hiểu thế giới khách quan, nhưng con người đã gặp phải một chương ngại tự nhiên. Đó là sự nhận biết thế giới của mình có giới hạn về mặt nguyên tắc vì tư duy của mình bị thế giới 3 chiều quy định. Câu nói của Socrates cách đây 25 thế kỷ bỗng nhiên vang vọng lại trong một ý niệm mới: *“Tôi biết mình không biết gì cả”*.

Sau khoảng 25 thế kỷ, khoa học vật lý đứng trước một tình hình rất lạ thường. Xuất phát từ một giả định có tính bản thể học - thế giới hiện tượng là một thực tại độc lập với ý thức của con người - nhà vật lý đã đi một khoảng thời gian rất dài, với hàng trăm thế hệ các nhà khoa học xuất chúng, phát hiện những bí ẩn hết sức bất ngờ của thiên nhiên, đến với những thành tựu về khoa học và kỹ thuật vĩ đại. Trong thời đại ngày nay, khi người ta có cảm giác nền vật lý sắp tiến đến tri kiến chung cuộc về thế giới, ta lại đứng trước một câu hỏi về bản thể học. Đó là thế giới hiện tượng trước mắt ta thực chất nó là gì, nó liên hệ thế nào với ý thức con người. Tại điểm xuất phát và cũng là điểm “*kết thúc*” này thì những luận đề của vật lý cũng chính là triết học, mà chúng ta thừa biết triết học thì không thể có kết thúc.

Phát minh cơ học lượng tử là tiếng nói cuối cùng của khoa học cho đến ngày nay. Như vậy khoa học đã chứng minh rằng bên ngoài thế giới vật lý còn tồn tại thế giới

sống có tổ chức phức tạp hơn nữa. Để khẳng định lý thuyết ấy các nhà khoa học đã tạo ra bộ cảm biến tinh thể lỏng để cố định chức năng sống. Mỗi một chức năng ấy là vật mang bản thể với tổ chức phức tạp hơn so với thế giới vật lý và vì thế nó điều khiển thế giới vật lý.

TRƯỜNG THÔNG TIN ĐỊA CẦU CỦA VŨ TRỤ

Trường thông tin địa cầu đã hình thành như thế nào. Để tìm hiểu tại Nhật Bản các nhà khoa học đã tiến hành thí nghiệm trên đảo Kosima, nơi có nhiều khí hoang sinh sống.

Nội dung thí nghiệm như sau: Cho khi ăn khoai tây ngọt bằng cách ném khoai vào bãi cát dơ bẩn. Bỗng nhiên có một con khi cái trẻ nghĩ ra cách rửa khoai cho hết cát dính. Sau một số năm số khi bắt chước rửa khoai tăng lên đến một trăm con nên thí nghiệm được gọi là "*con khi thứ một trăm*". Điều đáng ngạc nhiên là kinh nghiệm rửa khoai cũng được các khi ở đảo khác áp dụng. Các nhà khoa học đi đến suy nghĩ rằng phải có một trường thông tin bao trùm tất cả các đảo thì mới có hiệu quả thông tin với nhau như vậy.

Ngày nay đã có nhiều thực nghiệm làm bằng chứng cho sự tồn tại trường thông tin của địa cầu. Trường thông tin địa cầu có đặc điểm làm vật chất hoá ý tưởng của con người. R.Sendreik nhận xét "*con người nắm bắt được kiến thức để bao nhiêu thì kiến thức ấy dễ trở thành của số đông bấy nhiêu*".

Những trường thông tin cũng hiện hữu giữa các loài sinh vật khác, thậm chí giữa các loài cây cối. Theo thuyết

của R.Sendreik não của người và súc vật tự thân không chứa ký ức, tri thức. Tất cả các thứ đó ở trong các trường sinh hình thái.

Như vậy tồn tại những trường sinh hình thái chung cho tất cả các sinh vật trên quả đất gọi là “Trường thông tin địa cầu”. Nhờ đó mà tất cả sinh vật tương quan với nhau.

Những kiến thức tích lũy trong trường thông tin địa cầu là thành tựu của cả nhân loại. Đó chính là cái bộ não toàn cầu. Theo quan niệm khoa học hiện đại vũ trụ là một cấu trúc thông tin - năng lượng thống nhất toàn vẹn. Có thể gọi nó là sự hiện hữu tiên khởi và là trạng thái tiên khởi của vật chất, hay gọi là “Vật tổ”. Chính từ vật tổ này, tức là từ trường thông tin năng lượng này, từ những sự cô đặc và những tạo hình cục bộ mà làm thành cả thế giới vật lý và tất cả chương trình thực tại được giữ kín của thế giới bên kia. Con người và các thực thể khác của thế giới-sống và không sống-tồn tại trong sự tương tác vĩnh hằng. Chúng thường xuyên trao đổi thông tin và năng lượng cho nhau, cho môi trường xung quanh bằng trường thông tin-năng lượng, và bằng cách đó đảm bảo sự tồn tại, sự phát triển, sự toàn vẹn của mình. Mỗi một thực thể có tiềm năng thông tin-năng lượng của mình để thực hiện sự tương tác ấy. Tiềm năng ở mỗi thực thể có thể khác nhau, phát ra toàn bộ, chỉ phát ra một phần, còn một phần giữ kín, không hoạt động, bị động...

Người ta đã khám phá ra phương tiện, phương pháp tăng cường tương tác của con người với trường thông tin. Chẳng hạn người ta đã lập ra những trung tâm thông tin ở Mascova và Peterburg (Nga). Ở đó người ta dạy cho những ai muốn bắt liên lạc với trường thông tin địa cầu, thâm nhập vào một tầng thông tin nhất định để đọc thông tin

cần thiết. Khoa học gọi cách nhận thông tin ấy là trực cảm hay linh cảm.

Cha của bom nguyên tử đầu tiên là người Mỹ R.Oppenheimer (1904 - 1967). Khi nghe vụ nổ ở Hiroshima ông đã rất mừng vì đứa con đầu lòng của ông đã bắt đầu làm việc.

Giờ đây, trong khi lục lại bút tích của R.Oppenheimer để lại sau khi chết, một dòng chữ của ông đã khiến người đời nhìn lại theo một cách mới về ý tưởng bom nguyên tử. Nội dung của phát minh "*Quái quỷ*" của ông đã được gọi ý từ trên "*Cao*" bởi sinh linh siêu nhiên, và sự gợi ý ấy đã được thực hiện một cách chính xác đến từng chi tiết.

Một trong những phương pháp liên hệ với trường thông tin địa cầu là dùng mặt gương.

Những hình ảnh tạo ra trong gương tích tụ ở trong không gian thông tin địa cầu. Theo viện sĩ P.Kaznasep ý nghĩ, lời nói, cảm xúc, hành động của con người phản ánh trong "*Gương đại dương từ trường*" và tồn tại vĩnh hằng ở đó.

Phát triển ảo ảnh tinh thần nhờ thôi miên người ta có được khả năng đọc được thông tin như thế, bằng cách nhìn lại quá khứ, nhìn vào hiện tại và tương lai, thực hiện bằng gương lõm.

Tất cả những hiện tượng *Huyền bí* của tâm trạng con người như trạng thái biến đổi ý thức, viễn tâm động học, tiên tri, thần giao cách cảm, trị bệnh theo y học đa chiều v.v... đều là kết quả của sự tương tác của con người với trường thông tin-năng lượng địa cầu. Mức độ tương tác càng cao thì tiềm năng con người càng rộng mở, sức khỏe con người càng tăng, sinh khí càng nhiều.

Chúng ta cần học cách đánh thức và mở rộng những tiềm năng trời ban cho lúc ban đầu. Quá trình ấy là hiện thực và mọi người có thể học làm được.

Ý THỨC VŨ TRỤ – KHỞI NGUYÊN CỦA MỌI KHỞI ĐẦU

“Những điều kỳ diệu không mâu thuẫn với quy luật thiên nhiên, chỉ mâu thuẫn với quan niệm của con người về quy luật thiên nhiên”.

Augustin Blajenni

Vũ trụ gồm những vật chất không giống nhau, có thể giới vật chất mịn, có thể giới vật chất đặc, có thể giới vật chất cứng với năng lượng nén chặt, ví dụ trái đất. Như vậy vật chất đa dạng với năng lượng đa dạng.

Lớp vật chất cứng là trường năng lượng sản sinh ra sóng thấp tần. Lớp vật chất mịn là trường năng lượng sản sinh ra sóng cao tần và siêu cao tần... Lớp trên hết của vật chất mịn không còn có cấu trúc năng lượng mà có cấu trúc thông tin, là trường xoắn với những độ rung khác nhau.

Trường xoắn chứa những khuôn mẫu thông tin khác nhau mà theo đó cấu tạo nên những vật chất khác nhau.

Tính hiện thực của thế giới mịn đã được chứng minh bằng những công trình nghiên cứu các hiện tượng ý thức trong các bộ môn khoa học TÂM - VẬT LÝ.

Theo quan điểm khoa học hiện đại ý thức là dạng thông tin cao nhất, là thông tin sáng tạo. Mỗi liên kết “thông tin - ý thức”, cũng như liên kết “Năng lượng - vật chất” là nền tảng của vũ trụ.

Thông tin là một trong số những tính chất tổng hợp của vật thể, của hiện tượng, của quá trình. Nó có khả năng

tiếp nhận trạng thái bên trong và những tác động bên ngoài của môi trường, bảo tồn chúng trong một thời gian nhất định, truyền các kết quả xử lý cho các vật thể, các hiện tượng, các quá trình khác.

Sự sống trên trái đất không thể có nếu các sinh vật không nắm bắt được thông tin đến từ môi trường xung quanh, không biết xử lý nó và truyền cho nó những sinh vật khác.

Kiến thức khoa học tự nhiên không tách rời khỏi ý thức và vật chất. Vốn không phải chỉ là tinh thần hay chỉ là vật chất, thông tin chỉ là sự kết hợp của tinh thần với vật chất.

Cách đây chưa lâu người ta còn quen coi thế giới mịn (tế vi) thuộc lĩnh vực siêu hình và tâm linh. Nhưng từ đầu những năm 1990 của thế kỷ trước, sau khi xuất hiện lý thuyết vật lý chân không đúng đắn của viện sĩ N.Sipov và sau khi tìm ra trường xoắn như là nền vật chất của thông tin trong thế giới tế vi thì thế giới tế vi đã trở thành đối tượng của vật lý hiện đại.

Ngày nay nhiều nhà khoa học thừa nhận ý thức là máy cái sản sinh ra thông tin, đầy nhanh phi thường tốc độ tiến hoá của đời sống con người.

Có 4 tình huống cần lưu ý khi định nghĩa ý thức:

1. Trường ý thức cũng được gọi là trường tâm thần.
2. Đối tượng ý thức được coi như ý nghĩ và cảm xúc.
3. Chủ thể của ý thức là nguồn cảm xúc.
4. Ý thức là cơ sở của sự tồn tại.

Vật mang thông tin là trường xoắn tạo ra trong thế giới mịn không phải một loạt các bậc như trong thế giới vật chất, mà là một loạt các vòng xoắn với độ rung khác nhau và tần số khác nhau.

Thực tại của thế giới mìn đã được khoa học chứng minh bằng những nghiên cứu các hiện tượng ý thức trong tâm - vật lý và cơ học lượng tử.

Mặt khác thế giới mìn như là thế giới ý thức thuần túy phải chứa đựng thông tin về tất cả cái gì là vật chất. Mà điều đó rất phức tạp: ý tưởng, quy luật thiên nhiên, thuật toán phát triển, ngân hàng số liệu v.v...

Như vậy thế giới ý thức hay thế giới không hiển hiện (mìn) phức tạp hơn nhiều so với thế giới vật chất thể hiện. Như vậy là có sự tồn tại của thế giới mìn của ý thức thuần túy.

Tóm lại ý thức vũ trụ là bản thể sống năng lượng quy mô toàn vũ trụ có khả năng tự phát triển, tự ý thức, cũng như sáng tạo vô hạn.

Tuyệt đối hư vô có liên quan với siêu ý thức hay còn gọi là "*chân không vật lý*" tạo ra các trường xoắn nguyên chất, các trường xoắn nguyên chất tác động lên chân không vật lý sinh ra năng lượng và vật chất.

Như vậy là tồn tại một chuỗi: sự kiện tuyệt đối hư vô - siêu ý thức - thông tin - năng lượng - vật chất.

Siêu ý thức là hình thức cao nhất của thông tin vũ trụ, là "*Kế hoạch tiên phát*" của sự hình thành quả đất và tiếp đó là vạn vật và sự sống trên đó. Nói cách khác, thông tin là cơ sở của sự tạo tác vật chất của sáng thế. Đầu tiên phải có thông tin, vật chất sẽ có trong tương lai: Cái gì sẽ được tạo ra, ở khu vực nào của không gian, ngoại hình của đôi tượng vật chất mới được tạo ra và cấu trúc năng lượng bên trong của nó như thế nào. Năng lượng điều khiển thông tin được đóng gói vào trong một trạng thái siêu đặc, đó là vật chất mà theo chương trình định trước lại sẽ bảo tồn

theo thời gian và như vậy vật chất là hình thái tiếp nhận năng lượng theo thông tin do ý thức để ra.

Như vậy nền tảng của thế giới là ý thức, là khởi nguyên của thế giới. Ngày nay dưới ánh sáng của những phát minh hiện đại, sự tồn tại của thế giới như là của ý thức vũ trụ thể hiện một cách khác nhau.

Một số nhà sinh vật học đương đại cho rằng ý thức bắt nguồn từ sự tổ chức ngày càng phức tạp của các hạt vô sinh, nghĩa là nó là một tính chất đột phát xuất hiện của vật chất.

Như vậy, trong các luận đề triết học đương như cốt tuỷ hơn cả là mối quan hệ giữa ý thức và vật chất. Làm sáng tỏ được mối quan hệ đó tức là trả lời được một phần các vấn đề còn lại. Thế nhưng trong vấn đề này thì ý kiến giữa các nhà vật lý hãy còn xa nhau, giữa các nhà vật lý có rất nhiều khác biệt trong tư tưởng, nhưng nói chung, họ xem thế giới mà chúng ta đang nhận thức là sản phẩm của một sự tương tác qua lại giữa thế giới vật chất và thế giới của ý thức. Cho nên thực tại mà ta tưởng là khách quan thực chất là có sự “*Tham dự*” của ý thức.

Viện sĩ N.Sipov, Giám đốc trung tâm vật lý chân không viết:

“Tôi khẳng định rằng có một lý thuyết vật lý mới được xây dựng. Theo đó siêu ý thức có liên quan với “Hư vô tuyệt đối”. Cái hư vô tuyệt đối ấy tạo ra “Kế hoạch - ý tưởng”, chứ không tạo ra vật chất.

Liệu có thể mô tả thế giới tế vi trong khuôn khổ nhận thức khoa học hiện đại? Liệu có thể xây dựng mô hình thông tin - tinh thần của thế giới tế vi?

Điều đó có thể, nếu dựa trên thành tựu của các khoa học cơ bản đương đại như Vật lý học, nhiệt động học, sinh vật học, toán học...

Viện sĩ N.Vonsenko (Nga) đã xây dựng được mô hình thông tin - năng lượng như thế.

Vonsenko dùng rộng rãi các kiểu khác nhau của tương tác thông tin - năng lượng hiện hữu trong thiên nhiên. Ví dụ rất phổ biến tương tác thông tin - năng lượng yếu, thậm chí cả tương tác thông tin đơn thuần hầu như không thể đo đếm tiêu hao năng lượng. Đáng chú ý là nhiều khoa học gia bảo thủ cho đến bây giờ vẫn quan niệm rằng nói chung không thể có việc biến đổi thông tin thành năng lượng. Mặc dầu vậy kinh nghiệm sống và khoa học buộc phải đi đến kết luận không gian - thông tin - năng lượng là một chuỗi liên hoàn.

Vonsenko cho biết khi muốn làm việc trong lĩnh vực năng lượng hạt nhân đã đụng chạm những quá trình mà trong đó tỷ trọng công suất, trong các hệ thống ở mức 10^{10} - 10^{20} watt/cm². Khi làm việc trong lĩnh vực sinh thái kỹ thuật ông đã làm việc với công suất ở mức 10^2 - 10^{30} watt/cm². Sau đó hoạt động của ông có liên quan với sinh thái đời sống con người.

Đối với các hệ thống sống công suất cao nguy hiểm chết người, còn ngưỡng ranh giới thấp nhất của tính năng lượng đối với sinh vật bằng 10^{-10} - 10^{-20} watt/cm². Những dạng công suất ấy không ghi nhận được bằng thiết bị đo điện từ. Chúng tương ứng với tương tác thông tin trong sinh trường, cũng như các quá trình chậm chạp, liệu pháp tần số sóng ngắn...

Tính năng lượng của các hệ thống sống so với các hệ thống không sống thì thấp hơn nhiều: $E < 10^{-10}$ watt/cm². Ngược lại tính thông tin đạt tới những mức rất cao.

Ví dụ: tương tác thông tin - năng lượng ở những huyết mạch chậm chạp bằng $E < 10^{-8}$ - 10^{-12} watt/cm². Công suất ấy không làm cơ thể nóng lên đáng kể.

Vì thế $E < 10^{12}$ watt/cm² được thừa nhận là ranh giới chuyển từ tương tác thông tin - năng lượng sang tương tác thông tin đơn thuần.

Ngưỡng năng lượng ấy là rào ngăn thông tin - năng lượng giữa ý thức con người trong thế giới vật chất và ý thức con người trong thế giới tế vi.

Viện sĩ N.Sipov trong sách *"Lý thuyết chân không vật lý"* đã viết: *"Có thể nghĩ rằng các hệ thống sống có tính thông tin cao và tính năng lượng bé, có thể di chuyển sang lĩnh vực vật chất mịn của sự sống. Khi chuyển như thế thì cái vỏ vật chất thô của thân thể con người không hiện diện. Như vậy chỉ có linh hồn người ta sang thế giới tế vi, mà ở đó vai trò chính thuộc về ý thức. Nó thực hiện chức năng yếu tố ổn cố, cho phép bảo tồn tính cá thể của linh hồn là chủ nhân của ý thức trong thế giới vật chất"*.

Dạng biến đổi trong thế giới tế vi của toàn vũ trụ là những biến đổi thông tin đơn thuần tại các trường ở các bậc khác nhau. Cho nên cấu trúc thế giới tế vi có liên quan đến tương tác thông tin, chứa đựng trong các trường xoắn. Viện Cơ khí và Quang học chính xác ở St.Peterburg (Nga) đã đo chính xác trường xoắn và ghi nhận vai trò của các trường xoắn trong các tương tác ngoại cảm. Trường xoắn có một số tính chất như tác động từ xa, không có tính năng lượng, tốc độ cao hơn tốc độ ánh sáng v.v...

Tóm lại, vũ trụ phát triển từ cái không sống đến cái sống và sau đó thông tin ý thức con người thông với ý thức vũ trụ.

Đỉnh cao của thế giới tinh thần là ý thức vũ trụ, cũng như hạt giống hoặc bào thai chứa đựng toàn bộ thông tin và tất cả các chương trình tiến hoá của toàn vũ trụ.

Như vậy ý thức con người là phần không thể tách rời khỏi ý thức vũ trụ. Tất cả cái gì quanh ta là thế giới ý

thức, tất cả được sáng tạo bởi ý thức. Giữa ý thức của thế giới vật chất và ý thức của thế giới tế vi có lẽ có một rào chắn thông tin - năng lượng - Rào chắn ấy là sự ngăn cách giữa thế giới vật chất và thế giới tế vi trong ý thức con người. Rào chắn ấy đối với mỗi cá nhân mỗi khác. Nó phản ánh khả năng con người cụ thể ấy trong sự tiếp xúc với thế giới tế vi. Người ta chỉ có thể vượt qua rào chắn ấy nếu đời sống tinh thần của họ được đánh giá là cao khi còn sống trên trái đất.

Người có đời sống tinh thần thấp kém khi còn sống chỉ được thu nhận những thông tin thấp kém, thô thiển ở thế giới tế vi.

Tóm lại quá trình sáng tạo vũ trụ trong lĩnh vực vật chất xuất phát từ ý tưởng thông tin của hoá công. Sự phát triển cao nhất của công cuộc sáng thế là tạo ra ý thức con người. Đó cũng chính là ý đồ của tạo hoá về phương diện tiến hoá của vũ trụ. Con người được tạo ra để làm phong phú các hệ thống cao hơn của sáng thế.

Nghiên cứu sâu sắc quy luật bí mật của vũ trụ cho thấy rằng không gian cung cấp cho con người những thông tin về 3 khởi nguyên nền tảng liên quan với nhau của vũ trụ.

Đó là năng lượng, không gian và thời gian, là những phạm trù tương quan mấu chốt tạo ra cái tổng thể duy nhất không phân chia được, và là cơ sở của tất cả những gì tồn tại trong vũ trụ.

Thông tin tự nó không thể phát sinh và tồn tại. Nguồn gốc của nó phải là những quá trình hay sự kiện nào đó. Từ đó ta thấy:

- Thông tin là hình thức năng lượng của sự kiện và quá trình trong không gian và thời gian.

- Quá trình là hình thức năng lượng của sự kiện và thông tin trong một không gian và thời gian.

- Sự kiện là hình thức năng lượng của quá trình thông tin trong không gian và thời gian nhất định.

- Vật chất đó là năng lượng được kết cấu một cách đặc biệt (ví dụ: dưới dạng hạt sơ đẳng, nguyên tử, phân tử) dưới sự tác động điều khiển của thông tin.

Như vậy, năng lượng có thể trở thành vật chất cũng như vật chất biến thành năng lượng và những phương trình của Einstein đã chỉ rõ. Thực nghiệm cũng cho thấy tại phòng thí nghiệm Jefferson (Mỹ). Bằng một chùm Electron (năng lượng) và hydro lỏng các nhà khoa học đã thu được một hạt lạ lùng gọi là Caon hay K_{mezon} . Thì ra Caon được tạo ra do sự tương tác của các hạt ánh sáng Photon. Do sự va chạm của các Photon thu được không chỉ Caon mà còn các hạt đã được biết như Lamda, Sigma - Hyperon.

Như vậy người ta tạo ra Caon từ cái hư vô sau khi tác động lên nó với một diện tích năng lượng. Rồi người ta đo được các tính chất của cái vật chất mới thu được. Điều đó chứng minh rằng trong điều kiện phòng thí nghiệm người ta đã có thể thu được vật chất từ năng lượng. Tin rằng sẽ có một ngày khoa học biết cách biến năng lượng thành thông tin và ngược lại, biến thông tin thành năng lượng. Đó là nhờ bộ ba Tri giác, Thông tin, Năng lượng.

Khoa học tự nhiên hiện đại như vật lý lý thuyết, vũ trụ học và sinh học, trong khi phát hiện những quy luật tạo hoá, ngày càng nghiêng về phía công nhận bức tranh khoa học - thần học của thế giới.

Francis Tseifer viết:

“Bởi lẽ thế giới được tạo nên bởi hoá công có trí năng nên các nhà khoa học không ngạc nhiên khi phát hiện ra mối liên hệ giữa các người quan sát và cái mà họ quan sát, tức là giữa chủ thể và khách thể”. Nói cách khác các nhà khoa học ngày càng đi đến kết luận rằng vũ trụ vật chất đã được tạo ra một cách có mục đích bởi trí năng của siêu nhiên.

Và không phải ngẫu nhiên mà ở tất cả các cấp bậc của vũ trụ dù đó là bậc dưới nguyên tử hay nguyên tử, bậc hữu cơ hay vô cơ, bậc súc vật hay con người, bậc Mặt trăng, Mặt trời, Quả đất, những ngôi sao hay Ngân hà đều có thấy tính trật tự nghiêm ngặt, tính hợp lý. Chỉ có thể giải thích hiện tượng ấy bằng cách thừa nhận đã có một hành động cố ý và sáng tạo, nghĩa là có trí năng trước khi có vật chất, có kế hoạch và ý tưởng trước khi có sáng tạo.

Phải nghĩ rằng vai trò hàng đầu thuộc về tuyệt đối hư vô, tất cả xuất phát từ đó. Hư vô không sáng tạo ra vật chất mà sáng tạo ra kế hoạch - ý tưởng để rồi theo đó chân không vật lý tạo ra vật chất.

Trong cuộc hội thảo toàn cầu về thông tin học năm 2000 của Liên hợp quốc họp ở Matxcơva tại thời điểm chuyển từ thiên niên kỷ thứ 2 sang thiên niên kỷ thứ 3, nghị quyết viết:

“Thông tin học lần đầu tiên luận giải khái niệm thông tin là bản chất toàn vũ trụ, toàn nhân loại và toàn khoa học, bao trùm cả những lĩnh vực vũ trụ toàn cầu gồm từ chân không thông tin (99,9999%) và vật chất thông tin (10⁻⁶⁰%)... Không có thông tin, không có chân không thì không có hành động, không có năng lượng, không có vật chất (lỏng, đặc, hơi, plasma), không có bức xạ, không có giao thoa và nhiễu xạ”. “Ý thức vốn là hình thức cao nhất của sự phát triển thông tin”.

SÁNG THỂ

*“Nếu coi chúa trời là đấng sáng thể
thì đó không phải là ai, mà là cái gì?”*

Spinoza

CÁI GÌ ĐÓ LÀ Ý THỨC VŨ TRỤ

Hình thức cao nhất của thông tin vũ trụ mà có khả năng sáng tạo là ý thức vũ trụ, là khởi nguyên của ý thức con người.

Theo Platon (Hy Lạp, 428 - 347 TCN) những hình thể hình học lý tưởng của vũ trụ gồm 5 loại:

Hình khối (Cube) gồm 6 mặt là những hình vuông;

Hình tứ diện (Tetraedr) gồm 4 mặt là những tam giác cân;

Hình bát diện (Octaedr) gồm 8 mặt là những tam giác cân;

Hình 12 mặt (Dodecaedr) là những ngũ giác cân;

Hình 20 mặt (Ikosaedr) là những tam giác cân.

5 hình thể chính này được đặt tên là hình thể Platon.

5 hình thể Platon cộng với hình cầu (Globe) được coi là những chữ cái hình học vũ trụ.

5 hình thức mang tên Platon để vinh danh ông do những phát minh lớn tiếp theo. Nhưng nếu nói cho công bằng thì 5 hình thể lý tưởng của vũ trụ này đã được Pifagore đề cập 400 năm trước Platon.

Từ điển Bách khoa Nga chứa đựng một số thông tin như sau về Pifagore:

“Pifagore Samosky (Thế kỷ VI TCN), nhà tư tưởng Hy

Lap, nhà hoạt động tôn giáo và chính trị, người sáng lập chủ nghĩa Pifagoreism, nhà toán học”.

Pifagoreism là học thuyết xuất phát từ quan niệm về con số như về cơ sở của mọi sinh thể. Các mối tương quan số học theo *Pifagore* là nguồn gốc của sự hài hoà của vũ trụ, mà cấu trúc của nó là sự thống nhất vật lý - hình học - âm thanh.

Bằng khoa học hình học của các con số *Pifagore* đặt nền móng cơ sở cho sự tìm hiểu cấu tạo vũ trụ.

Các hệ thống sinh vật, vật chất sống của hành tinh và không gian bao quanh cơ thể được trình hiện như là hệ thống thống nhất có tổ chức vật lý, là cái gì đó giống như toàn đồ duy nhất vĩ đại của vũ trụ.

Ngày nay khoa học đã thiết lập mô hình toàn đồ của vũ trụ, trong đó vũ trụ thể hiện như là mảng toàn đồ vĩ đại, giả thiết vũ trụ có hình cầu, ở đó mỗi vật thể vốn là sóng đứng và định vị ở một nơi nhất định trong không gian, đồng thời có mặt ở tất cả các điểm của vũ trụ. Để hiểu ý nghĩa của hình thể cần biết rằng mỗi hình thể mang một lực do nó tạo ra.

Hình thể ban đầu của hoá công là Tam giác cân. 4 tam giác cân tạo thành một tứ diện biểu hiện một lực với tính chất hài hoà, tính cân bằng và tính yên tĩnh.

Hai tứ diện gộp với nhau là khối nguyên hài hoà, là nội luật kết hợp và phản ánh hoạt động của tất cả các hình thể của vật chất. Đó là “*Hình học thiêng liêng*”. Nó khẳng định rằng vật chất của thế giới 3 chiều của chúng ta sống trên mặt đất dựa trên cơ sở hình khối mà bên trong nó chứa đựng những hình thể kín của các tứ diện.

Toàn thể thế giới 3 chiều được tạo nên theo nguyên tắc ấy, bất kể đó là hình thể của sinh vật hay phi sinh vật.

Hình khối và hình cầu là 2 hình thể có đặc điểm nổi bật. Chúng chứa bên trong mình tất cả các hình thể Platon khác theo đối xứng.

Hình khối là hình thể tiêu biểu cho nam giới.

Hình cầu tiêu biểu cho nữ giới.

Đối với các nhà toán học cổ đại hình thể 12 mặt gồm những ngũ giác cân có tính chất huyền bí nhất trong hình học vũ trụ.

Platon khẳng định rằng Hoá công đã sử dụng hình thể 12 mặt để tạo dựng vũ trụ. Chính hình thể 12 mặt là cơ sở của trường thông tin vũ trụ, của ý thức vũ trụ và ý thức con người.

Các thiên cầu như mặt Trăng, mặt Trời, các hành tinh, những ngôi sao, đều có đặc tính của một phối hợp của các hình thể Platon.

Platon viết *"Quả đất giống như quả bóng được may từ 12 hình 5 cạnh ngũ giác cân và 20 hình tam giác cân, các giao điểm của những hình thể ấy là những trung tâm năng lượng hay luân xa của quả đất"*. Hệ thống luân xa này được phát hiện và nghiên cứu tại bộ phận định vị sinh học thuộc viện nghiên cứu từ tính trái đất của Nga (Viện trưởng là Gs, Ts N.Lugovenko).

Gần 400 năm trước, nhà thiên văn học Logan Kepler kết luận: Các quy luật của tất cả các hành tinh trong hệ thống mặt trời đều dựa trên cơ sở các hình thể Platon.

Ngày nay, nhà thiên văn học người Anh Jone Martino nghiên cứu các quỹ đạo lớn và bé và trung bình, do cơ quan không gian Mỹ NASA xác lập đối chiếu với hình học thiêng liêng Pifagore. Kết quả cho thấy không có sự tình cờ nào cả, các mối tương quan giữa các quỹ đạo của các hành tinh đều do hình học thiêng liêng Platon xác định.

Kết quả này được công bố trong cuốn sách nói về “*Tư liệu mới về chủ đề cũ*” xuất bản năm 1995 ở Anh.

Không phải ngẫu nhiên mà ở tất cả các cấp bậc của vũ trụ dù đó là bậc dưới nguyên tử hay nguyên tử, bậc hữu cơ hay vô cơ, bậc súc vật hay con người, bậc mặt trăng, quả đất, mặt trời, những ngôi sao hay ngân hà đều thấy có tính trật tự nghiêm ngặt, tính hợp lý. Chỉ có thể giải thích hiện tượng ấy bằng cách thừa nhận đã có một hành động cố ý và sáng tạo, có trí năng trước khi có vật chất, có kế hoạch và ý tưởng trước khi có sáng tạo.

Phải nghĩ rằng vai trò hàng đầu thuộc về tuyệt đối hư vô, và xuất phát từ đó. Hư vô không sáng tạo ra vật chất mà sáng tạo ra kế hoạch - ý tưởng để rồi theo đó chân không, vật lý tạo ra vật chất và tất cả.

Ngay từ thời khắc đầu tiên của sự tồn tại của vũ trụ và từ lâu trước khi các nguyên tử của các nguyên tố hóa học hình thành trong thực tế, thì những tính chất của chúng và sự sắp xếp của chúng trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học của Mendeliev đã được xác định. Có thể nghĩ rằng cả quần thể của các dạng sinh vật cũng đã được sắp xếp đồng thời. Mà điều này xảy ra từ lâu trước khi quá trình hiện thực của tiến hoá sinh vật bắt đầu ở đâu đó.

Nếu đúng thế thì sự tiến hoá của vũ trụ là quá trình duy nhất, mặc dầu không đều, của sự hiện diện hoá, lấp đầy những chỗ trống của những thể vật chất từ những hạt cơ bản đầu tiên đến con người homo Sapiens.

Gs N.Vonsanko viết: “*Thì ra sự tiến hoá trong vũ trụ không phải là sự chọn lọc tự nhiên trong sự đấu tranh sinh tồn giữa các loài theo Darwin, mà đúng hơn, là sự lấp đầy những chỗ trống trong chương trình - ma trận của sự phát triển của vũ trụ thống nhất*”.

QUẢ ĐẤT CŨNG LẮM RỦI RO

QUẢ ĐẤT ĐỐI TRỰC

Từ khi trái đất dần dần nguội lạnh, vỏ ngoài co lại, thành những nơi lõm lên lõm xuống, những lõm lõm ấy đã thay đổi nhiều lần, khiến nơi này đất liền chìm xuống biển, nơi khác đất từ biển nổi lên.

Các nhà địa chất học công nhận rằng trái đất đã thay đổi trực nhiều lần trong quá khứ, bằng chứng là thấy có vết tích, cây cối, động vật và khủng long dưới những lớp băng đá dày tại Nam Bắc cực. Nhiều lục địa biến thành biển cả và biển cả biến thành lục địa, nơi băng giá trở nên nóng bức và vùng nhiệt đới trở nên đông lạnh.

Có nhiều khả năng, đó là do Đại hồng thủy. Theo dữ liệu của Blavatskai thì nạn Đại hồng thủy toàn cầu xảy ra cách đây 850 nghìn năm, hơn nữa đối với Đại hồng thủy, bà còn viết “... các cực đã chuyển...” có lẽ đây là thời điểm xảy ra hiện tượng cực trái đất dịch chuyển.

Trái đất xê dịch không phải bừa bãi vì một tác động nào đó của hành tinh, cứ sau một khoảng thời gian nhất định. Trái đất lại thay đổi vị trí trục của nó sang 60° , tức một phần ba nửa vòng tròn Trái đất (180°). Hoặc một phần sáu vòng tròn Trái đất (360°), biết rằng vòng tròn Trái đất 40 nghìn km thì 60° là 6666 cây số. Chắc chắn nạn Đại hồng thủy xảy ra cách đây 850 nghìn năm là do trục trái đất chuyển 6666 cây số từ vị trí núi Cailat ở phía Bắc địa cầu. Hậu quả là vùng đại lục địa Lemuria chìm

xuống Thái bình dương, Lục địa Atlantic tiêu vong, tuyệt chủng 2 giống người văn minh nhất là Lemuri và Atlan.

Nếu trục Trái đất cứ mỗi lần chuyển dịch 60° thì theo lý thuyết có thể có nhiều lần chuyển dịch. Mỗi lần chuyển dịch thiên tai lớn xảy ra vô cùng thảm khốc đối với quả đất và các sinh vật sống trên quả đất.

Chẳng hạn cách đây khoảng 48.000 năm một thiên tai kinh khủng đã xảy đến và chắc là do quả đất đổi trục. Khi ấy những hoả diệm sơn phun lửa, mặt đất rung chuyển, mặt đất tựa như tờ giấy bị vò nát.

Người ta đã tính toán thời gian và phỏng đoán cứ 12.500 - 13.000 năm trái đất đổi trục một lần. Các trục thay đổi vị trí, cực Bắc sẽ thành cực Nam và ngược lại. Người ta cũng dự cảm rằng chỉ cần có một sự lệch lạc hằng số vũ trụ nào đó thì sự sống trên trái đất khó tồn tại.

QUẢ ĐẤT LÊN CON SỐT

“Hiệu ứng nhà kính” trên bề mặt quả đất làm cho quả đất nóng lên rõ rệt trong mấy năm gần đây. Quả đất nóng gây ra sự biến đổi thời tiết và khí hậu một cách bất thường. Hiện tượng *“El-nino”* và *“La-nina”* đều là những biểu hiện của biến đổi thời tiết khí hậu toàn cầu.

Hiện tượng này ở mức độ nhẹ đã từng xảy ra từ lâu ở bờ biển phía tây Thái Bình Dương, nhất là ở đất nước Pê-ru, vào dịp lễ Giáng sinh, người dân xứ này đặt tên cho hiện tượng ấy bằng tiếng Tây Ban Nha: El-nino, nghĩa là *“cậu bé Noel”*. Cái tên không nói lên được điều gì cả, không lột tả được những thảm họa ngày càng ghê gớm không những cho ngư phủ xứ này, mà cho cả dân nhiều nước

khác chịu ảnh hưởng của khí hậu Thái Bình Dương, bờ phía Tây cũng như bờ phía Đông.

Năm 1982 - 1983 hiện tượng El-nino thể hiện mạnh mẽ nhất từ trước cho đến lúc đó. Và cũng từ đó, lực lượng khoa học thủy văn mới bắt đầu nghiên cứu nó có hệ thống.

Theo định nghĩa khoa học thì El-nino là hiện tượng biến động nhiều năm của hệ thống khí hậu, trong đó lớp nước mặt biển vùng xích đạo Thái Bình Dương ấm lên. Các tác động của El-nino được thể hiện trên quy mô toàn cầu thông qua hệ thống hoàn lưu chung khí quyển đại dương. El-nino kéo theo các biến đổi dị thường thời tiết và khí hậu trên nhiều vùng khác nhau của thế giới. Trên phạm vi toàn cầu, nơi này ấm lên thì nơi khác lạnh đi, nơi mưa nhiều lên sẽ có nơi mưa ít đi, khô hạn...

Tuy nhiên, không phải khoa học đã hiểu tường tận về El-nino cho đến ngày hôm nay, kể cả nguyên nhân. Vụ El-nino xảy ra năm 1982 - 1983 là mạnh nhất từ trước đến lúc đó nên người ta gọi nó là "*El-nino thế kỷ*". Lúc đó nhiệt độ mặt nước đại dương nóng hơn thường lệ 5-6°. Hạn hán dẫn đến cháy rừng ở Indonesia.

15 năm sau, 1997-1998, xảy ra một El-nino thế kỷ khác. Năm 1997 là năm nóng thứ hai trong lịch sử. Trước đó kỷ lục nóng xảy ra vào giữa thế kỷ 19. Tháng 6 năm 1997 sự chênh lệch nhiệt độ ngày đêm giảm xuống ở hầu khắp nơi trên thế giới, đồng thời cơ sự gia tăng mạnh mẽ nhiệt độ trong nước Thái Bình Dương. Có thể coi đó là El-nino mạnh nhất từ trước cho đến lúc đó.

Nó đã gây ra bão lụt lớn tại nhiều quốc gia, trong đó có Mỹ, Anh, Trung Quốc, gây hạn hán kéo dài ảnh hưởng đến mùa màng, cháy rừng như ở Indonesia, ở cao nguyên Việt

Nam, bão to chưa từng thấy - cơn bão số 5 - ở đông bằng sông Cửu Long. Ở miền nam nước Pháp mùa thu nóng như mùa hè, ở Matxcơva mùa hè có ngày tuyết rơi nhiều hơn mùa đông. Mưa đá ở Ấn Độ. Ở Hồng Kông mưa to bắt đầu sớm hơn thường lệ, nước thủy triều đỏ (Red tide) đã làm chết hơn 1.500 tấn cá.

Lại có tin ở Ấn Độ nhiệt độ không khí lên đến 45° làm chết hơn 800 người tính đến ngày 1/6/1998. Dân chúng biểu tình trước trụ sở Quốc hội hô to khẩu hiệu: *"Chúng tôi cần điện và nước, không cần bom nguyên tử"*.

Một nghiên cứu dịch tễ học mới đây tiến hành ở Braxin cho thấy cùng với hiện tượng nóng lên toàn cầu, hiện tượng El-nino đã tạo điều kiện tăng sản loài muỗi Aedes Egypty - vật trung gian truyền bệnh sốt xuất huyết do virus Dengue làm cho tỷ lệ mắc bệnh này tăng lên 6 lần.

Thông thường sau El-nino lại xảy ra hiện tượng ngược lại gọi là La-nina, nghĩa là *"Bé gái"*, với đặc điểm gây sụt giảm nhiệt độ rất lớn trên địa cầu kèm theo bão và mưa lũ dữ dội.

Thật vậy, theo trung tâm dự đoán khí hậu Washington (Mỹ) nhiệt độ trong vùng biển Thái Bình Dương đã giảm 8°C vào tháng 5 năm 1998 trên một chiều dài 5.000km. Theo các nhà khoa học thì đó là sự khởi đầu của La-nina. Nó làm cho không khí bị lạnh, gió thổi từ Đông sang Tây mạnh hơn, từ vùng Nam Mỹ ngược về hướng Viễn đông và Úc Châu, gây ra bão liên tục trong vùng này. Trong khi nó gây khô hạn cho vùng phía Tây Mỹ châu, thì lại gây ra ngập lụt ở Đông Nam Á, Đông Nam Phi và Bắc Braxin.

Vả lại, không cần đi xa để tìm thí dụ, thời tiết ở Việt Nam năm 1998 có những biến đổi rất thất thường. Giữa

năm hạn hán khắc nghiệt ở Trung Bộ. Từ tháng 9 thời tiết Trung và Nam Trung Bộ chuyển sang bão, mưa lớn và lũ lụt với lượng mưa vượt mức trung bình của nhiều năm từ 25 đến 50%, có nơi hơn nữa như Quảng Ngãi, Quy Nhơn. Trong khi đó ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ tình trạng ít mưa kéo dài. Ở Nam Bộ, mực nước sông Cửu Long xuống thấp kỷ lục kể từ năm 1926.

TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TRÊN ĐÀ CẠN KIẾT

Trong số các tài nguyên thiên nhiên, nước là tài nguyên quý hiếm và có ý nghĩa quyết định nhất đối với sự sống của loài người cũng như toàn bộ sự sống trên quả đất.

Bề mặt hành tinh gồm 2/3 là nước. Tưởng như thế là phong phú quá. Nhưng 90% là nước mặn, đóng băng vĩnh cửu và đóng băng theo mùa. Chỉ có 10% là nước ngọt, nhưng phần lớn lại là nước ngầm. Khoảng 70% nước ngọt phục vụ nhu cầu nông nghiệp, mà ở khu vực châu Á tỷ lệ ấy chiếm đến 90 - 95%. Khoảng 20% nước ngọt phục vụ nhu cầu phát triển công nghiệp và 8% dành cho nhu cầu sinh hoạt của con người. Theo báo cáo của Ngân hàng thế giới có 40% dân số, 80% các quốc gia thiếu nước ngọt. 26 nước với số dân khoảng 250 triệu người đang thiếu nước nghiêm trọng. 9 trong 14 nước Trung Đông bị khát. Mỗi năm trên thế giới chết khoảng 10 triệu người vì dùng nước sinh hoạt không đủ tiêu chuẩn vệ sinh. Hơn thế nữa, cứ theo đà tăng trưởng dân số hiện nay thì cứ mỗi chu kỳ 2 năm nhu cầu nước cho con người trên toàn cầu tăng gấp đôi.

Tóm lại, thế giới đang đứng trước nguy cơ cạn kiệt và ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng.

Để diễn tả được tầm quan trọng của công cuộc bảo vệ

và sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước, một nhà quản lý vĩ mô đã nói *“Nếu trong thế kỷ 20 đôi tượng cạnh tranh quốc tế là dầu hỏa, thì trong thế kỷ 21 không khéo đôi tượng cạnh tranh quốc tế là nước là”*.

Ở nước ta lượng nước ngọt bề mặt khoảng 835 tỷ m³. Bình quân đầu người một năm khoảng 12.000m³, phân bố không đồng đều ở các vùng khác nhau trong nước. Lượng nước ngầm có khoảng 50-60 tỷ m³, chiếm khoảng 16 - 19% lượng nước phát sinh trên lãnh thổ nước ta. Như vậy xét về mặt tổng lượng thì không ít, nhưng xét về chất lượng thì có những vấn đề nhạy cảm. 62% tổng lượng nước bề mặt từ bên ngoài lãnh thổ chảy vào.

Năm hạn hán, lượng nước giảm xuống chỉ còn 15-20%. Năm tháng mưa trong năm tập trung 75-80% tổng lượng dòng chảy. Có những nơi khô hạn chỉ có 1,5-2% lượng nước cả năm. Khả năng khai thác nước ngầm chỉ được khoảng 1/3 trữ lượng thiên nhiên.

Lượng nước ngọt chủ yếu ở nước ta dùng để phục vụ nông nghiệp với 8 triệu hecta nước bề mặt để nuôi trồng thủy sản, nước sinh hoạt cho 75%-80% dân cư trong nước là nông dân.

Dự tính tới năm 2010, để đảm bảo an toàn lương thực, nhu cầu sử dụng nước cho nông nghiệp sẽ tăng. Cứ 5 năm diện tích tưới tăng lên 300.000-350.000 hecta, nhu cầu sử dụng nước để thay đổi môi trường là 2,8 tỷ m³ (bằng 2,3%).

Nước là nguyên liệu, là môi trường cho công nghệ. Muốn có 1.000USD giá trị sản phẩm cần 1.000m³ nước cho công nghiệp chế biến thực phẩm, 400 m³ nước cho công nghiệp nhẹ. Cho nên với đà công nghiệp hoá ngày càng tăng thì lượng nước tiêu thụ cho khu vực sản xuất ngày càng tăng.

Trên thế giới có khoảng 40 triệu loài cây và con, trong đó khoảng 30 triệu thuộc rừng nhiệt đới. Nhưng khoa học chỉ mới nhận diện được 1,7 triệu loài, và mới hiểu biết được 75% của các loài ấy. Trên phạm vi thế giới cũng như phạm vi từng vùng, từng nước chưa có những biện pháp bảo vệ chúng, trong khi sự phát triển đại công nghiệp ập đến như là vũ bão, ập đến đâu thì tài nguyên thiên nhiên, nguồn sinh thái, kho sinh học bị huỷ diệt ở đó. Thậm chí có thể có không ít loài cây con sẽ biến mất khỏi mặt đất trước khi con người kịp nhận biết chúng.

Có thể lấy vùng châu Á là nơi trong mấy thập kỷ qua nổi tiếng là có nhịp độ phát triển cao, làm dẫn chúng. Người đại diện của Tổ chức Nông lương Thế giới (FAO) cho rằng ở đây *"Đang diễn ra một cuộc huỷ diệt sinh học ghê gớm"*. Châu Á là miền rừng nhiệt đới lớn thứ hai sau Amazon ở Nam Mỹ. Cho đến nay ở Nam Á và Đông - Nam Á đã mất 70% rừng nguyên sinh, mất đi 1/3 các dãy san hô biển. Theo FAO, nếu với đà huỷ diệt này thì 30 năm tới một nửa số loài sinh vật ở đây sẽ bị huỷ diệt trong nửa đầu thế kỷ 21.

Ở Việt Nam, ngay trước Cách mạng tháng Tám diện tích rừng có khoảng 14 triệu ha, bao phủ khoảng 45% mặt đất. Có 12.000 loài thực vật, trong đó 7.000 loài đã được xác định thì có 2.300 loài có giá trị làm thức ăn nuôi sống người và gia cầm gia súc, lấy gỗ để chế biến. Có nhiều loại đặc trưng tồn tại trên một diện tích nhỏ hẹp với số lượng ít, dễ bị huỷ diệt theo kiểu diệt chủng.

Thời gian chiến tranh trong những năm cuối 1960 và đầu năm 1970 Mỹ đã rải ở miền Nam nước ta hơn 70 triệu lít thuốc độc diệt cỏ, làm trụi lá rừng và đã tàn phá một cách cơ bản 15% diện tích rừng ở phía Nam. Thêm vào đó

dân cư đốt rừng làm rẫy, nạn trộm gỗ, xuất khẩu gỗ lậu, nạn khai thác bừa bãi, vô độ, trong khi không có biện pháp phục hồi. Trong những năm 1970 đến 1980 mỗi năm khai thác trên 2 triệu m³ gỗ. Hậu quả của nó là nạn cháy rừng.

Năm 1997 và đầu năm 1998 ở nước ta có nhiều vụ cháy rừng ở ba miền đất nước, kể cả trên đảo Phú Quốc. Nguyên nhân cháy rừng không những là do những người làm nương làm rẫy. Có cả những người vô ý thức gây cháy, cũng có người cố ý đốt rừng vì động cơ xấu. Người bình luận Đài truyền hình Trung ương có lý khi nói: *"Để xảy ra cháy rừng El-nino là điều kiện cần nhưng chưa đủ, phải có thêm hoạt động của những người vô đạo đức, thiếu trách nhiệm, thậm chí phá hoại thì rừng mới bị cháy"*. Ở đảo Phú Quốc đã hình thành những mất xích dẫn đến cháy rừng. Trên đảo, dân vốn làm nghề trồng cây hồ tiêu. Người ta vào rừng đốn những cây gỗ làm dàn cho cây hồ tiêu. Người ta cần có phân bò để bón cho cây hồ tiêu. Bò thì cần ăn cỏ, chủ yếu ở đảo người ta cho bò ăn cỏ tranh. Muốn có cỏ tranh non thì phải đốt những cánh rừng. Rừng cháy có thể làm phi tang những kẻ chắt gỗ trộm trong rừng chưa kịp phát hiện. Như vậy đã hình thành cái vòng luẩn quẩn làm cho tài nguyên cạn kiệt, nhân dân đói nghèo.

Để có thể hình dung mức độ cháy ở nước ta trong thời gian có El-nino 1997-1998 chúng ta tham khảo thống kê chưa đầy đủ do Đài truyền hình Trung ương đưa tin ngày 25 tháng 4 năm 1998 như sau: Đã xảy ra 1.116 vụ cháy, phá huỷ 16.000 ha rừng, trong đó rừng Lâm Đồng - 4.262 ha, rừng Kiên Giang - 3.283 ha... và các nơi khác ở Tây Bắc, ở Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ, Nam Trung Bộ... trong đó 6.000 ha rừng nguyên sinh. Kết quả là nạn xói mòn đất

màu, thay đổi khí hậu, các hệ động thực vật vốn rất phong phú cũng bị đe dọa huỷ diệt.

Tất cả các tác nhân ấy đã làm cho tài nguyên rừng nước ta có dấu hiệu cạn kiệt. Vào đầu những năm 90 tỷ lệ che phủ của rừng ở nước ta đã giảm xuống chỉ còn 28%.

Trước tình hình ấy Chính phủ đã thi hành một số biện pháp tình thế như giảm lượng gỗ khai thác hàng năm và đóng cửa rừng. Năm 1996 chỉ cho khai thác 620.000m³ gỗ, năm 1997 - 523.000 m³, năm 1998 - khoảng 480.000 m³. Đã lên kế hoạch trồng 5 triệu hecta rừng từ năm 1998 đến năm 2010, trong đó 3 triệu ha rừng sản xuất, 2 triệu ha rừng phòng hộ và đặc dụng. Để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá 9,35 triệu khối gỗ đến năm 2005 và 13,5 triệu khối gỗ đến năm 2010 và nhiều chục triệu khối củi.

Hệ thống động vật hoang dã gắn liền với rừng nước ta vốn dĩ phong phú, đã xác định được 275 loài có vú, 773 loài chim. Ngoài ra có 80 loài lưỡng cư (vừa sống trên cạn vừa sống dưới nước), hàng trăm loài cá, hàng ngàn động vật không xương sống. Nhiều loài thú hiếm gần đây bị đe dọa xoá sổ không những vì nạn cháy rừng, phá rừng, mà còn vì săn bắn bừa bãi, săn bắn, xuất khẩu lậu, chạy theo lợi nhuận, bất chấp luật pháp.

Viện các nguồn thế giới (WRI) đã báo động: Với tình hình phát triển thế giới như hiện nay thì các nguồn tài nguyên chẳng mấy chốc sẽ bị cạn kiệt, cuộc sống của loài người đang bị trực tiếp đe dọa. Đã đến lúc phải có chiến lược toàn cầu bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Chính vì vậy lần đầu tiên một Công ước quốc tế bảo vệ môi trường sinh thái đã được ký tại Hội nghị thượng đỉnh Quả đất lần thứ nhất tại Rio de Janeiro năm 1992.



Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Nguy cơ phá huỷ môi trường do quá trình đại công nghiệp hoá bắt đầu lộ rõ từ những năm 60 của thế kỷ 20. Chỉ trong vòng một thế kỷ, nguồn năng lượng mà con người thu được đã tăng lên một ngàn lần. Số nhiên liệu bị đốt tỷ lệ thuận với đà tăng trưởng công nghiệp và hàm lượng khí cacbon dioxit (CO_2) và các khí công nghiệp khác trong khí quyển, xuất hiện các dấu hiệu của cái gọi là “*Hiệu ứng nhà kính*” trên phạm vi toàn cầu, tầng bình lưu ozon trong khí quyển bị mỏng và có nguy cơ bị thủng ở Nam cực, nhiệt độ quả đất tăng, kéo theo sự thay đổi khí hậu toàn cầu, hoạt động nông nghiệp và lâm nghiệp vô tổ chức làm nặng thêm ảnh hưởng đến thảm thực vật, tài nguyên bị đe dọa cạn kiệt, tính đa dạng sinh học bị phá huỷ...

Nếu vào năm 1850 hàm lượng khí CO_2 trong khí quyển bằng 0,028% và đã giữ nhiệt độ mặt đất trung bình bằng $32,8^\circ\text{C}$ thì vào năm 1950 hàm lượng CO_2 trong khí quyển tăng lên đến 0,035% tức là tăng 25% và đã làm cho nhiệt độ mặt đất trung bình tăng lên $0,5^\circ\text{C}$. Các nhà khoa học dự đoán nếu với mức tiêu thụ chất đốt và đốt rừng phá rừng như hiện nay thì sang thế kỷ 21 hàm lượng CO_2 trong khí quyển sẽ tăng lên đến mức 0,06% và kéo theo nhiệt độ mặt đất tăng lên $1-5^\circ\text{C}$. Cùng với các thành phần khí khác trong khí quyển, CO_2 sẽ tạo ra một tác động tổng hợp lên môi trường gọi là “*Hiệu ứng nhà kính*” với các biểu hiện chính sau đây:

1. Khí hậu thay đổi: Nhiệt độ tăng phân bố không đều trên địa cầu dẫn tới sự thay đổi khí hậu lớn. Dự đoán tốc độ thay đổi khí hậu trong thế kỷ 21 nhanh hơn trong 5.000 năm qua và không ai lường trước được hết những hậu quả sẽ xảy ra.

2. Mực nước biển dâng cao: Các tảng băng do nhiệt độ tăng lên làm băng sẽ tan nhanh hơn và nhiều hơn làm cho mực nước sẽ tăng lên đáng kể. Dự đoán trong 50-100 năm tới mực nước biển sẽ tăng lên khoảng 0,45 - 1,55 m. Các nhà khoa học Mỹ tính rằng cứ tăng lên 1,0 m thì nước Mỹ phải chi 111 tỷ USD để bảo vệ khu vực gần biển, chưa kể mất nhiều đất ngập mặn, mất nhiều tiền làm đê chắn biển...

3. Thảm thực vật bị hại: Nếu tốc độ khí hậu thay đổi nhanh hơn và khả năng thích nghi của thực vật thì nhiều rừng, nhất là ở vùng khí hậu ôn hòa, sẽ biến mất.

Ôzôn cũng đã trở thành mối quan tâm bức xúc của toàn nhân loại: Lớp ôzôn ở ngang mặt đất và tầng ôzôn trên thượng tầng khí quyển.

Ôzôn trên mặt đất hình thành khi đốt các nhiên liệu ở nhiệt độ cao. Những phân tử không bền vững mang ôxy vỡ ra với tác động ánh sáng mặt trời và một phần ôxy ấy trở thành ôzôn. Một số hoá chất trong khí thải của xe ô tô có thể xúc tác ôxy không khí trở thành ôzôn. Những nguồn ôzôn khác có thể là khói dầu hoả, khí bốc từ rác thải, từ những nơi dân đốt rừng làm rẫy. Lớp ôzôn mặt đất có khả năng tạo ra cái gọi là "*Khói sương quang hoá*" làm chết người và súc vật, phá huỷ cây cối mùa màng.

Khác với ôzôn trên mặt đất, ôzôn trên thượng tầng khí quyển được tạo nên do sự tác động của bức xạ mặt trời nên phân tử ôxy trong quá trình quang - lý (Photonlyse): Phân tử O_2 bị phân thành ôxy - nguyên tử (O). Sau đó ôxy nguyên tử kết hợp với phân tử ôxy khác tạo thành ôzôn (O_3). Tầng bình lưu cách mặt đất từ 19-23km có mật độ ôzôn cao nhất, chiều dày 3mm. Ôzôn bị phá huỷ tự nhiên bởi một loạt chu trình xúc tác có liên quan đến khí Ôxy,

Nitơ, Clo, Brôm, Hyđrô... Số lượng mất được bù lại bởi số lượng mới tạo ra trong một thế cân bằng tự nhiên. Ôzôn trên thượng tầng khí quyển rất cần cho sự sống trên mặt đất. Nếu tia cực tím từ mặt trời chiếu thẳng xuống mặt đất một cách không hạn chế thì sẽ gây ra những hậu quả nặng nề cho con người và động vật như gây ung thư, nhất là ung thư da, làm suy giảm sức đề kháng và hệ miễn dịch của cơ thể, làm tổn thương cơ sở vật chất di truyền, phá huỷ hệ sinh thái. Rất may tầng ôzôn có khả năng thu tóm năng lượng ánh sáng cực tím bằng những Electron của mình, không để cho chúng đi thấu đến tận mặt đất.

Trong thời đại công nghiệp hoá, bùng nổ sản xuất công nghiệp, tiến bộ hoá học, công nghiệp lạnh, công nghiệp chất dẻo rất phát triển chạy theo nhu cầu phát triển dịch vụ sinh hoạt của đời sống hiện đại. Hai loại công nghiệp này đã tiêu thụ những khối lượng khí Chlorofluorocarbon (CFC) nhiều chưa từng có. Khí CFC tản phát vào không trung và khi phân huỷ thì tạo thành khí Chlorin có khả năng phá huỷ phân tử ôzôn. Trong thế kỷ qua nồng độ khí Chlorin trong khí quyển tăng 50%. Kết quả là lượng ôzôn ở tầng cao khí quyển bị giảm nghiêm trọng. Năm 1974 hai nhà khoa học Anh -Rowland và Molinas - lần đầu tiên báo động rằng khí CFC sớm muộn sẽ phá huỷ tầng ôzôn. Thật vậy, vào năm 1982, chiều dày tầng ôzôn trên Nam cực giảm xuống chỉ còn 2mm, năm 1985 - 1,5mm, năm 1987 - 1.0mm. Họ phát hiện ra lỗ thủng trên tầng ôzôn Nam cực rộng 26 triệu km², tức là to gấp 3 lần diện tích nước Australia. Nó đang tiếp tục lan rộng ra và dự đoán trong tương lai không xa sẽ rộng bằng 27 triệu km² tức là gần gấp 2 lần diện tích Châu Âu.

Các nước đã ký công ước Vienne về cấm sử dụng khí

CFC nhưng chưa mang lại kết quả mong muốn. Giả sử ngay bây giờ trên toàn thế giới ngưng sử dụng khí CFC thì lỗ thủng trên tầng ôzôn ở Nam cực có thể liền lại vào cuối thế kỷ 21.

Cũng theo nguyên nhân và theo cơ chế ấy có thể hình thành lỗ thủng tầng ôzôn trên bầu trời Bắc cực, nhưng hậu quả sẽ nặng nề hơn vì khác với ở Nam cực, ở Bắc cực có nhiều sinh vật đang sinh sống. Tuyên bố của hội nghị quốc tế ở Tôrônô (Canada) về vấn đề này viết: *"Nếu không hạn chế được CFC dưới 50% trong một thế hệ thì một tai họa như chiến tranh nhiệt hạch đang chờ ta ở phía trước"*.

Từ khi loài người biết dùng lửa phục vụ đời sống cách đây trên 500.000 năm, biết bao nhiêu khí bụi, cặn bã đã thải vào không khí. Đến cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ 19 con người mới bắt đầu cảm thấy hậu quả của sự ô nhiễm không khí. Tình hình càng trở nên trầm trọng hơn trong 50 năm cuối của thế kỷ 20, do nhịp độ đại công nghiệp hoá tỷ lệ thuận với việc tiêu thụ nhiên liệu cho sản xuất và giao thông vận tải và cho tổ chức cuộc sống hiện đại. Có thể nêu lên 4 thủ phạm chính làm ô nhiễm không khí:

1. Các kiểu đốt trong công nghiệp.
2. Các phương tiện giao thông vận tải chạy bằng động cơ đốt trong với nhiên liệu là xăng, là dầu Diezen, khí thiên nhiên, dầu thực vật...
3. Các kiểu lò sưởi với chất đốt khác nhau
4. Quá trình bốc hơi khi bảo quản và phân phối nhiên liệu, dung môi...

Trong khi cháy, oxy kết hợp với những thành phần chính của chất đốt. Nếu đốt hết thì thải vào không khí

CO_2 , đốt không hết thì thải CO , Khí nitơ, lưu huỳnh, hơi nước. Nếu trong chất đốt có vệt kim loại nặng thì chúng bốc hơi vào không khí như Pb, Zn, Cadmi... Nhiên liệu đốt trong của các phương tiện giao thông vận tải tạo ra khí thải chứa các chất độc như: CO , CO_2 , CnNn , NO_2 , C, Pb và khói. Các má phanh bị ma sát cũng thải ra bụi kẽm, đồng, niken, crom, và cadimi.

Sau khi các sản phẩm đốt phát tán vào khí quyển thì xảy ra các phản ứng quang - hoá. Đó là nguồn ô nhiễm thứ phát. Ví dụ ôxit nitơ giải phóng ra trong khí quyển sẽ tạo ra ôzôn dưới tác động của bức xạ mặt trời.

Bệnh lý do ô nhiễm không khí rất phức tạp vì bệnh được gây nên bởi nhiều chất độc khác nhau, nên đòi hỏi cách tiếp cận đa diện bởi nhiều chuyên khoa: Hoá học, Độc chất học, Sinh học tế bào, Chuyên khoa bệnh đường hô hấp và phổi...

Các xí nghiệp dùng nhiên liệu chứa nhiều lưu huỳnh sẽ thải ra nhiều khí SO_2 mà sản phẩm phản ứng hóa học của nó là axit sulfuric có khả năng gây mưa axit. Sản phẩm phản ứng hoá học ở nhiệt độ cao giữa N_2 và O_2 trong không khí cũng góp phần gây mưa axit. Đó là khí NO_3 giải phóng ra từ các xí nghiệp dùng nhiệt độ cao với bất cứ loại chất đốt nào, hoặc khí thải ra từ ô tô, từ rừng bị cháy. chúng tạo ra các axit như axit nitric, axit axetic, axit formic góp phần làm mưa axit. Những hồ ao sau khi mưa axit mà không tự điều chỉnh được pH của nước bằng những dự trữ kiềm tự có thì nhiều sinh vật sống trong hồ ao bị chết dần. Chết trước hết là những động vật nhỏ không có xương sống. Mưa axit làm giảm nguồn thức ăn của cá, ếch, nhái và các động vật có xương sống khác. Nhiều loài cá ngừng đẻ trứng. Rồi chỉ còn lại những cá lớn

và cũng không có gì ăn. Và thế là lần lượt chết hết. Hiện tượng này đã xảy ra ở các nước Scandinavia, ở Bắc Mỹ. Hơn 1/4 ao hồ ở vùng núi Adirondack thuộc bang New York đã trở nên quá axit để các sinh vật có thể sống sót.

Hiện tượng mưa axit tuy không trực tiếp phá huỷ mùa màng cây cối, nhưng ảnh hưởng đến cân bằng sinh thái của động vật. Và hoá ra cũng chẳng riêng gì động vật, san hô dưới biển chết trên một chiều dài hơn 1.000 km do mưa axit.

Nước nguồn có thể tự làm sạch nếu không bị dùng làm nơi đổ chất thải sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, phóng xạ... Người ta đặt sự ô nhiễm nước ở vị trí hàng đầu của ô nhiễm môi trường vì nước là mặt ngăn cách giữa hai thành phần khác của môi trường là đất và không khí và chịu ảnh hưởng của sự thoái hoá của 2 môi trường ấy. Nước bề mặt dễ bị ô nhiễm hơn nước ngầm. Nhưng bây giờ nước ngầm cũng bị ô nhiễm. Sau hạn hán nước ít đi thì nguồn nước ô nhiễm ngày càng trở nên độc hại vì các chất ô nhiễm cô đặc lại. Người ta đã tìm thấy trên 2.000 chất ô nhiễm hoá học trong nước, trong số đó có 750 chất trong nước uống, 1.250 chất trong nước sinh hoạt. Nhiều chất hữu cơ có hoạt tính dược học, có khả năng gây ung thư. Hơn 100 năm trước đây tính chất uống được của nước ở Pháp được xác định nhờ 6 thông số. Nhưng kể từ năm 1989 ít nhất 64 thông số phải xác định, trong đó Nitrat đứng đầu bảng.

2/3 tổng số Nitrat trong nước đều từ khu vực trồng trọt, chăn nuôi. 1/3 đến từ khu vực công nghiệp và sinh hoạt. Nitrat tăng từ khi người ta dùng phân bón chứa Nitơ hoà tan. Trong số nhiều kiểu canh tác nông nghiệp, việc sử dụng nhiều phân bón hoá học cộng với việc chăn nuôi tập

chung đã làm ô nhiễm nghiêm trọng những tầng nước ngầm. Với đa sử dụng hoá học như vừa qua thì cứ 5 năm hàm lượng Nitrat trong nước sẽ tăng lên 5 lần. Hàm lượng Nitrat cho phép trong nước nguồn là 100mg/lít, trong nước uống - 50mg/lít. Quá mức đó thì dù Nitrat vốn không bị xếp trong danh sách thuốc độc, cũng ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ con người.

Sau khi lọt vào cơ thể, Nitrat chuyển hoá nhanh thành Nitrit trong ruột nhờ vi khuẩn đường ruột. Các Nitrit tác động lên hemoglobin (Hb) (Huyết sắc tố), biến nó thành Met- hemoglobin (Met-Hb) không còn khả năng vận chuyển oxy. Nhưng nhờ có hệ men đặc biệt Met-Hb nhanh chóng chuyển thành ôxy- hemoglobin. Nitrat có khả năng chiếm đoạt Vitamin tạo ra chứng thiếu vitamin mặc dù trong thức ăn có đủ lượng vitamin. Nitrat cũng có khả năng kết hợp với các amin để tạo nên những Nitrosamin có khả năng gây ung thư, nhất là ở người cao tuổi.

Trẻ sơ sinh đặc biệt nhạy cảm với những Nitrat lọt vào sữa mẹ, hoặc qua nước pha sữa bột. Dứa trẻ trở nên xanh xao do các mô không được tiếp tế đủ ôxy yêu cầu. Ở trẻ sơ sinh nước dạ dày ít toan, các vi khuẩn dễ phát triển và sản xuất ra nhiều nitrit, nitrat dễ chuyển thành nitrit. Kết quả là một lượng lớn nitrit chiếm lĩnh huyết sắc tố, biến chúng thành Met-Hb mất khả năng vận chuyển ôxi đến các mô... Ở trẻ sơ sinh hệ men chưa phát triển đầy đủ nên Met-Hb khó chuyển thành oxy- hemoglobin, làm cho tình hình càng xấu đi.

Một loạt những chất hữu cơ dùng để bảo vệ mùa màng chống cỏ dại, côn trùng, vi sinh vật. Đó là thuốc trừ sâu, diệt cỏ, diệt nấm, dưới tên gọi chung là chất diệt sinh vật (pestixit). Trước thế chiến thứ 2 người ta dùng thuốc trừ

sâu chứa asen. Từ năm 1945 người ta bắt đầu dùng DDT. Những pestixit thông dụng nhất là các chất hữu cơ chứa Clo, phot pho, cacbamat, triazin. Tất cả có khoảng 35.000 sản phẩm khác nhau và cứ 10 năm thì số lượng dùng tăng lên gấp đôi. Nước sạch không được chứa quá 0,1 microgam/lít của mỗi loại pestixit, và tổng số không quá 0,5 microgam/lít. Quá liều này thì độc cho hệ thần kinh, một số gây ung thư. Chất độc màu da cam chứa Dioxin, là nguồn gốc những bệnh di truyền, dị dạng, phát hiện ở thế hệ sau của những nạn nhân bị nhiễm cách đây hơn 20 năm. Các pestixit chứa Clo ức chế men esteraza của các bạch cầu đơn nhân tố, các limpho bào đào phủ, làm suy yếu khả năng kiểm soát của hệ miễn dịch...

Tuy có xác lập liều ô nhiễm tối đa cho phép trong nước, nhưng trong thực tế làm sao có thể đoán chắc rằng sự hấp thụ các độc tố hoá học thông qua nước uống, thực phẩm đã không vượt quá giới hạn an toàn trong bối cảnh sử dụng nước ô nhiễm trong thời gian dài liên tục, dù liều lượng có thể không cao. Đã có châm ngôn: *"Liều lượng làm nên chất độc"*. Cho nên trong tương lai, nên nông nghiệp tiến bộ phải hướng tìm các phương pháp đấu tranh sinh học hữu hiệu và ít nhất thì cũng ưu tiên dùng những hợp chất dễ phân huỷ sinh học, có tính đặc hiệu và dùng được ở liều thấp.

Trẻ em là tầng lớp nhạy cảm đối với nạn ô nhiễm môi trường. Theo một báo cáo mới đây của viên tài nguyên thế giới về mối quan hệ giữa sức khoẻ cộng đồng và môi trường mỗi năm trên thế giới có 11 triệu trẻ em bị chết do các bệnh liên quan đến môi trường như ỉa chảy, sốt rét và các bệnh đường hô hấp.

Trên màn ảnh nhỏ Đài truyền hình Việt Nam tối ngày 5 tháng 5 năm 1998 đưa tin và ảnh bình luận về một em

bé gái 15 tuổi, nhưng chỉ nhỏ bằng em bé 5-6 tuổi, với dị tật bẩm sinh và những cơn động kinh trông rất thương tâm. Quê em ở huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An là nơi cách đây 30 năm có kho thuốc trừ sâu chứa DDT, 666, Wofatox... Sau đó nhiều năm không ai ngó ngàng tới. Địa điểm làm kho được chọn ở nơi cao hơn xung quanh. Theo nước mưa, theo nước ngầm và theo năm tháng cứ phát tán mãi ra vùng dân cư xung quanh. Sự ngộ độc không phải thô thiển qua đường ruột mà người ta có thể biết ngay. Đàng này qua kênh di truyền, ngộ độc qua thần kinh khó biết do đâu. Khi mà số lượng trẻ sinh ra với dị tật bẩm sinh ngày càng nhiều, các cơn co giật động kinh kinh niên ngày càng đe dọa các trẻ nhỏ trong khu vực thì giới y tế và dân tình mới báo động, cơ quan bảo vệ môi trường mới tìm đến từ năm 1995. Các tính toán khiếm tốn cho thấy để làm thanh khiết môi trường ít nhất phải có trong tay hơn 4 tỷ đồng. Ngân sách địa phương lấy đâu ra số tiền khổng lồ này. Nhiều người dân muốn bỏ quê cha đất tổ chạy đi đâu cũng được. Nhưng chạy đi đâu? Tiền đâu mà chạy?



PHẦN II

CON NGƯỜI

Con người là vũ trụ thu nhỏ. Một khi đã đầu thai và sinh ra trên đời con người sẽ tồn tại vĩnh hằng, mặc dù thân thể vật lý phải tuân theo quy luật sinh tử của sinh vật học thuộc không gian ba chiều.

“Con người là một cây sậy yếu ớt nhưng có tư tưởng”.

B.Pascal

TỪ HÌNH HỌC VŨ TRỤ ĐẾN HÌNH HỌC CON NGƯỜI

“Con người bản sao phức tạp của vũ trụ đã sinh ra họ”

B. Payusep

Mỗi một hình thức sống được biết cho đến nay đều bắt đầu như một hình cầu.

Tế bào trứng - một quả cầu tròn tuyệt đối là tế bào lớn nhất trong thân thể người ta, gấp khoảng 200 lần tế bào kích thước trung bình.



Tế bào trứng của người có màng bọc ngoài óng ánh. Bên trong có dịch thể, trong đó là một hình cầu gọi là tiền nhân nữ chứa 22+1 nhiễm sắc thể bằng một nửa số nhiễm sắc thể cần thiết để tạo ra thân thể con người. Nằm bên trong dưới màng ngoài, là 2 tiểu thể phân cực. Sự thụ tinh sẽ xảy ra nếu tinh trùng nam giới tiếp xúc được với trứng nữ giới. Số lượng tinh trùng cần hàng trăm để ít nhất có 1-13 trong số đó phối hợp hành động để ít nhất một tinh trùng có điều kiện đột nhập vào trong trứng qua màng ngoài.

Tinh trùng mang theo vào 22+1 thể nhiễm sắc nhằm tìm tiền nhân nữ trong trạng thái không còn đuôi. Đầu tinh trùng phình to ra để có hình dạng và kích thước như tiền nhân nữ. Rồi chúng nhập vào nhau thành hợp tử, bên trong chứa đựng tất cả thông tin về con người. Hợp tử là tế bào đầu tiên của thân thể tương lai. Hai tiểu thể phân cực tản về cực Bắc và cực Nam. Xuất hiện một đường ống đi ngang qua trung tâm tế bào hợp tử chia nhiễm sắc làm đôi, một nửa xếp hàng theo đường ống ở phía Bắc, nửa kia cũng làm như vậy ở phía Nam của đường ống.

Trong quá trình 9 lần phân bào đầu tiên hợp tử vẫn giữ nguyên kích thước ban đầu. Tiếp đó hợp tử chia thành 2 tế bào, mà kích thước mỗi tế bào con gái bé hơn 2 lần so với hợp tử trước khi chia. Rồi 2 tế bào con gái này lại chia thành 4 mà kích thước mỗi tế bào mới này bé hơn 2 lần tế bào trước khi chia, cứ như thế chia theo trình tự 2, 4, 8, 16, 32, 64, 128, 256, 512 tức là 9 lần phân bào. Lúc này kích thước tế bào chia ở lần thứ 9 sẽ bằng kích thước trung bình của 1 tế bào bình thường của thân thể người ta. Cho

đến lúc này sự phát triển tế bào xảy ra bên trong màng tế bào trứng óng ánh.

Sau đó các tế bào tiếp tục phân theo kiểu gián phân. Các tế bào mới phân tán ra bên ngoài màng tế bào trứng.

Trong cuốn sách *"Thân thể năng lượng của con người"* V.Yarsev đã viết:

"Linh hồn một con người đến với quả đất, sau khi nhận được một tế bào thụ tinh duy nhất, đã thử đặc một thân thể năng lượng, trong đó có sẵn một chương trình năng lượng thông tin của thân thể vật lý của con người trưởng thành. Trên cơ sở "Mô hình" ấy bắt đầu một sự tiến hoá từ tế bào trứng duy nhất thành một cơ thể đa bào phức tạp".

Làm thế nào để tại một chỗ nhất định của phôi bắt đầu sự biệt hoá thành những tế bào đặc thù của một cơ quan nhất định của thân thể. Chắc những cấu trúc tế bào ban đầu phải *"biết"* chúng đang ở đâu, nghĩa là chúng đã có thông tin về vị trí không gian ba chiều của chúng trong cơ thể. Chính những cấu trúc trường về không gian thể tích cho ta cơ sở vật lý để giải thích cơ chế tác động của *"bản thiết kế"* sự phát triển phôi. Hãy lưu ý đến quá trình tiến hoá phôi: khi hợp tử chia ra thành 4 tế bào đã tạo nên hình tứ diện (tetraedr) nằm trong hình cầu mà đỉnh của nó hướng về cực Bắc hay hướng về cực Nam. Chính hướng cực quyết định giới tính của phôi.

Trong khi phân chia tiếp theo thành 8 tế bào chúng ta đã tạo ra 2 tetraedr thâm nhập vào nhau (1 hướng lên trên và 1 hướng xuống dưới). Hình thái này tượng trưng năng lượng nam nữ cân bằng. Đó chính là những tế bào gốc của con người. Theo nguyên lý toàn đồ, không chỉ tế

bào sinh dục mà bất cứ tế bào riêng lẻ nào của cơ thể đều mang trong mình tính đại diện của toàn cơ thể như là một mẫu nhỏ của toàn đồ. Tám tế bào gốc nói trên đều giống nhau và bất diệt, trong khi các tế bào khác của cơ thể chỉ tồn tại 5-7 năm và được thay thế bằng những tế bào mới. 8 tế bào gốc ấy định vị ở trung tâm hình học của thân thể, tức là ở phía trên vùng chậu ứng với vị trí Luân xa Mệnh môn. Đi qua trung tâm hình học và thân thể vật lý có ống năng lượng trung tâm mở ra phía trên đầu qua Luân xa Bách hội ở đỉnh đầu. Phía dưới ống năng lượng trung tâm mở ra qua Luân xa Trường cường ở vùng chậu. Tất cả các trường năng lượng và mạng lưới năng lượng bao quanh thân thể chúng ta đều lấy tâm ở 8 tế bào gốc này. Trong thực tế chúng ta lớn lên theo lối toả tròn, xuyên tâm từ những tế bào gốc, chứ không như quả dưa chuột chỉ phát triển theo chiều dài.

Trong cơ thể đứa trẻ đang lớn có 10^{14} tế bào. Đó là số tế bào có được sau 46 lần phân bào.

Năm 1866, E.Gekkel đã có một phát minh mang tính thời đại, theo đó phôi của các động vật cao cấp, trong đó có con người, lặp lại trong sự phát triển của mình tất cả các giai đoạn tiến hoá của sinh thể, từ đơn giản đến phức tạp theo trình tự thời gian. Nói cách khác có một đường lối chung duy nhất của sự phát triển của tất cả sinh thể. Như vậy con người sinh thành trên cơ sở hình học.

Sau đây là một số ví dụ về sự hình thành cơ quan trong cơ thể.

Ví dụ: Gan, đơn vị cấu trúc ban đầu của gan là thủy gan là sự lặp lại cấu trúc của toàn cơ quan gan, có hình

Icosaedr 20 mặt. Não có cấu trúc hình học. Các tế bào thần kinh có cấu trúc hình học nhất định nhằm tiếp nhận một trong những yếu tố của hình học 3 chiều, phân tích và tổng hợp luồng thông tin tiếp thu được.

Phân tử ADN được xây dựng trên cơ sở các Dodecaedr và Icosaedr (hình 12 và 20 mặt). Người ta cũng có thể nhìn thấy giống nhau hình khối. Khi quay hình khối 72° thì thành hình 20 mặt hay 12 mặt. Như vậy ta thấy có tính tính cách lùi - tiến của cấu trúc theo chiều đi lên của sợi ADN: Icosaedr → Dodecaedr → Icosaedr. Quy tắc của họa sỹ thiên tài Leonard de Vinci về hình thể con người quy định như sau:

Khi một người đứng ngay thẳng và hai tay dang thẳng ra 2 bên và 2 chân duỗi thẳng khép với nhau thì sẽ đóng khung trong một hình tứ giác hay hình khối.

Trung tâm của nó nằm ở đáy cột sống nơi an tọa 8 tế bào gốc. Các tế bào này cũng nằm trong hình khối nhỏ, trong khi thân thể người lớn nằm gọn trong hình khối lớn.

Khi người ta dặng chân 45° và hai tay nhấc nhẹ lên trên thì con người nằm gọn trong một vòng tròn. Trung tâm của vòng tròn này nằm ngang rốn. Chỗ gặp nhau giữa vòng tròn và hình tứ giác là ở gót chân người đứng thẳng. Khoảng cách giữa rốn và đáy cột sống bằng 1/2 khoảng cách từ đỉnh đầu đến điểm cao nhất của vòng tròn.

THÂN THỂ VẬT LÝ

Về thân thể vật lý đã được dạy ở các bậc tiểu trung học phổ thông, trong giáo trình về sinh học ở các trường Đại học tổng hợp, Đại học y khoa, cho nên sẽ không được giới

thiệu trong khuôn khổ cuốn sách chuyên khảo này. Về thân thể vật lý chỉ tập trung giới thiệu não bộ là cơ quan điều khiển thân thể vật lý. Lâu nay đã hình thành một số quan niệm thiếu chính xác về chức năng mà người ta gán cho não bộ. Ngày nay dưới ánh sáng của khoa học phát triển, nhất hạng của cơ học lượng tử, của Tâm - sinh lý, đã khẳng định rằng có những phần thuộc về trí tuệ, linh cảm, cảm xúc xuất phát từ bên ngoài não bộ, nói cụ thể hơn là từ các thân thể tế vi liên quan, từ trường thông tin vũ trụ. Não trong những trường hợp ấy đóng vai trò truyền đạt thông tin và chỉ huy thân thể vật lý thực hiện theo đó.

Não là kênh liên hệ thân thể vật lý với ý thức con người và trường ý thức vũ trụ. Não là cấu trúc đọc thông tin từ hệ thống trường sinh học con người và trường thông tin vũ trụ.

Các nghiên cứu cho thấy hoạt động của não bộ phù hợp với các quy luật lượng tử. Thực nghiệm của Viện sĩ Bekterev cho thấy não là cơ quan sinh ra những cấu trúc sóng tương ứng với những hình thái của thế giới bên ngoài.

Nhà sinh lý học A.N Lebedev đưa ra giả thuyết về bản ghi chép thông tin nhận được và sự bảo quản nó trong trí nhớ dưới dạng những hoa văn toàn đồ bền vững tạo nên bởi những pha khác nhau của sóng đồng bộ (Coherent) không tắt của hoạt động tế bào thần kinh và xuất hiện ở những chỗ khác nhau của não. Bản thân các sóng là sự tổng hợp của các dao động với tần số khác nhau, mà những sóng có cùng tần số có thể khác nhau về pha và về biên độ.

Nhà thần kinh học K. Pribram phát hiện qua thực nghiệm rằng trong não, ngoài sự vận chuyển đều đặn các

xung động thần kinh giữa hệ thần kinh trung ương với các thực thể ở ngoại vi, thì thường xuyên tồn tại những thể năng sóng chậm giữa các Xinap. Sự hoạt động song song ấy rất quan trọng đối với tổ chức công việc của não, và mối tương tác của hai hệ thống dẫn đến sự xuất hiện của các hiện tượng sóng.

Như vậy não bộ là cấu tạo cho phép thu lượm thông tin từ hệ thống trường sinh học của con người và trường thông tin của vũ trụ.

Nhà triết học Pháp Anri Bergson từ lâu đã viết "*Não không phải gì khác mà là một kiểu trạm điện thoại trung ương, nhiệm vụ của nó là truyền đạt thông tin. Nó không thêm thắt gì vào cái mà nó nhận được. Ngay cấu tạo của nó cũng cho thấy rằng chức năng của nó là biến đổi sự kích thích lạ lẫm thành một phản ứng chọn lọc khéo*". Những nghiên cứu mới đây cho thấy: Trong vỏ não không có các trung tâm suy nghĩ và trí nhớ và không có những cấu trúc đặc thù thực hiện các chức năng ấy. Sự suy nghĩ và bộ nhớ không thể được thực hiện trên những con đường phát tán các xung động thần kinh dọc theo các mạng lưới nơ-rôn của não bộ, bởi lẽ tốc độ di chuyển của thể năng vận động dọc theo sợi thần kinh và thời gian chuyển giao qua các xinap không đảm bảo sự tác động nhanh trong thực tế của các cơ chế tư duy và nhớ. Các cơ chế ấy chỉ có thể thực hiện ở cấp độ trường sinh học. Các hệ thống sinh học có cơ sở vật chất chỉ thực hiện cơ chế ý thức ở cấp độ trường sinh học, còn bức xạ xuất phát từ chúng mang thông tin phức tạp và có thể có bản chất sóng xoắn.

Như vậy não không có quan hệ gì với ý thức. Nó tiếp nhận thông tin từ trường thông tin vũ trụ và làm cho nó trở thành cái trật tự của những tác động lên các trung tâm

thần kinh. Rồi chính trung tâm thần kinh tác động lên các cơ quan của thân thể vật lý.

Cái mà hôm nay ta gọi là bản năng (Instinct) chính là tập hợp chủ yếu của các chức năng não bộ con người. Ý thức thực hiện các quá trình trí tuệ và cảm xúc của con người. Các quá trình tư duy và quyết sách thực hiện ở bên ngoài não bộ, ngoài thân thể vật lý. Chúng thực hiện ở chiều đo khác - trong phạm vi ý thức. Còn não bộ của chúng ta chỉ xử lý hậu quả của quá trình tư duy.

Như vậy não là hệ thống điều khiển thân thể vật lý và là kênh liên hệ thân thể vật lý với ý thức con người.

Chúng ta có thể so sánh chức năng của não với chức năng của phổi để hiểu thêm vấn đề chức năng và thẩm quyền của não bộ. Phổi nhận từ khí quyển một lượng ôxy cần thiết cho thân thể vật lý. Còn não thì nhận từ trường ý thức vũ trụ, một lượng ý thức cần thiết trong mỗi phút để đảm bảo cho tâm thần của con người trong thời khắc cụ thể của đời sống.

Trong trường hợp ấy Tâm thần vốn đã ăn nhập trong cấu trúc ý thức và có ý thức cá thể, có thể tiếp tục sự tồn tại trong môi trường quen thuộc của mình sau khi ngừng luồng thông tin đến từ não. Tâm thần chỉ cần đến não cho đến thời điểm mà tâm thần đã phát triển vững vàng để có thể tiếp tục sự tồn tại trong môi trường quen thuộc của mình.

Có một ví dụ về việc con người sống hành động không có não trong một thời gian. Trong thời gian ấy tâm thần điều khiển thân thể vật lý. Một sĩ quan Nga trong chiến tranh mảnh bom lấy mất phần đầu từ miệng trở lên. Nhưng anh vẫn đứng và cho tay vào túi áo ở ngực lấy bản

đồ mà quân Nga phải tiến đánh để đưa cho hạ sĩ quan đứng bên cạnh. Chỉ sau đó anh mới ngã vật xuống như một xác chết.

Ví dụ khác:

Ở Đức năm 1636 nhà vua Ludvic Bavarsky kết án tử hình 8 phiến quân nổi dậy chống nhà vua. Trong số tử tù có người tên là Đitx Fon Saonbarg trả lời khi nhà vua hỏi nguyện vọng cuối cùng, Đitx nói *"Xin được sắp hàng ngang 8 người tử tù. Tôi xin đứng đầu tiên và bị chém đầu đầu tiên. Nếu sau khi đã bị chém mà tôi còn có thể chạy ngang qua các đồng chí của tôi, tôi kịp chạy qua người nào xin tha chết cho người đó"*. Anh đã bị chém mất đầu trước rồi kịp chạy ngang qua tất cả hàng. Nhà vua sững sốt, xúc động mạnh đã ra lệnh tha chết cho những người còn lại.

Mặc dù ngành y khoa đã dày công nghiên cứu về não bộ nhưng vẫn còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết. Chủ tịch hiệp hội nghiên cứu não Châu Âu M.Franken Khaozer viết: *"Để hiểu được những khó khăn mà người ta vấp phải trong thế giới hiện đại cần phải xem xét những khả năng và những hạn chế của bản chất con người trong quá trình tiến hoá của họ. Lịch sử nhân loại cho thấy giống người đã sống trong rừng 3 triệu năm, 3 ngàn năm trên đồng ruộng, 3 trăm năm trong công xưởng và nhà máy, còn bây giờ chưa đến 30 năm bên máy vi tính. Điều đáng ngạc nhiên nhất là mặc dù tốc độ tiến bộ xã hội ngày càng tăng, trong khi não bộ con người về căn bản vẫn không thay đổi"*.

Tuy nhiên viện sĩ Sudacop K viết: *"Não người đã biến đổi. Không phải về trọng lượng, cũng không phải về số nếp nhăn, mà về tổ chức hoá học. Tương quan phân tử trong não bộ của con người hiện đại trở nên khác xưa so với*

người sống cách đây hàng ngàn vạn năm. Mà nếu tương quan hoá học của các phân tử đạm thay đổi thì cũng đã thay đổi các tính chất và sự uyển chuyển của não bộ. Vì thế con người hiện đại có khả năng xử lý những khối lượng thông tin rất lớn so với các bậc tiền bối tổ tiên xa xưa. Người Neandertal chắc sẽ không sống nổi trong cái thế giới điên loạn này của chúng ta”.

Não được cấu tạo theo nguyên lý đồ do K.Pribram và E.Vestleik đã xây dựng mô hình toàn đồ hoạt động của não. Nguồn gốc cấu tạo bản ghi chép toàn đồ là các quá trình sóng xuất hiện trong quá trình làm việc của các tế bào thần kinh, cũng như các xung động, thông tin mã hoá trên nhiều nơ-ron tương tác với nhau.

Hiện tượng nhận mặt tức thì đáng được chú ý. Nếu hình ảnh một người quen chỉ được ghi ở một đơn vị của bộ nhớ, thì làm sao trông thấy mặt thì nhận ra ngay. Như vậy phải nghĩ rằng thông tin về con người ấy có ở khắp nơi trong mỗi đơn vị. Nguyên tắc radio trong não đảm bảo sự tương tác trên khoảng cách giữa các hệ thống của não, nó đặc trưng cho bản chất toàn đồ của cấu trúc não bộ. Nguyên tắc sóng của sự mã hoá thông tin cho phép truy cập tức thì thông tin từ bất cứ đơn vị nào của trí nhớ.

Tuy nhiên bằng cách nào bảo tồn thông tin trong trí nhớ, trong thời gian chết lâm sàng? Trong lúc ấy cơ thể vật lý (kể cả não) không làm việc và thể hiện của tế bào bằng 0. Thông tin, nếu nó bảo tồn trong não, lẽ ra đã bị xoá. Nhưng điều ấy không xảy ra. Sau khi người bệnh sống lại thì lập tức nhận ra người thân, bạn bè, người quen.

Thì ra cơ chế trí nhớ dựa trên cơ sở cấu trúc vật chất mịn và hệ thống trường sinh học bảo toàn thông tin. Viện

sĩ P. Garayev viết: “Phần tử ADN trong thành phần thể nhiễm sắc của các nơ-ron não bộ còn có một tính chất quan trọng nữa liên quan đến các cơ chế trí nhớ. Trí nhớ ấy bản chất toàn đồ đã được nghiên cứu nhiều và có biểu hiệu rõ ràng”. Heraclit đã nhận xét: Sức mạnh của tư duy nằm bên ngoài cơ thể” điều đó có nghĩa là sự tư duy không dựa trên các tổ chức sinh lý vật chất của cơ thể, mặc dù quá trình thông tin trong cơ thể có liên quan với chức năng của não bộ. Tuy nhiên cơ cấu vật chất mà nhờ hoạt động của nó sinh ra ý nghĩ là cấu tạo trường của hệ sinh học .

Cho nên cần xem não như là cơ cấu đọc thông tin đã được bảo toàn trong hệ thống trường sinh học. Như vậy, phức hợp các thân thể tế vi đảm bảo mọi công việc của cơ thể ở mức độ sinh lý và tâm lý, phục vụ bảo toàn thông tin. Nó còn là công cụ tư duy. Như vậy não là cấu trúc đọc thông tin, cho phép lấy thông tin từ hệ thống trường sinh học con người và trường thông tin vũ trụ.

Về vai trò của não P.Smelev viết: “Cấu trúc vật lý của não, cũng như các xung động sinh lý thần kinh, không tạo nên hành vi tâm thần, không làm phát sinh chuyển động ý tưởng, mà chỉ là sự triển khai hành vi tâm thần diễn ra trong một lĩnh vực khác”. Não không tư duy, bởi vì quá trình tâm thần diễn ra ngoài ranh giới của cơ quan này.

V. Yassenetsky viết: “Não không phải là cơ quan ý nghĩ, cảm xúc, nhận thức, nhưng nó gắn ý thức, cảm xúc và ý nghĩ với đời sống thực tế, bắt chúng phải nghe theo các nhu cầu thực tế và làm cho chúng có khả năng hành động hữu ích. Não chính là cơ quan lưu ý đến đời sống thực tại”.

Về mối liên quan giữa não bộ và thiên tài. Nhà hình thái học Nga, giáo sư Vadim Avorykin, mới đây đã đưa ra

một giả thuyết: những vùng não nhỏ biến đổi nhiều hơn so với những vùng não vừa và lớn. Điều đó có nghĩa là não bộ của thiên tài nổi trội chủ yếu là nhờ những phối hợp của những biến đổi nhỏ.

Các nhà khoa học của Viện nghiên cứu não ở CHLB Đức mới đây cho thấy rằng ở một nhạc công có thính giác tinh tế, lớp vỏ thính giác sơ thủy dày gấp 2 lần so với người không có khả năng khiêu âm nhạc. Ở người họa sĩ, lớp trong vỏ thị giác sơ thủy cũng dày hơn. Như vậy là độ dày của khu vực đáp ứng với dạng hoạt động và sự phối hợp tốt đẹp của những cấu tạo hỗ trợ - đó có lẽ chính là cái đã tạo nên cơ sở vật chất cho thiên tài.

Liệu khoa học và công nghệ có thể nâng cấp não bộ được không? Trên thực tế, não bộ con người có khả năng suy nghĩ nhanh gấp trăm lần cỗ máy siêu điện toán lớn nhất thế giới. Xét về mặt cấu tạo, não bộ mỗi người có khoảng 100 tỷ tế bào thần kinh, đến 100.000 km dây thần kinh, với khả năng ghi nhớ - nói theo ngôn ngữ vi tính - lớn đến 100 triệu megabyte. Còn một cỗ máy siêu điện toán lớn nhất cũng chỉ có khoảng một phần trăm khả năng xử lý dữ liệu so với bộ não con người.

Tuy nhiên, GS. Michel Hopmail thuộc Viện nghiên cứu thần kinh học ở Hà Lan, trong cuốn sách mang tựa đề: *"Sự tiến hoá của não người - chúng ta đang ở cuối đường"* đã đưa ra nhiều lập luận để giải thích tại sao sự tăng triển của não bộ không thể vượt qua giới hạn sinh học. Trong khi đó, theo định luật *"Chẳng bao lâu nữa nhân loại sẽ chứng kiến việc những con Robốt tí hon (nanobot) được cấy vào tế bào não của người để làm cho con người trở nên thông minh hơn"*. Theo ông, đến năm 2029 sẽ có những bộ não siêu trí tuệ được tạo ra mà cả *"Phần cứng"* lẫn *"Phần*

mềm” đều đạt được trí tuệ tổng hợp của máy tính và con người, bao gồm cả cảm xúc.

Theo dự đoán của giới khoa học, trong tương lai có thể cấy ghép thiết bị điện tử vào não người nhằm “*Nâng cấp*”. Không những thế, nhờ có một phần mềm đặc biệt, kiểu như phần mềm diệt virus máy tính, thiết bị còn giúp chữa trị các chứng bệnh về não như Alzheimer, mất trí nhớ. Hãng AFP đưa tin các nhà nghiên cứu tại Đại học Pittsburgh (Mỹ) đã thành công khi huấn luyện các chú khỉ sử dụng cánh tay rôbot bằng ý nghĩ, mở ra hy vọng của những người bị khuyết tật hoặc các bệnh nhân bị liệt sau cơn đột quỵ. Theo hãng tin này, các chú khỉ bị đột quỵ đã được gắn sợi điện cực nhỏ ở phần vỏ não có thể dùng ý chí điều khiển cánh tay giả (có hình móc câu) lấy các mẫu thức ăn và bỏ vào miệng. AFP dẫn lời giáo sư John Kalaska của Đại học Montreal (Canada) rằng công trình nghiên cứu trên là sự ứng dụng đầu tiên quá trình “*Giao diện máy - não*” trong không gian 3 chiều, trong trường hợp này là dùng tay rôbot để lấy thức ăn.

Hiện nhóm nghiên cứu của Đại học Pittsburgh vẫn đang tiếp tục cải tiến cánh tay rôbot, bổ sung thêm khớp nối ở cổ tay và bàn tay để giúp con người vận dụng linh hoạt hơn.

Tạp chí Lancet của Pháp mới đây đăng tải một trường hợp kỳ lạ: Bác sĩ Lionel Feullet ở Bệnh viện Timone (Marseille) vô cùng kinh ngạc khi phát hiện một người đàn ông Pháp, 44 tuổi, đã và đang sống bình thường như bao người khác với một bộ não nhỏ đến độ như là không có. Người đàn ông đã có gia đình và hai con này nhập viện vì cảm thấy chân trái bị yếu. Sau khi chụp CT và MRI não, bác sĩ thấy não thất của ông mở rộng, trong khi não, tức

chất xám và chất trắng, thì lại chẳng thấy đâu. Bệnh nhân có tiền sử tràn dịch não từ khi được 6 tháng tuổi.

Năm 1935, trong quá trình trị liệu cho một sinh viên khoa toán trường Sheffield hay bị ốm vặt, GS. Lorber phát hiện thấy cậu hoàn toàn không có não khi ông tiến hành chụp não bằng CAT - scan. Thay vào hai bán cầu não lẽ ra phải lấp đầy hộp sọ với độ sâu là 4,5cm thì cậu chỉ có chưa đầy 1mm mô não phủ trên đỉnh cột sống. Không hiểu bằng cách nào mà cậu sinh viên vẫn sống bình thường. Không những thế, học lực của cậu còn rất xuất sắc với chỉ số IQ là 126 và từng đạt học vị danh dự ngành toán học.

Chỉ vài chục năm gần đây do sự phát triển của các khoa học cơ bản về tự nhiên, về tâm - sinh lý, về kỹ thuật điện toán, về kỹ thuật tế bào học, sinh hoá, sự hiểu biết về cấu tạo và những khả năng của con người mới dần dần được mở rộng. Thì ra thân thể người ta có cấu trúc vô cùng phức tạp mà cho đến nay cũng không thể nói là đã biết tường tận. Thân thể người ta gồm nhiều phần hợp lại, có phần nhìn thấy được, có những phần không nhìn thấy được.

Phần nhìn thấy được và có thể sờ gõ nghe được bởi các thầy thuốc khi khám chữa bệnh gọi là thân thể vật lý thuộc không gian 3 chiều. Những phần không nhìn thấy được thuộc loại vật chất có những chiều đo khác: 4 chiều, 5 chiều, nhiều chiều... Đó là vật chất mịn hay còn gọi là tế vi.

Như vậy con người gồm có thân thể vật lý và 6 thân thể tế vi. Trong số thân thể tế vi lại chia ra làm 2 nhóm. Nhóm thân thể tế vi bậc thấp gồm: Thân thể năng lượng (Ete), thân thể cảm xúc và thân thể ý nghĩ. Thân thể tế vi

bạc thấp có cả ở khí, hươu, chó... Thân thể tế vi bậc cao gồm các thân thể trí tuệ, thân thể linh cảm và linh hồn, thì chỉ thuộc loài người là động vật cao cấp nhất trong vũ trụ.

CÁC THÂN THỂ TẾ VI

Ngày 1 tháng 10 năm 1997, Yartsev lĩnh bằng phát minh số A-079 của Quốc tế trong lĩnh vực lý thuyết về con người. Thân thể ête thô nhất trong số các thân thể tế vi. Nó được nhìn thấy như là đám mây hay dạng gaz phát sáng xung quanh ranh giới của thân thể vật lý, và nó là bức xạ của các tế bào vật lý. Khi người còn sống thân thể ête không tách rời thân thể vật lý.

Có nhà khoa học coi thân thể ête là tổng hoà của 3 thân thể tế vi bậc thấp gồm ête, cảm xúc, ý nghĩ.

THÂN THỂ ÊTE

Thân thể ête thô nhất trong số các thân thể tế vi. Nó được nhìn thấy ở dạng gaz chiếu sáng xung quanh ranh giới của thân thể vật lý. Đó là bức xạ của các tế bào vật lý. Khi người ta sống thì thân thể ête không tách khỏi thân thể vật lý.

Năm 1997 với phát minh số A-079 V.Iarxev viết: *"Bằng lý thuyết đã phát hiện tính chất của con người trước đây chưa biết, bằng năng lượng và thông tin kết hợp các tế bào của cơ thể mình thành một cơ thể năng lượng - thông tin - sinh học, bằng phương tiện toàn đồ năng lượng - thông tin của thân thể vật lý và hệ thống sống gồm các tiểu hệ thống sau đây: Bảo đảm năng lượng cho các mô, lưu chuyển dịch thể mang sự sống, nhận và truyền thông tin, khởi động các cơ chế hoạt động sống của tế bào, có liên*

quan đến các bệnh năng lượng vật lý và năng lượng thông tin". Đó là tất cả các quá trình diễn ra trong các tiểu hệ thống ấy nhằm tổ chức hoạt động sống bên trong tế bào và giữa các tế bào.

THÂN THỂ CẢM XÚC

Cơ cấu cảm xúc tập trung ở vùng ngang tim, tạo ra trung tâm trường xoắn cảm xúc - gọi là thân thể cảm xúc.

Thân thể cảm xúc là trường xoắn dòng chảy của năng lượng mịn hơn so với thân thể ête. Cảm xúc là những trạng thái khác nhau của thân thể cảm xúc, phân biệt nhau theo tính chất rung của sóng. Nó là kênh liên hệ với thế giới vật chất mịn trong vũ trụ. Kênh này chỉ mở ra khi người ta đang ngủ say.

THÂN THỂ Ý NGHĨ

Nó thuộc dòng rung động cao tần, phát tán ra bên ngoài ranh giới của các thân thể vật lý, thân thể ête, thân thể cảm xúc.

Những ý nghĩ của chúng ta tùy màu sắc cảm xúc có khả năng gây ra trạng thái phấn chấn, trầm cảm, phản nộ... Tất cả các thao tác tư duy, trí tuệ liên kết với nhau nhờ thân thể ý nghĩ để tạo ra thế giới tinh thần và ý thức của một con người.

Như vậy thân thể vật lý, thân thể năng lượng, thân thể cảm xúc, thân thể ý nghĩ là 4 gốc đầu tiên của một con người. Về phần này con người tương tự toàn bộ thế giới động vật. Đó là những hệ thống sống hoạt động theo lượng thông tin đặt sẵn trong chúng và có khả năng tiếp thu và xử lý những thông tin tiếp thu từ những hệ thống thuộc trật tự cao hơn.

THÂN THỂ TRÍ TUỆ

Nhân tài không phải là thứ có thể đào tạo được. Tài năng không đợi tuổi. Nhân tài là hiện hữu khi vừa “phát lộ” và vấn đề là trọng dụng họ, tạo điều kiện ngay tức khắc để chuyển hoá tài năng của họ thành hiệu quả xã hội.

Thân thể trí tuệ là thân thể tế vi bậc cao, chỉ có ở con người, vì thế con người là động vật cao cấp nhất, biết tư duy, biết tổng kết kinh nghiệm của sự tồn tại trên quả đất.

Thân thể trí tuệ đảm bảo khả năng tự nhận thức, hiểu biết thực chất của sự vật thông qua trao đổi kinh nghiệm, thảo luận tập thể và học tập.

Nó có bản chất toàn đồ, tồn tại từ đời này sang đời khác. Lưu giữ những ký ức quá khứ.

Nó dẫn dắt con người vào một gia đình nhất định, trong đó các thành viên đã có những liên hệ trong các kiếp trước.

Thân thể trí tuệ được ví như người quay phim đứng sau lưng để quay tất cả những ý nghĩ, cảm xúc, hành vi của con người.

Trí thông minh của con người nhiều hay ít phụ thuộc ở thân thể trí tuệ một phần lớn. Tài năng là năng lượng hiện hữu.

Người tài năng bẩm sinh là thiên tài. Thiên tài không thể đào tạo mà có. Đào tạo chỉ là làm cho con người trung

binh trở thành người có năng lực. Cổ nhân có câu “*Tài năng không đợi tuổi*”. Có thể nêu một số ví dụ. Trong lịch sử nước ta Nguyễn Hiền dưới triều vua Trần Thái Tông đỗ trạng nguyên khi mới lên 13 tuổi, tức là tương đương tuổi của học sinh lớp 6 bây giờ. Trên thế giới đi tìm nhân tài không dựa vào kinh nghiệm được tích lũy, mà căn cứ vào khả năng xử lý tình huống mà đương sự hầu như trải qua.

Vấn đề này ông Lý Quang Diệu phát biểu ý kiến trong khuôn khổ hội nghị thượng đỉnh quốc tế về nguồn lực con người tại Singapore như sau:

“Singapore tùy thuộc vào điểm thi các môn Toán, Khoa học, hoặc dự bị đại học, chẳng cần biết họ có năng khiếu gì không.

Ở Nhật Bản, trước khi bạn trở thành một kiến trúc sư về cảnh quan thì từ thời tiểu học người ta đã khẳng định bạn có óc thẩm mỹ về màu sắc, hình khối, và dạng thể. Nếu ở các bậc học cao hơn bạn vẫn thể hiện những tố chất ấy, khi đó bạn có thể trở thành nhà điêu khắc, họa sỹ, kiến trúc sư, nghệ nhân cảnh quan hoặc người trang trí nội thất. Chúng ta cần những con người ‘hạng nhất’ với đầu óc khôn ngoan, có ý thức về trách nhiệm làm việc vì công chúng, có khả năng thực thi. Có những người nói giỏi hơn làm, người nói hay chưa chắc làm việc có hiệu quả. Đó là hai phẩm chất khác nhau, người giỏi phải tốt cả hai”.

Như vậy nhân tài là hiện hữu khi vừa “phát lộ” và vấn đề đặt ra là trọng dụng họ, tạo điều kiện để chuyển hoá tài năng của họ thành hiệu quả xã hội, có những chính sách nhà nước biệt đãi để duy trì ở đỉnh cao tài năng của người tài.

Một số ví dụ khác: Tom Zalmanor người Izrael, mới lên 9 tuổi đã trở thành thần đồng Piano. Ngày 6 tháng 9 năm 2008, Tom đã đến thành phố Hồ Chí Minh biểu diễn nhạc phẩm của thiên tài Mozart, Shubert cùng dàn nhạc giao hưởng thánh phòng Nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh. Trước đó em đã lưu diễn ở Hà Lan, Thái Lan.

Không cần đi xa như thế để tìm ví dụ. Ở tỉnh Quảng Ngãi có em bé lên 3 tuổi là Đặng Quang Khôi cầm sách của bố mẹ đọc không sót một chữ. Em đọc báo Thanh niên, biết đọc cả địa chỉ trang Web của báo www.thanhnien.com.vn. Em đọc được các dãy chữ số đến hàng ngàn và nhẩm tính rất nhanh những phép tính cộng đến số tổng bằng 100. Em có thể thuộc lòng 21 số điện thoại của người thân trong gia đình nội ngoại. Không những thế chỉ cần cha mẹ viết bằng ngón tay vào lưng của mình em cũng đọc được hoàn toàn đúng. Không thể giải thích được hiện tượng này bằng sự phát triển của trí não, của chất xám vỏ não.

Trí khôn là biểu hiện của trí tuệ trong cuộc sống hằng ngày. Ở cấp độ tiến hoá ngày nay của con người có 3 dạng trí khôn: trí khôn hạ đẳng (hay bản năng), trí khôn trung bình (hay trí tuệ) và trí khôn thượng đẳng (hay khả năng tiên tri). Cả ba liên quan đến nhau. Chúng có những điểm riêng nhưng hoà đồng với nhau một cách hoàn hảo.

Trí tuệ là yếu tố thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật, khoa học, cải thiện đời sống. Nhưng trí tuệ không đồng nghĩa với đạo lý. Sự cảm thấy thương xuất phát từ đạo lý. Trí tuệ là lý trí. Trí tuệ có nhiều ưu điểm, nhưng cũng có thể phạm nhiều khuyết điểm, nhược điểm.

Sự phát triển của trí tuệ có ích nếu chịu nghe tiếng nói

của đạo. Khuyết điểm lớn nhất của trí tuệ là trong quá trình phát triển nó tự coi mình là khởi nguyên cao nhất.

Thế giới đương đại đang chết vì sự phát triển quá mức của trí khôn trí tuệ, do quá thiên về tính lý trí, nhẹ về tính tinh thần.

Sự cảm thấy hay khả năng thấy trước, nghĩa là khả năng vận dụng ý thức, ngày nay chỉ có ở một số ít người.

Từ thời thượng cổ người ta quan niệm rằng trong mỗi con người có 3 bộ mặt cá nhân khác nhau. “*Người bên ngoài*”, “*Người bên trong*” và “*Người quan sát*”. “*Người bên ngoài*” là người nói, nghĩ, làm một cách có ý thức. “*Người bên trong*” đó là cái tổ tiên để lại với những chức năng vô thức thực vật. “*Người quan sát*” đó là người có can đảm làm cái việc theo dõi, điều khiển hàng loạt người trên kia theo quy luật vũ trụ. Theo người xưa nếu hai loại người trên tá túc ở trong não bộ thì người thứ 3 ở trong tim. Cho nên người xưa cái gì không thuận với trái tim thì không làm.

Giáo sư tâm lý học D.V. Kanduba thừa nhận trong mỗi con người hiện đại có 3 bộ mặt ấy, nhưng có người thì bộ mặt này phát triển nhiều hơn bộ mặt kia. Theo sự phân tích của giáo sư này thì người nào lĩnh vực tâm sinh lý chịu sự điều khiển nhiều hơn của bán cầu não trái là “*người bên ngoài*”. Nhìn bên ngoài họ có vẻ là cân bằng, tư duy logic, và trùu tượng, đánh giá tỉnh táo sự kiện.

Còn “*Người bên trong*” bị điều khiển bởi bán cầu não phải, chủ yếu sống bằng cảm xúc và tình cảm.

Tuy nhiên chỉ người nào tận dụng được sự điều khiển của hai bán cầu não và vận dụng được “*Siêu ý thức*” (tức là

“người quan sát”) theo ý niệm của người thượng cổ mới là hoàn hảo.

Trong quá trình tiến hoá, các sinh vật tạo ra cho mình khả năng thoát khỏi những thông tin chưa cần đến lúc này bằng cách phát những thông tin ấy vào trường sinh học. Khi nào cần đến chúng thì đưa chúng vào bộ nhớ của mình.

Cho nên có thể nói rằng ở con người hiện đại tính thông minh bản năng là trí thông minh của quá khứ. Lý trí là trí thông minh hiện tại, tiên tri là thông minh tương lai.

Tổ tiên ta tuy tôn trọng cả ba nhân cách nhưng ưu tiên vẫn dành cho nhân cách thứ 3 sống ở trong trái tim. Trí tuệ phát triển có ích chừng nào nó biết nghe, trí khôn ngoan là khởi nguyên cao nhất của con người. Trí tuệ thường chỉ dùng để xử lý các hiện tượng trong thế giới vật lý. Không có khả năng giải quyết các vấn đề liên quan đến các thế giới tế vi cao hơn.

Trong con người trí tuệ cũng là đầu mối của sự chia rẽ. Nó phân biệt rõ cái “Tôi” và “Không phải tôi”. Nó chỉ thừa nhận một “mình” mình, còn những cái khác nó coi là xa lạ với mình. Đó là cái gốc đầu tranh, thù địch, tự mãn, sẵn sàng tiêu diệt tất cả cái gì đứng giữa nó với cái mà nó muốn có. Thế giới đương đại sẽ chết vì sự phát triển quá lớn của loại trí tuệ ấy, vì lý trí lấn át tình cảm, tình thân.

Khả năng tiên tri tức là khả năng tận dụng siêu thức, hiện nay chỉ có ở một số ít người. Liên quan đến siêu thức là tất cả cái gì tốt đẹp nhất, những giá trị nhân văn cao nhất, văn hoá cao nhất. Cái gốc cao nhất ấy của bản thể

con người nằm ở trong tim con người. Trong quan hệ giữa người và người cái ám áp, chân tình, trung thực đều xuất phát từ đó mà ra.

Khi ý thức vật lý ngủ thì tiềm thức vẽ ra cho ta thấy những bức tranh của quá khứ, còn siêu thức vẽ ra những khả năng của tương lai.

Như vậy ở con người trong kiếp trần gian này ý thức cá thể gồm những dải tần của tiềm thức, siêu thức, ý thức vật lý.

Câu hỏi đặt ra là vậy đời sống trên mặt đất cần để làm gì? Từ lâu chưa hề có câu trả lời thoả đáng. Ngày nay đã có câu trả lời sau nhiều công phu nghiên cứu, suy tưởng, trải nghiệm: *"Mục đích sự tồn tại của con người trên trái đất là sự tiến hoá ý thức, tiến hoá trí tuệ, và tiến hoá hình thể"*.

Nói cho cùng thì tiến hoá hình thể con người đã hoàn thành, về phương diện hình thái học con người đã ngừng biến đổi từ thuở xa xưa. Ngày nay chỉ cần nói về tiến hoá ý thức của con người.

Nhà sinh vật học Anh D.Khaksly năm 1940 đã viết về những gì đã đạt được trong sự hiểu biết về tiến hoá, ý thức. Con người không phải gì khác là sự tiến hoá nhận thức chính mình.

Một trong những năng lượng mạnh nhất được điều khiển bởi ý thức là ý nghĩ. Các nhà khoa học đã sáng chế được máy thu tóm được ý nghĩ và những tình tiết của nó.

Trí tuệ là bộ máy suy nghĩ, thường xuyên phát ra năng lượng suy nghĩ với tính chất xây dựng hay phá hoại, chất

đây không gian, không phụ thuộc ở ý muốn của con người. Trí tuệ của chúng ta là nhà máy sản xuất điều thiện và điều ác. Nó không bao giờ chịu đứng yên không hoạt động. Nếu con người tự mình cố ý không để cho trí tuệ làm việc hết công suất, thì nó sẽ suy nghĩ lung tung, lộn nhut các thông tin vô bổ từ tiềm thức chỉ cốt để cho đa dạng, cho nhiều, bởi vì nhu cầu chủ yếu của trí tuệ là được thấy mình sống động, rung động, đáp lại mọi điều kiện thế giới bên ngoài mà các cảm quan thu nhận được.

Vì lý do đó mà trí tuệ không nhất quán, hay đồng bóng, hay phân tán, không muốn dừng lâu ở một chỗ, ở một sự việc. Đa số người ta khó tập trung tư tưởng dù chỉ trong một thời gian ngắn.

Đã có lúc nào bạn tự hỏi ý nghĩ là gì? Nó hình thành ở đâu? Ở đỉnh đầu, ở con mắt? Hay ở tai? Không phải.

Ý nghĩ của bạn ở nơi mà bạn tập trung tư tưởng. Ý nghĩ có khắp nơi, ở nơi nào bạn muốn có, muốn hướng về đó. “*Ý nghĩ là năng lượng*”.

Theo viện sỹ G.I.Sipov “*Ý nghĩ là thành tạo của Trường tự tổ chức. Đó là những cục đông trong trường xoắn, tự mình kiểm chế mình. Chúng ta cảm nhận chúng như những hình tượng và tư tưởng*”.

Trường xoắn đi qua bất cứ môi trường tự nhiên nào không tiêu hao năng lượng. Vì thế ý nghĩ cơ thể dễ dàng truyền từ người này sang người khác, giống như sóng radio đi từ trạm này đến trạm khác.

Nhưng tính chất đáng kinh ngạc nhất của ý nghĩ là lực xây dựng và sức tàn phá của nó. Không có ai xây được ngôi nhà mà ban đầu không nghĩ đến thiết kế. Ý tưởng về thiết

kế tồn tại chừng nào người kiến trúc sư còn sống, dù cho ngôi nhà do ông ta xây dựng theo bản thiết kế đã bị hỏng. Có thể theo thiết kế ấy xây dựng tiếp hàng vạn ngôi nhà giống như thế.

Nhà vật lý lý thuyết E.Merson định nghĩa “*Trường ý nghĩ hợp nhất*” là bản thể sống động, có thể tạo ra hào quang có khả năng truyền năng lượng cho từng thành viên trong cộng đồng.

Thật vậy, nếu gia đình được xây dựng trên cơ sở tình yêu mạnh mẽ, hay truyền thống thiêng liêng, hay nghề nghiệp cha truyền con nối thì trường ý nghĩ hợp nhất sẽ ràng buộc các thành viên gia đình chặt chẽ hơn ở các gia đình khác.

Như vậy, rất có thể ý nghĩ là yếu tố quan trọng nhất của thế giới này.

Khoa học hiện đại giải thích tác động của lời nói và ý nghĩ như sau: Mỗi lời nói hay ý nghĩ làm thay đổi chân không vật lý xung quanh ta và trong đó sinh ra những trường xoắn là tổng hợp của những lốc quay trái và quay phải. Trường quay phải tác động lên sinh vật tốt, còn trường quay trái lại có hại. Những lời nói và ý nghĩ tốt tạo ra quanh ta trường xoắn quay phải và ngược lại.

Những lời thề độc với ai sẽ làm tổn thương bộ máy di truyền đến chết là vì lý do đó.

THÂN THỂ LINH CẢM

Thân thể linh cảm thuộc về số 3 thân thể tế vi bậc cao của con người. Nó đảm bảo ý thức con người và là bộ phận của ý thức vũ trụ, thông qua ý thức mở nó tiếp nhận thông

tin vũ trụ. Sự tiếp nhận ấy phụ thuộc ở mức độ mở của ý thức tại thời điểm nhất định. Thông tin được xử lý bởi ý thức, sử dụng vào hoạt động hợp lý đối với thế giới xung quanh. Tất cả các ý nghĩ, cảm xúc, hành động sáng tạo được thân thể năng lượng chuyển đến thân thể vật lý để hành động.

Thân thể linh cảm cho con người khả năng nhìn thấy trước (tiên tri) khả năng đi sâu vào bản chất sự vật không phải bằng con đường thảo luận hay tư duy logic, mà bằng trực giác chớp nhoáng. Đó là bản năng sinh tồn.

Thiết nghĩ giải thích bằng lý thuyết đông dầy e không bằng đưa ra những dẫn chứng thực tế ở nhiều nơi, qua nhiều đời.

Năm 1865, bà Hoffman có đứa con 5 tuổi chết vì bệnh tả, mỗi chôn hôm trước, hôm sau bà vẫn cảm thấy nó còn sống. Đến hết ngày hôm sau, bà quyết tâm cùng người nhà đi cứu con. Khi nắp quan tài vừa mở, ai cũng sững sốt vì thấy cậu bé vẫn còn có biểu hiện sự sống. Một giờ sau, cậu bé tỉnh lại, mọi người tìm cách chữa khỏi bệnh tả và giúp cậu phục hồi sức khỏe. Về sau người con của bà Hoffman sống tới 80 tuổi tại thành phố Lincoln (bang Iowa, Mỹ). Vật kỷ niệm quý giá nhất đời của ông là cái núm sắt nhỏ ở nắp quan tài.

Nhà soạn nhạc vĩ đại người Áo là Mozart (1756 - 1791) khẳng định rằng, mỗi tác phẩm âm nhạc của ông là sự kết tinh của nguồn cảm hứng, tư duy sáng tạo và do linh tính mách bảo. Viện sĩ Xobolev của Nga tìm ra kim cương ở vùng Yakutsk, Viện sĩ Muratov (1908 - 1983) tìm ra dầu mỏ ở vùng Tây Xibêri cũng đều do linh tính mách bảo.

Theo những nghiên cứu mới nhất thì có 2 khía cạnh giúp ta hình dung rõ linh tính - vụt loé và cảm giác. Các ví dụ cổ điển về sự vụt loé như: Newton phát minh ra định luật hấp dẫn vào lúc mà quả táo rụng vào đầu ông. Accimet phát minh ra định luật lực đẩy khi ông đang tắm...

Từ thời Aristot người ta đã gọi linh tính là cội nguồn của khoa học. Sau đó Đécac, Lepnich, Sponoda coi linh tính là phương thức nhận biết cao nhất của con người.

Trong quá trình tiến hoá của con người bản năng nhường chỗ dần cho lý trí. Nhưng bản năng vẫn tiếp tục một số chức năng cũ. Đó là các chức năng sinh lý không đòi hỏi sự tham gia của ý thức, như tiêu hoá, tuần hoàn, hô hấp, tất cả những nhu cầu của thân thể: Đói, khát, buồn ngủ, sinh dục, các dục vọng như thù hận, ghen tuông, trả thù và những biểu hiện cảm xúc thấp hèn của con người. Tất cả cái đó do sự điều khiển của bản năng. Trí khôn bản năng là trí khôn của các thói quen và của tất cả mọi hành động mà chúng ta làm một cách máy móc, mà chúng ta đã học được và đang học và không có sự tham gia của ý thức. Trí khôn bản năng là tiềm thức, vô thức.

Linh cảm cũng là bản năng sinh tồn. Trong mỗi con người chúng ta đều có một bản năng duy trì sự sống dù nhiều hay ít, đó chính là "*Bản năng sinh tồn*". Bản năng này đã làm trỗi dậy nguồn sức mạnh thậm kín trong cơ thể con người khi đối diện với sự nguy hiểm, với cái chết. Những trường hợp sống sót, thoát khỏi cơn hiểm nghèo khi các thầy thuốc đã bó tay... làm cho nhiều nhà khoa học phải suy nghĩ.

Trong cuốn "*Bản đồ tâm lý*", bác sĩ tâm lý học danh

tiếng người Mỹ - ông Scott Peek đã để lại nhiều câu chuyện lạ lùng và hấp dẫn về khả năng vượt qua bệnh tật kỳ diệu của con người. Ông Abel, 35 tuổi sinh ra trong một khu dân cư nghèo tại thành phố Chicago nước Mỹ. Cha mẹ đẻ của ông là những người vừa câm vừa điếc. Xét thấy họ không có đủ khả năng nuôi dưỡng con cái, chính quyền thành phố đã giao chú bé Abel cho gia đình khác nuôi dưỡng khi bé mới lên 5 tuổi. Tuổi thơ ấu của Abel chẳng những không được hưởng một chút tình thương mà còn phải chịu đựng vô vàn nỗi nhục nhã và sự khinh miệt. Năm 15 tuổi, người ta phát hiện thấy Abel bị ung thư động mạch não do bẩm sinh. Căn bệnh hiểm nghèo làm mạch máu bị vỡ và một phần cơ thể bị tê liệt. Năm 16 tuổi, Abel rời khỏi gia đình cha mẹ nuôi và bắt đầu cuộc sống tự lập. Năm 17 tuổi, Abel gây lộn đánh nhau ngoài phố và phải ngồi tù. Trong tù, ngoài việc được chữa trị các vết thương do vụ đánh nhau, anh không hề nhận được bất kỳ một sự điều trị gì về bệnh ung thư động mạch não.

Linh cảm không phải là thần bí. Đối với con người, linh cảm có vai trò như một cái la bàn và nó đi theo người ta trong suốt cả cuộc đời. Gerald Traufetter nhà báo của tạp chí Spiegel đã mô tả trong cuốn sách của ông mang tên *"Sự thông thái của cảm giác"*, quá trình nghiên cứu, khám phá sức mạnh của trực giác.

Linh cảm hoàn toàn không phải là thần bí, nó dựa trên kinh nghiệm và tri thức mà chúng ta hoàn toàn không biết là mình biết. Với sự hỗ trợ của cảm giác, linh cảm của con người như một cái la bàn giúp ta ra những quyết định lớn, nhỏ khác nhau trong suốt cuộc đời.

Thí dụ chỉ sau ít giây đồng hồ, các em học sinh đã có

thể quả quyết nhận xét thấy giáo có phải là người dạy giỏi không. Tại các cuộc “*Speed - Dating - Party*” nơi những người độc thân chỉ có 6 phút để chọn người đối thoại với mình thì những người có quyết định chớp nhoáng thường ít bị thất vọng hơn so với những người cân nhắc, chọn lựa kỹ lưỡng. Thí nghiệm chọn tranh cũng tương tự, những người quyết định chóng vánh thường có những bức tranh vừa ý và treo lâu hơn tại nhà mình so với những người so đo chọn lựa.

Ba hợp phần của linh cảm là kinh nghiệm, tri thức và cảm xúc. Một quyết định hợp lý cũng là quyết định có tính trực giác vì chúng đều dựa vào một quá trình tư duy vô thức. Tác động của linh cảm trong nhiều lĩnh vực khác nhau của cuộc sống cho chúng ta thấy trí tuệ phản ứng như thế nào.

Linh cảm hoàn toàn không liên quan gì đến phép siêu hình hay là một vấn đề trừu tượng, mà là sự mất tiếp trong cảm xúc của con người.

Tiên tri cũng là biểu hiện của linh cảm.

Gia đình Vanga sống tại Rupite - Bulgari - nơi giao nhau giữa đường biên giới của các quốc gia: Bulgari, Macedonea và Hy Lạp chính là khu vực tập trung khá nhiều nguồn năng lượng kỳ diệu. Chính nguồn năng lượng này đã giúp phát triển khả năng tiên tri của Vanga.

Mặc dù bị mù cả hai mắt, song Vanga có thể “*Nhìn rất rõ*” những điều đã xảy ra rất lâu trong quá khứ cũng như những gì sắp xảy ra trong tương lai.

Lần đầu tiên Vanga đưa ra lời tiên tri khiến nhiều người sửng sốt là khi bà 30 tuổi. Tháng 1 năm 1941, bà đã

tiên đoán thế giới đang đứng trước ngưỡng cửa của một thảm họa. Những gì Vanga nói là Chiến tranh thế giới thứ 2 xảy ra không lâu sau đó. Việc giúp đỡ mọi người tìm kiếm những người bị mất tích do chiến tranh, loạn lạc, tiên đoán những nguy hiểm, và những điều xấu sắp xảy ra...

Lời tiên tri của Vanga về cái chết của nhà lãnh đạo Xô Viết Stalin đã khiến cho bà phải ngồi tù trong một thời gian dài. Không đầy một năm sau lời tiên đoán, Stalin đã chết đúng như những gì Vanga đã dự báo⁽¹⁾.

Đó cũng là những gì đã diễn ra với số phận của Maria Adelaida Lenorman - một trong nữ tiên tri kỳ lạ có khả năng tiên đoán bẩm sinh. Năm 1772, Maria ra đời tại thị trấn Alanson - Paris - Pháp với một bộ tóc dài đen nhánh và miệng đầy răng. Năm lên 6 tuổi, Maria đã thể hiện khả năng tiên đoán thiên tài của mình. Không lâu sau đó nhiều nhân vật quan trọng bắt đầu tìm đến Maria. Qua những lá bài, chiêm tinh, các hình thức bói toán và mùi hương của hoa... Maria đã tiên đoán chính xác số phận cho nhiều người, trong đó có cả vị hoàng đế danh tiếng Napoleon Bonaparte - người đã đến gặp bà khi ông mới chỉ là một sĩ quan pháo binh. Trước đó, bà cũng chính là người đã tiên đoán số phận và tiết lộ cho Josephine biết trong tương lai không xa, cô sẽ trở thành hoàng hậu của nước Pháp.

Vào những năm 1940 ở Mỹ xuất hiện một nhà nữ tiên tri nổi tiếng tên là Jane Dickson (nguyên họ là Pinkert).

⁽¹⁾ V.Y. Tikhôplav - "Đời có vay có trả", Matxcôva - 2004.

Ngay từ lúc mới 5 tuổi Jane đã biểu diễn cho người thân xem khả năng tiên đoán siêu phàm của mình: Em đã tiên đoán những sự kiện tương lai, các món quà mà khách đem đến, cái chết của những người thân thích... Năm lên 8 tuổi, cô bé đã nhận được món quà có tính chất định đoạt toàn bộ số phận sau này của em. Sự kiện đáng nhớ này xảy ra trong ngôi nhà của một bà thầy bói người Digan là xem bàn tay của bé: *"Cô con gái của bà sẽ trở thành một nhà tiên tri vĩ đại"*. Sau đó bà ta đưa cho cô bé viên đá thạch anh: *"Cháu nhìn thấy gì trong viên đá này?"* Jane chăm chú nhìn vào giữa viên đá và bắt đầu miêu tả một địa điểm chưa hề quen biết: Một bờ hoang dã lổm chổm đá, sóng biển nhấp nhô... *"Đấy là quê hương của ta. Ta tặng cháu viên đá này"* bà thầy bói Digan nói. Viên đá thạch anh đã lọt vào đúng địa chỉ cần thiết.

Thạch anh là một thứ đá trực cảm và cực nhạy cảm có khả năng làm cho con người giao tiếp với vũ trụ, với thế giới siêu nhiên. Những viên đá thạch anh tuyệt đẹp cho phép nhìn thấy cái vô hình, biết được cái chưa biết, thực hiện cuộc du hành lý thú vào quá khứ và tương lai...

Vào tháng 11 năm 1944, Roosevelt (bị liệt hai chân phải ngồi trong xe đẩy) hỏi: *"Xin cô hãy nói thẳng cho tôi biết liệu tôi còn sống được bao lâu để kết thúc công việc đã bắt đầu?"*. Jane không thể tránh trả lời: *"Nửa năm nữa, thưa ngài tổng thống, mà thậm chí còn ít hơn"*. Sau cuộc gặp đó được 5 tháng, ngày 12 tháng 04 năm 1945, đúng như điều Jane tiên đoán, Roosevelt đã từ trần.

Vụ ám sát John Kennedy năm 1963 đã được bà tiên đoán từ năm 1956. Song Jane Dickson đã miêu tả cho một nhà báo Mỹ thấy ngoại hình vị Tổng thống Hoa Kỳ trong

tương lai (Kennedy) mái tóc dày màu hạt dẻ, đôi mắt xanh và kẻ giết ông ta là một người có cái tên bắt đầu bằng chữ "O" hoặc chữ "Q".

Bà đã tiên đoán một cách chính xác tương lai của một người nghệ sĩ điện ảnh nổi tiếng Ronald Regan sẽ trở thành vị Tổng thống thứ 40 của Hoa Kỳ (1981 - 1989). Năm 1964, Dickson đã dự báo rằng người Nga sẽ là người đầu tiên đưa con tàu vũ trụ lên mặt trăng, rằng trước năm 2000 bức tường Berlin sẽ bị phá đổ, còn ở La Mã sẽ có vụ ám sát Đức giáo hoàng.

Và cho biết những gì mình thấy như sau: *"Trên sàn quả tên lửa có một cái gì đó rất lạ, nó mỏng trông giống như lá kim loại, nếu có một dụng cụ nào đó rơi vào nó hoặc có ai đó lấy gót giày giẫm lên thì ắt sẽ xảy ra tai họa. Ở phía dưới sàn tôi nhìn thấy một cuộn dây điện rồi tung. Cái chết đang đe dọa các nhà du hành vũ trụ. Tôi cảm thấy rằng linh hồn của họ đang lìa khỏi xác nóng hổi trong những cuộn khói "*.

Hồi ôi, cả lần này lời tiên đoán cũng chính xác. Một tháng sau ngày 27 tháng 01 năm 1967 - ngày tiên đoán, trong lúc tập luyện trong con tàu vũ trụ "Apollon - I", 3 nhà du hành vũ trụ Mỹ đã bị thiêu sống. Đó là Virgil Prison, Edward Wait và Roge Chaffi.

Dickson nói đã nhiều lần sự tiên đoán đến với bà bằng những con đường khác nhau. Đôi khi là do tiếp xúc với một đồ vật mà một người nào đó chạm vào. Đôi khi đó là do nguồn tin "từ trên cao". Jane rất coi trọng việc nhìn vào đá thạch anh của mình. Bà cho rằng cách khác thì khó mà có được một "bức tranh" chi tiết. Jane Dickson mất ngày 25 tháng 01 năm 1997.

LINH HỒN

Không tin vào sự bất tử của linh hồn chỉ có người nào không biết suy nghĩ một cách nghiêm túc về cái chết.

Lev Tolstoi

Các nhà khoa học hiện đại xem hồn là cục đông của năng lượng tâm thần với các trường xoắn. Nó bảo tồn một lượng lớn thông tin. Hồn ảnh hưởng đến cơ thể vật lý thông qua phân tử ADN, ADN kiến tạo thân thể tương ứng với hồn.

Voino I (Nga) viết:

“Giữa 2 người phụ nữ có hình dáng rất giống nhau: những nét của mắt, mũi, miệng, kích thước bằng nhau, tỷ lệ các phần mặt và đầu giống nhau. Nhưng một người thì có vẻ thô lỗ, còn người kia thì có vẻ tế nhị, duyên dáng. Như vậy trong hình thức vật chất có phản ánh rất rõ phần tinh thần”.

Viện sĩ Sipunov nói:

“Xưa nay vẫn có khái niệm người vô hồn”. Ngày nay đã có thiết bị phát hiện quanh người vô hồn một thứ chân không, trong đó những ma trận âm cực điều khiển con người ấy. Hiện tượng này cũng ghi lại trên ảnh chụp.

Nghiên cứu về những trường hợp bệnh nhân đón nhận cái chết như được dự báo trước, Bác sĩ người Mỹ Lincon và Aliket kết luận: Có rất nhiều người có thể dự đoán được



cái chết chứ không phải họ nói gở, mà chính là bằng trạng thái tâm lý đặc biệt. Nó được thể hiện trước khi chết người ta rơi vào trạng thái sa sút, những biểu hiện lo buồn u uất kỳ lạ này phát hiện chính là do hoóc-môn trong cơ thể con người chuyển hoá thành. Đặc trưng của tâm lý u sầu ủ rũ vô cơ này là lúc hệ thống thần kinh trung ương chuẩn bị cho cái chết. Những nhà nghiên cứu cho rằng cái chết là ý thức chuyển biến trạng thái từ “*động sang tĩnh*” của tồn tại sinh mệnh. Con người được cấu thành bởi thể xác và linh hồn. Linh hồn không thể nhìn thấy bằng mắt thường, nhưng lại toát ra một mùi hương đặc trưng riêng nhất, với các cung bậc bức xạ từ những mùi hương linh hồn. Chết là khi linh hồn rời bỏ thân xác, khi đó chính người sắp sang thế giới bên kia bỗng cảm nhận được mùi hương của mình đang phai nhạt dần. Khi chết đi linh hồn lìa khỏi thể xác còn thể hiện bằng những vầng sáng. Chỉ với kỹ thuật đặc biệt mới nhìn thấy được thứ ánh sáng này.

Sự thâm nhập lẫn nhau của các thể tế vi thể hiện thông qua ví dụ sau đây. Một cái hũ chất đầy đá to, khe hở chất đầy đá nhỏ vừa, khe hở nhỏ chất sỏi, cát, đổ nước vào, hoà tan khí vào. Các thân thể tế vi lồng vào nhau như thế đấy.

Thân thể năng lượng bằng chính mình đâm xuyên thân thể vật lý; Thân thể cảm xúc bằng chính mình đâm xuyên thân thể vật lý và thân thể năng lượng; Thân thể ý nghĩ đâm xuyên cả 3 thân thể kia v.v...

Tất cả các thân thể tế vi bậc cao của con người có cấu trúc toàn đồ. Khái niệm về cấu trúc toàn đồ của những sinh trường lần đầu tiên được đề xuất bởi K. Pribram khi bàn về nguyên tắc tổ chức của trí nhớ và công việc của não

bộ, và sau đó nhân khi bàn về các hệ thống khác nhau của cơ thể. Số là mỗi cấu trúc sinh học, từ mức độ một tế bào, là nguồn gốc của các Sinh trường.

Ví dụ sóng với tần số 10hz gần với bức xạ nhiệt. Đó là tần số dao động của màng tế bào được tích điện của tất cả các nội tạng con người (tim, phổi...). Tất cả các rung động của nội tâm đều đồng bộ và liên quan mạch lạc, chặt chẽ với nhau.

Bằng chứng khẳng định điều đó là mô hình của toàn đồ của bộ gen con người. Bộ gen là tổng hoà của tất cả thông tin di truyền của cơ thể được mã hoá trong cấu trúc xoắn của ADN.

Các nhà khoa học đã thu được những thông số về ADN của thể nhiễm sắc cũng như về laser sinh học với những chiều dài được sắp xếp lại của sóng của trường bức xạ. Trong công trình *"Bộ gen sóng"* của viện sĩ Garatep có nói: *"Vấn đề có tính nguyên tắc trong giả thiết phát sinh hình thái sinh học là bộ gen tạo thành những hình ảnh toàn đồ. Các hệ thống sinh học là thứ sinh của các trường vật lý đã biết"*.

Con người là tạo vật toàn đồ nhỏ của toàn đồ vũ trụ, chứa trong mình thông tin về tất cả những gì đã xảy ra và đang xảy ra trong vũ trụ.

Như vậy ngoài thân thể vật lý, con người có 3 thân thể tế vi bậc thấp và 3 thân thể tế vi bậc cao, 6 thân thể tế vi tương ứng với 6 bậc thông tin. Mối liên hệ giữa thân thể vật lý với các bậc thông tin này được thực hiện nhờ các trung tâm thông tin, năng lượng gọi là Luân xa.

LUÂN XA

Thân thể người ta có 7 luân xa, phân bố từ đốt sống cùng lên đỉnh đầu. Luân xa có nghĩa là “Bánh xe”. Theo truyền thống cổ truyền luân xa là một dãy các hình xoắn giống bánh xe trên bề mặt của thân thể năng lượng của con người. 7 Luân xa là những trung tâm năng lượng con người có nhiệm vụ trao đổi năng lượng tế vi con người với vũ trụ. Mỗi luân xa được chuyên môn hoá trong một lĩnh vực nhất định của hoạt động sống của con người.

Thông qua các luân xa thân thể năng lượng kết nối thân thể vật lý với phần tinh thần của con người và giữ vai trò máy phát năng lượng và thông tin. Cơ sở thông tin của tất cả các sinh vật là trường xoắn, chúng mang thông tin của cơ thể nói chung và của các tế bào về cấu trúc, chức năng, trạng thái của thế giới bên trong con người cũng như thế giới bên ngoài. Đến lượt mình các cơ quan nội tạng tạo ra những trường xoắn của mình. Chúng tích lũy năng lượng và chuyển tải đến địa chỉ cần thiết. Nhờ bảy luân xa của cơ thể con người trao đổi năng lượng với các thế giới tế vi. Mỗi luân xa làm ăngten để thu nhận và trả ngược lại năng lượng tế vi với tần số rung nhất định.

Sự tồn tại và chức năng của các luân xa đã được biết đến từ hàng ngàn năm trước nhưng chỉ ngày nay khoa học mới khẳng định chân lý ấy.

Viện sĩ G.I Shipov viết:

“Trong người có bảy cấp độ trường xoắn tương ứng với các thân thể tế vi. Luân xa là các điểm tiêu cự của các

trường xoắn. Luân xa nằm ở trên cao thì tần số của trường càng cao”.

Hình thái hình học của luân xa là những hình sinh học nhất định, mang tên Platon nhà thiên tài đã nhận thấy sự tương tự giữa các luân xa và các thể Platon.

Thân thể người ta là một hệ thống sống hoàn chỉnh, gồm các tiểu hệ thống; các mô đảm bảo năng lượng, vòng chu chuyển dịch thể, nhận và chuyển thông tin, thành tạo phân tử ADN, khởi động cơ chế hoạt động sống của tế bào, của những kênh năng lượng và những trung tâm năng lượng thông tin, nghĩa là của tất cả các quá trình diễn ra trong các tiểu hệ thống ấy nhằm tổ chức hoạt động sống bên trong tế bào và giữa các tế bào. Cường độ và phương hướng kết hợp các tế bào thành ra cơ thể năng lượng - thông tin sinh học được quyết định bởi ý thức con người và bởi sự tự tổ chức của các thành tố của nó như lý trí, tình cảm, nghị lực.

Trong toàn đồ mô hình không gian năng lượng - thông tin của thân thể vật lý có vị trí rõ ràng của các tế bào tương lai trong không gian. Toàn đồ ấy của thân thể vật lý của người trưởng thành điều khiển cả sự phát triển của tế bào thụ tinh.

Mỗi tế bào trong cơ thể người ta đều có trường xoắn của mình. Các tế bào tiếp cận với nhau tạo ra trường xoắn chung. Nó như nam châm lôi kéo và định hướng chúng vào vị trí nhất định trong không gian, tạo ra một sự kết hợp của các tế bào đúng như đã dự định trước trong toàn đồ của người ấy.

Nhờ các trường xoắn mà các tế bào tập hợp bởi nhiệm vụ chung, chức năng chung, tạo ra trong thân thể vật lý

những kết hợp tế bào khác nhau như: Các cơ quan nội tạng, cơ, xương... Trường xoắn của các tế bào và của tất cả những tập hợp tế bào tạo ra trường xoắn chung của con người.

Có một người con gái ngoại cảm tên là Diana ở Los Angeles (Mỹ) có khả năng nhìn thấy các luân xa hoạt động như xoắn năng lượng. Cô mô tả thân thể năng lượng giống màng nhện phát sóng và chuyển động liên tục. Trong đó có 7 vòng xoắn chính là 7 luân xa và nhiều xoắn bé hơn tức là những luân xa phụ.

Căn cứ vào những rối loạn chuyển động của các vòng xoắn ấy Diana chẩn đoán bệnh. Về mối liên hệ giữa hệ thống các luân xa với hệ thống châm cứu bác sĩ Khiroshi Motoyama cho rằng hệ thống châm cứu cần được coi như là mắt xích liên lạc giữa các cơ chế chức năng điện tử và những luân xa ở bậc nhỏ, kết nối các luân xa lớn.

HÀO QUANG CON NGƯỜI

Mỗi một thân thể vật chất mịn đều có bức xạ gọi là hào quang. Mỗi hào quang đều có tần số rung đặc trưng. Hào quang con người là phức hợp bức xạ của tất cả các hào quang của sáu thân thể tế vi của con người.

Hào quang có cấu trúc trường phức tạp với nhiều biểu hiện vật lý khác nhau. Hào quang bao quanh không gian sát với thân thể vật lý con người. Hào quang có hình quả trứng với các lớp của nó lồng vào nhau.

Hào quang rung động và cứ mỗi giây thay đổi màu sắc tùy theo ý nghĩ, tình cảm của người ta lúc ấy. Đường kính tối đa 2,5 - 3,5m.

Ngày nay khoa học đã có đủ thông tin về sáu lớp của hào quang lơ lửng trong không trung, mang thông tin về tất cả các sự kiện ý nghĩ, tình cảm của con người từ thời khác đầu thai đến lúc chết của thân thể vật lý. Về thực chất đó là sáu gói thông tin làm việc như là sáu máy phát. Mà đã có phát thì ắt có máy thu.

Nhà khoa học Nga Kirlian đã có công lớn trong phát minh kỹ thuật chụp hào quang. Dưới sự hướng dẫn của ông một tập thể khoa học ở Alma Ata đã thiết kế máy chụp đặc biệt mang tên Kirlian năm 1975 gọi là "*Kirlian phóng xạ ký 75*". Sau đó 5 năm đã được cải tiến và xuất hiện "*Kirlian phóng xạ ký 80*".

Với máy Kirlian phóng xạ ký, người ta có thể theo dõi - qua phim hay không cần qua phim - Sự vận hành của mọi cơ quan của cơ thể. Máy này được nối với một máy tính điện tử để biến các hình thấy được thành đồ thị, như trong trường hợp điện não đồ, điện tâm đồ...

Với khả năng phóng đại các mô của cơ thể hàng nghìn lần, phóng đại độ sáng trong các bức ảnh Kirlian.

Máy Kirlian cho phép nghiên cứu các quá trình sinh học năng lượng trong các cơ thể sống, kể cả quá trình năng lượng tâm lý, phát hiện những biến đổi sớm trước khi bệnh lý xuất hiện. Do đó nó có thể phục vụ cho mục đích chẩn đoán sớm bệnh tật ở giới thực vật, cũng như động vật và người.

Trong một thí nghiệm với lá cây người ta cắt đôi ngọn lá, thì dưới ống kính Kirlian có thể thấy hào quang ngọn lá

vẫn nguyên vẹn. Tuy nhiên ở phần lá còn lại thì có thể thấy chỉ tiết hào quang, còn phần đã cắt đi thì chỉ thấy vành hào quang của trường sinh học của nửa đã bỏ.

Hình ảnh hào quang ở nửa không cắt bỏ thì hiện ra như cả một thế giới điểm sáng. Xung quanh chiếc lá thấy những tia lửa nhỏ màu ngọc lam, màu da cam phát ra từ trung tâm và đi ra ngoại vi theo những kênh khác nhau.

Khi đặt vào dưới ống kính Kirlian ngọn lá héo thì người ta tưởng đây là một thành phố tối tăm, một thành phố đã tắt đèn, mọi người đã đi ngủ, lá đang chết dần. Không còn một ngọn lửa sống nào cả. Các tia sáng và các đám khí đều trở nên bất động. Và cuối cùng với một chiếc lá đã chết hẳn thì hào quang không còn nữa.

Thực vật, khi xem xét hai lá thuộc cùng loại cây, nhưng một trong hai chiếc đó được ngắt từ một cây đã bị nhiễm bệnh nặng, thì hình ảnh khác nhau rõ rệt. Từ trước cho đến nay chưa hề có một phương pháp nào để phân biệt trong những trường hợp như thế. Nói cách khác, phương pháp chụp hào quang của Kirlian đã cho phép chẩn đoán được trước các căn bệnh của cơ thể sống.

Cũng như vậy, đối với các loại nho, táo, thuốc lá v.v... Trong mỗi trường hợp, căn cứ vào các hào quang, Kirlian có thể khẳng định lá nào đã nhiễm bệnh trước khi có triệu chứng bệnh lý xuất hiện.

Người ta đã sử dụng máy chụp hào quang Kirlian để đánh giá tình hình sức khỏe, mức độ năng lượng của con người. Khi cơ thể con người có một bộ phận nào đó bị hư hỏng, năng lượng ở đó bị sụt đi... Bức xạ của bộ phận đó kém đi. Sự giảm năng lượng trong bức xạ biểu hiện qua máy Kirlian. Đó chính là thông tin về bệnh tật.

Nếu đặt một ngón tay của người khoẻ mạnh dưới ống kính Kirlian thì một thế giới kỳ lạ hiện ra trước mắt. Người ta tưởng tượng đó là một giải Ngân hà, giữa một bầu trời đầy sao. Bên trong bàn tay một ngọn lửa bùng ra trên một phong màu thanh thiên và màu vàng, và nhiều bó tia sáng đủ các màu toả ra giữa các ngọn lửa đó. Một số ánh sáng trông đều đều như vệt sáng các ngọn nến. Còn một số ánh sáng khác thì bùng lên, chói loà và sạm dần đi. Nhiều tia sáng di chuyển lang thang như những thiên thạch. Còn nhiều tia khác thì giống như những đám khí xám xám, lơ lửng...

Ngón tay hiện ra như cả một bức tranh, một bản đồ chi tiết gồm điểm, đường, các hố ánh sáng, các hố lửa. Một số bộ phận của ngón tay phát ra những ánh sáng như những ngọn đèn, nuôi bởi một nguồn điện bên trong nào đó.

Nhưng nếu đặt ngón tay của người bệnh dưới ống kính Kirlian thì hình ảnh hoàn toàn khác, xám xịt như thành phố không đèn.

Hào quang của người tốt bụng, lạc quan có những màu sắc rực rỡ, đẹp đẽ. Còn hào quang của những người đang bị bệnh, hận thù, bi quan thì có màu bẩn, xỉn và những vệt đen.

Máy Kirlian chụp được những biến đổi của nguồn thông tin về cơ thể. Qua các ảnh chụp được, hào quang yếu đi và đổi màu... Người ta cũng dùng máy này trong việc đánh giá sức khoẻ của các vận động viên. Người ta chụp hào quang đầu ngón tay của một vận động viên trước khi biểu diễn. Và lại chụp sau khi biểu diễn, hào quang nhỏ hẳn và mờ đi... Quá một ngưỡng nào đó, người chỉ đạo buộc vận động viên phải nghỉ.

Rõ ràng khả năng của máy Kirlian rất lớn. Chẳng hạn, đã phát hiện được rằng hiệu ứng Kirlian có một giá trị không thể lường được trong việc xác định các điều kiện ban đầu của các bệnh nhân trước khi thực hiện các phương pháp chữa bệnh đối với các bệnh huyết áp cao, thấp khớp, viêm ruột, các rối loạn về chuyển hoá, ung thư...

Các bệnh tật, sự lo lắng, sắc khí, các suy tư, sự mệt mỏi đều để lại những dấu ấn trên hào quang Kirlian, tức là trên một thành phần năng lượng của cơ thể. Hào quang là một bức tranh tâm lý rõ nét. Hay nói cách khác, hào quang biểu hiện toàn bộ tâm lý của các cơ thể sống...

Tuy nhiên, kỹ thuật sử dụng máy Kirlian không đơn giản. Chính Kirlian đã thổ lộ những trải nghiệm của ông như sau:

“Lắm lúc chúng tôi phiền muộn về máy chụp hào quang nhiều hơn là bất cứ các loại máy móc khác của chúng tôi. Không thể nào hình dung được một thứ máy nào bay bướm hơn. Cần phải tiến hành ba loại chỉnh lý máy: Chỉnh lý hệ thống các thấu kính, chỉnh lý điện thế, và cuối cùng là chỉnh lý cường độ tần số cao. Sự thành công của thực nghiệm hoàn toàn phụ thuộc vào sự khéo léo và kinh nghiệm. Lắm lúc khó lòng giữ được bình tĩnh trong quá trình thực nghiệm”.

Và dần dần Kirlian rút ra được kinh nghiệm có lúc hình ảnh chụp không được rõ không phải tại máy, mà chính vì sự sốt ruột, sự lo lắng của nhà khoa học... Và cuối cùng kết luận: Các bệnh tật, sự lo lắng, sắc khí, các tư tưởng, sự mệt mỏi đã để lại những dấu ấn trên hào quang Kirlian, tức là trên một thành phần năng lượng của cơ thể. Hào quang là một bức tranh tâm lý rõ nét. Hay nói một cách khác, hào quang phản ánh được toàn bộ trạng thái của các cơ thể sống...

Ý THỨC CON NGƯỜI - TIỂU PHẦN Ý THỨC VŨ TRỤ

“Vấn đề là ở chỗ bằng cách nào kết hợp phần thực tại thuộc về ý thức với phần thực tại thuộc về quy luật vật lý, quy luật hoá học”.

Nils Bohr

Từ khi loài người hình thành, tiến hoá, biết lao động kiếm sống, ý thức phát triển song song với khả năng giao tiếp, ngôn ngữ. Đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học, nhiều triết thuyết của phương Đông và phương Tây bằng con đường Minh triết Duy lý, về quá trình phát sinh của ý thức. Ở Việt Nam có công trình của triết gia Trần Đức Thảo về ý thức được đánh giá cao, được giải thưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bản chất của ý thức là gì thì đến nay vẫn còn là vấn đề tồn tại cần được làm sáng tỏ thêm. Phải chăng tùy theo cách nhận thức vấn đề này mà các triết gia xếp thành hai chiến tuyến - duy tâm và duy vật? Tuy nhiên từ lâu, dù thuộc ý thức hệ nào người ta cũng sẵn sàng tin rằng ý thức có sức mạnh vật chất to lớn. Sự khác nhau còn lại chẳng là ở chỗ có người coi ý thức là phi vật chất, họ vạch đường ranh mờ hồ giữa hai thế giới vật chất và tinh thần.

Sự sống vẫn tiếp tục, khoa học vẫn phát triển, như dòng suối mạnh chảy liên tục, điều gì phải đến sẽ đến.

Từ nửa đầu thế kỷ XX đến nay đã xảy ra những cuộc

cách mạng vĩ đại trong các ngành khoa học cơ bản như Vật lý học, Sinh học và các ngành khoa học khác như vật lý lượng tử, Cận tâm lý học, Tin học, Vi điện tử, Công nghệ sinh học cao... Trên cơ sở khoa học kỹ thuật phát triển ấy sẽ có cơ hội đặt vấn đề tìm hiểu bản chất và vai trò của những cấu trúc vô hình và khung năng lượng của cơ thể con người.

Ý thức con người được tạo nên bởi kinh nghiệm tích lũy trên con đường tiến hoá của loài người. Nếu hình dung con đường tiến hoá ấy bằng một đường thẳng chạy từ cực âm đến cực dương, còn trạng thái hiện tại của ý thức là một điểm trên con đường ấy, thì đoạn tính từ cực âm đến điểm hiện tại là tiềm thức, đoạn tính từ điểm hiện tại đến dương vô cùng là siêu thức. Như vậy tiềm thức là ý thức của quá khứ. Siêu thức là ý thức của tương lai. Cả hai thuộc lĩnh vực vô thức.

Tiềm thức là thiên tài. Nó là tất cả những gì đã từng hiểu biết, biết làm tất cả cái gì đã từng biết làm, nhớ đến mọi chi tiết những gì đã xảy ra trước khi con người ra đời. Nó nhắc ta một cách tự động khi nào phải hít vào hay thở ra. Nếu cái “Tôi” muốn tìm hiểu điều gì thì tiềm thức cố đưa ra câu trả lời.

Siêu thức là tất cả cái gì con người sẽ phải trải qua trong tương lai. Tính chất hoạt động của con người và ý nghĩ của họ, phụ thuộc trước hết vào tiềm thức. Nhưng cả Siêu thức cũng có ảnh hưởng nhất định. Vì thế con người không chỉ sống bằng quá khứ, mà luôn luôn hướng tới tương lai.

Cái biết về tương lai đôi khi cũng được gọi là linh cảm. Theo triết học Đông phương phạm trù ứng dụng tiềm thức

và siêu thức vào hoạt động của đời sống hiện tại gọi là ý thức cá nhân mà khối lượng của nó quyết định bởi kinh nghiệm đã kinh qua. Kinh nghiệm lớn thì biên cương của ý thức cá nhân rộng và con người có thể thâm nhập sâu hơn vào tiềm thức và siêu thức.

Dưới tác động của phần hồn tạo nên những thân thể tế vi, tạo ra toàn đồ năng lượng - thông tin để theo đó mà tạo nên thân thể vật lý con người. Vào giờ phút con người mới ra đời ý thức cá nhân hoàn toàn đóng kín. Trong quá trình đứa trẻ phát triển thì trong nó sinh ra và bắt đầu phát triển ý thức vật lý còn gọi là trí tuệ. Ý thức vật lý đảm bảo, khả năng tư duy, tri lý, nhờ thu nhận thông tin từ bên ngoài. Nhờ nó, con người thu nhận bằng linh cảm thông tin mới và hành động hợp lý, phù hợp hoàn cảnh, ngoại cảnh.

Trí tuệ làm vật trung gian giữa ý thức cá thể và thân thể vật lý, nhờ đó ý thức cá thể thể hiện mình trong thế giới vật lý và gây phản kích cho nó. Nó bắt đầu điều khiển trí tuệ nhưng mức độ ảnh hưởng tùy thuộc ở sự rộng mở và sự trong sạch của ý thức. Bởi lẽ trí tuệ chịu gánh nặng ảnh hưởng của tập tục, thói quen, giáo dục nên đôi khi ý thức khó điều khiển nó.

Thường khi trẻ lên 7 tuổi ý thức cá thể đã mở đến mức con người có thể hành động một cách tự do trong đời sống. Nhiệm vụ của cha mẹ và của chính con cái là mở mang càng sớm càng tốt ý thức cá thể để có thể thực hiện nhiệm vụ mà cuộc sống đề ra.

Một cách có điều kiện ý thức cá thể hay trí tuệ thường được xem xét từ hai góc độ: ý thức ngoài và ý thức tự giác. Ý thức ngoài nhằm vào thế giới xung quanh và cho phép

con người tìm kiếm kiến thức về nó, thích ứng với nó, nắm được quy luật của nó để hoạt động có hiệu quả. Ý thức ngoài tạo ra trí nhớ và hình thành trí thông minh.

Ý thức tự giác nhờ sự tương tác với thế giới xung quanh, với mọi người để nhờ đó mà ta hiểu biết hơn chính mình, khả năng của mình. Kết quả của sự tự giác thể hiện ở nhu cầu tự hoàn thiện mình, nhu cầu tự kiểm soát và tự đánh giá.

Chính tư duy có ý thức, biết tự kiểm soát và có khuynh hướng tự hoàn thiện sẽ thúc đẩy sự mở mang ý thức cá thể.

Nhà vật lý Bulgari B. Payusev viết: *“Con người là bản sao phức tạp của vũ trụ, con người liên quan với trường thông tin mang ý thức vũ trụ. Hoạt động của ý thức con người không bị giới hạn bởi cấu trúc giải phẫu hình thái của nó. Bởi lẽ do bản chất hạt sóng của con người, ý thức con người nằm cả bên ngoài cá thể và là cái gì đó giống với không gian hoặc là trường”*. Đó là ý thức trường sinh học. Con người có khả năng tìm hiểu thế giới một cách hoàn toàn tự biện trừu tượng, có khả năng xây dựng mô hình nhất định của mình, bao quát từ cái vô cùng nhỏ bé đến cái vô cùng to lớn.

Quá trình tư duy và quyết sách thực hiện ở bên ngoài não bộ, ngoài thân thể vật lý ở chiều đo khác, thuộc lĩnh vực ý thức. Ý thức vật chất thì liên quan với não bộ và thuộc về thân thể vật lý. Nó là tổng hoà của các quá trình diễn ra trong các tế bào não bộ.

Nhưng não bộ chỉ xử lý kết quả của tư duy, tác động lên các trung tâm thần kinh, từ đó đến các cơ quan trong cơ thể vật lý.

Như vậy não bộ người là hệ thống điều khiển thân thể vật lý và là kênh liên lạc thân thể vật lý với ý thức con người.

Từ cuối thế kỷ 20 khoa học đã chứng minh tính xác thực của các hiện tượng tâm thần. Điều đó chứng tỏ bản chất vật chất của tri giác.

Ngày nay các nhà khoa học đã chứng minh đáng tin cậy rằng ý nghĩ, cảm xúc, và lý trí con người có tác động làm thay đổi ADN, và thành phần hoá học của dịch thể, thay đổi hành tung của sinh vật, thậm chí ảnh hưởng tới một số chỉ số của thiết bị nghiên cứu.

Bởi lẽ ý nghĩ là một trong những hiện tượng của tri giác, nên khoa học phải tuyên bố một lần nữa rằng tri giác không phải là ảo ảnh, trừu tượng, mà là thực tại vật lý quan trọng nhất. Tri giác không những là sản phẩm của hoạt động của não, mà đồng thời là cấu trúc tế vi lập chương trình cho não và liên quan với vũ trụ. Não chỉ là máy vi tính sinh học thực hiện một chương trình đã định ở ngoài não.

Quan niệm tế bào biết tư duy, đã được nảy sinh sau khi đã thực hiện, thực nghiệm bằng máy vi tính tí hon trên đôi tượng một tế bào thực vật riêng lẻ, nghĩa là đối tượng mà chỉ gồm các phân tử và nguyên tử, không có não và hệ thần kinh.

Như vậy khởi nguyên trí tuệ không chỉ nằm ở mức cấu trúc lớn nhất của cơ thể, mà cả ở mức cấu trúc bé nhất. Thí nghiệm trên các tinh trùng người cho thấy chúng có mầm mống của trí nhớ. Nghĩa là mầm mống trí nhớ không phải ở mức phôi, mà ở mức tinh trùng. Báo tin tức của Nga ngày 13 tháng 09 năm 2002 có đăng bài "*Trí tuệ già hơn phôi*".

Do tồn tại một nguyên tắc thống nhất của sự cấu tạo tế bào trong toàn bộ thiên nhiên có thể rút ra một kết luận quan trọng về sự đồng nhất của trí tuệ ở tất cả các dạng sống. Thậm chí tất cả cái gì tồn tại đều có tri giác. Các nguyên tử và các phân tử có khả năng trao đổi thông tin với nhau và với môi trường xung quanh.

Có lẽ trong quá trình nhận thức mỗi thời kỳ phát triển loài người tương ứng với một mức độ nhất định của tri thức đặc trưng cho thời kỳ ấy. Còn tất cả cái gì thấp hơn nó thì bị bỏ đi như là thứ lạc hậu. Tất cả cái gì cao hơn hẳn mức độ ấy thì bị coi là không khoa học.

Sẽ không cường điệu nếu nghĩ rằng cơ học lượng tử là thành tựu cao nhất của vật lý học cho đến lúc này. Cơ học lượng tử có cách đánh giá ý thức con người theo quan niệm của nó.

Từ những năm 20 của thế kỷ trước các nhà khoa học trong lĩnh vực vật lý lượng tử đã phát hiện ra rằng tri giác của nhà thực nghiệm, ý nghĩ của họ, ảnh hưởng đến hành tung của các hạt sơ đẳng. Ví dụ khi nhà khoa học cần ánh sáng có hành tung như là sóng thì nó hành tung như sóng. Ngược lại khi nhà khoa học muốn nó thể hiện như hạt thì nó thể hiện như hạt. Từ đó vấn đề đặt ra là tri giác là gì? Vì sao nó tác động lên các hạt cơ bản? Và tác động như thế nào?

Trong quá trình nghiên cứu cơ học lượng tử các nhà khoa học thấy rằng sự sống và tri giác không phải là những hiện tượng tình cờ và nhất thời, mà mang tính quy luật.

Giáo sư I. Polonicov khẳng định:

“Ý thức là hiện tượng tổng hợp tồn tại khắp nơi, trong

những đối tượng nhỏ nhất và lớn nhất của vũ trụ". Theo quan điểm ấy thì tất cả các đối tượng của vũ trụ nằm trên hành tinh quả đất đều biểu hiện một mức nào đó của "ý thức" tuy ở vật chất tạo ra chúng. "Ý thức" được biểu hiện rõ hơn ở những sinh thể đứng ở bậc cao, của quá trình tiến hoá đó là con người.

Nhà vật lý Bulgari B. Pagusev viết: "Con người là bản sao phức tạp nhất của vũ trụ đã sinh ra họ. Liên quan với con người có trường thông tin mang theo ý thức mà kích thích của nó gần với kích thích của các quá trình vũ trụ".

Cơ học lượng tử thừa nhận bản chất nhị nguyên của ý thức, nghĩa là thừa nhận ý thức có thuộc tính của cả sóng và cả hạt.

Tình hình sẽ khác nếu thừa nhận nhị nguyên luận về ý thức. Đối với ý thức có bản chất sóng thì có thể có giao thoa, nhiễu xạ, phản chiếu, ảnh hưởng từ xa. Các nhà khoa học thừa nhận cơ học sóng là một sự bổ túc có ích cho vật lý hạt trong khi bàn về các quá trình như âm thanh, ánh sáng, hành tung của vật chất ở mức nguyên tử. Thế thì tại sao không thể dùng cơ học sóng để biện minh cho những giả thuyết về bản chất, và bản thể của sóng ý thức.

Trên cơ sở đó các nhà vật lý hiện đại đã xây dựng lý thuyết lượng tử về ý thức. Họ sẽ thành công trong việc giải thích và nghiên cứu ý thức con người với những khái niệm quen thuộc của vật lý lượng tử.

Cái gì chung giữa phân tử và ý thức? Nếu xuất phát từ sự đồng nhất giữa vật chất và năng lượng, vật chất và ý thức thì trạng thái tinh thần và xúc cảm ảnh hưởng rất sâu xa đến trạng thái của thân thể vật lý.

Những hiện tượng trong thế giới của các lượng tử cũng

không thể nhìn thấy, không nắm bắt được và không tiên đoán được, giống như trường hợp ý nghĩ và cảm xúc.

Ví dụ: Photon, lượng tử của ánh sáng, không có khối lượng, kích thước, không có chỗ nhất định, bởi vì tán phát trong không gian với tốc độ ánh sáng. Mặc dầu vậy khoa học không phủ nhận sự tồn tại của chúng trong không gian.

Sự tương tác giữa các hiện tượng của ý thức và các quá trình lượng tử là có thật, không phải suy diễn. Chẳng hạn trường lượng tử không có giới hạn về không gian, không có đối tượng vật chất như thể các nguyên tử của nguyên tố hoá học. Nhưng nếu thiếu vắng trường lượng tử thì các điện tử và các nguyên tố hoá học không thể tồn tại như một thực thể trong không gian. Cũng tương tự như thế, thân thể chúng ta sẽ không tồn tại nếu không có thân thể cơ học lượng tử làm cơ sở. Thật vậy, thân thể chúng ta không phải là một đồng vật liệu xây dựng như đạm, đường, peptit, v.v... mà là được cấu kết trong không gian theo một cách nhất định. Tất cả các chức năng của thân thể phụ thuộc ở sự biến đổi chuyển hoá, diễn ra trong trường lượng tử. Các quy trình lượng tử không chỉ thể hiện trong trao đổi chất, trong vận động thực thể mà cả trong tư duy, trù tượng. Các cảm xúc, các phân tử (kể cả ADN), ý nghĩ, nguyện vọng, không những chúng liên kết làm một mà phải nói thực chất chúng là một.

Ví dụ cảm xúc sợ hãi và phân tử Adrenalin về thực chất là hai khía cạnh của cùng một quá trình. Nhưng phân tử Adrenalin có thể cho vào ống nghiệm để xét nghiệm định lượng, còn với sự sợ hãi thì không thể làm như thế, mà chỉ có thể diễn đạt bằng một số cảm giác của con người.

Trong buổi chiều tà, khi ta nghe xa xa có tiếng chuông chùa ngân vang trong gió, tiếng chim hót líu lo trong rặng cây, ta rảo bước trên con đường làng, đầu óc ta như bị ru hời bởi cảnh vật thiên nhiên. Lúc ấy trong dòng máu của ta đang chuyển chở những hồng cầu, những phân tử hoá học của dịch thể sống đang biến đổi cho phù hợp với ngoại cảnh êm đềm. Sẽ hoàn toàn khác nếu ta đang chen lấn trong điệu khiêu vũ với tiếng nhạc xập xình với nhịp điệu và cường độ quá cỡ làm cho cả phòng muốn nổ tung.

Các nhà sinh vật học nghiên cứu ảnh hưởng của sự tác động nhạc Rock và Pop tới với các cặp trai thanh gái lịch trong phòng khiêu vũ. Máy tính phân giải âm thanh theo tần số, âm bội. Sau đó mô hình hoá các hành vi của con người để đánh giá tác động của các dòng nhạc lên cơ thể.

Ví dụ tần số của nhịp chính của nhạc phẩm Deep People "*Smoke the water*" là từ 2 đến 4 Hz. Những bước nhảy như thế nhất là khi âm lượng lên tới 40 -50dB (decibel) sẽ gây ra sự hưng phấn vượt ra khỏi sự kiểm soát bản thân, xúc phạm người xung quanh hoặc ngược lại chịu những cảm xúc tiêu cực đối với chính mình. Người nào vốn có khuynh hướng mắc bệnh tâm thần, thì chỉ sau đôi ba lần nghe các bản nhạc sống thì bệnh có thể bột phát trở lại hay nổi cơn bệnh. Những âm bội trong bản nhạc bất hoà âm gây hại cho hệ thần kinh. Tay có thể run, thị giác và thính giác có thể bị giảm thiểu, trong máu có thể tăng hàm lượng Adrenalin và các nội tiết tố khác. Với những phản ứng khôn lường tùy theo từng người.

Nhạc phẩm Beetlz "*Helter Swelter*", khi mới nghe tưởng êm ái, nhưng khi phân tích sâu sắc thì tác hại không kém phần nghiêm trọng. Trong nhạc phẩm này nhịp chính khoảng 6,4 Hz tức nằm trong vùng nguy hiểm

của tần số, cộng hưởng của lồng ngực và ổ bụng. Khi nghe bản nhạc này mô ngực và mô bụng có thể đau và dần dần bị tổn hại. Hơn nữa bởi lẽ nhịp chính theo tần số là gần với tần số của não bộ (7 Hz) nên có nguy cơ hiện thực của sự trùng hợp cộng hưởng của các tần số não khi sóng thông tin chồng lên sóng âm thanh thì có thể dễ dàng dẫn thông tin tiêu cực vào cơ cấu vô thức của con người.

Vậy tại sao người trẻ ngày nay ham muốn đắm mê đối với nhạc nhảy. Bởi vì tần số của loại nhạc này là 120 nhịp/phút. Tần số này kích hoạt trung tâm sinh dục khu trú ở vùng đốt sống thứ 4 tạo ra Endorphin thoả mãn dục vọng.

Dưới tác động của nhạc nhảy người ta chuyển động. Mặt người ta biến thành mặt nạ nguội lạnh. Người trở thành Rô bốt. Mới hiểu tại sao mỗi dân tộc có nhạc điệu của mình thích ứng, phù hợp với tâm hồn, tâm lý và truyền thống dân tộc.

Lev Tolstoi có lý khi viết *“Âm nhạc là quốc sự, liệu có thể để cho mỗi người ai muốn cũng có thể thôi miên người khác, rồi sau đó muốn làm gì thì làm”*.

Z.Freud người sáng lập thuyết phân tâm học nói *“Trí tuệ của chúng ta là thành phần của cái thế giới mà chúng ta nghiên cứu”*.

Nhà vật lý Einstein nói *“Tâm hồn và thể xác không phải cái gì khác nhau hoàn toàn, đó chỉ là hai con đường nhận thức về cùng một sự vật. Cũng như vật lý học và tâm lý học, đó là hai hướng khác nhau của dự định chập lại làm thành một tư duy có hệ thống”*.

Cho nên cơ sở để xây dựng quan niệm lượng tử về ý thức đã được đặt ra bởi những nhà sáng lập cơ học lượng tử và các nhà triết học vĩ đại của thế kỷ 20.

Tương tự như các sóng khác, khi không giới hạn bên ngoài thì lan tràn tự do vô hạn. Nhưng nếu sóng ý thức cụ thể bị giới hạn trong cái gọi là “*Hố tiềm năng*” thì sẽ hình thành bức tranh đặc trưng của “*Sóng đứng*”. Có thể so sánh hố tiềm năng với thân thể vật lý, trong đó trong thời gian sống đã tập trung những sóng ý thức. Trong nguyên tử các “*Chức năng riêng*” phản ánh sự chuyển động gò bó của các điện tử, giống với “*Sóng đứng*” và phải coi đó như là một quá trình dao động phức tạp. Và nếu đã thế thì tại sao không thấy có sự tương tự giữa nguyên tử và con người. Trong cơ thể vật lý con người, như thể trong “*hố tiềm năng*” cầm giữ các sóng đứng của ý thức. Các khoa học gia lượng tử theo quan niệm của mình đã gọi con người một cách khoa học là “*Nguyên tử ý thức*”.

Theo cơ học lượng tử tính chất của các đối tượng (khách thể) vốn không tồn tại trước thời điểm đo được chúng. Ví dụ trước thời điểm quan sát, mọi đối tượng lượng tử ở các trạng thái khác nhau và chỉ nhờ tri giác của con người quan sát bắt buộc đối tượng ấy lựa chọn chuyển sang một trạng thái nhất định trong vô số trạng thái có thể. Ví dụ trong thực nghiệm với ánh sáng nhà khoa học muốn nó là sóng thì nó là sóng, muốn nó là hạt thì nó là hạt. Từ quan điểm ấy “*Nguyên tắc thực tại*” không thuộc thế giới vật lý lượng tử, mà nằm trong thế giới tri giác.

Vì thế viện sỹ V.Raosenbac nói “*Ở mỗi thời đại có cách hiểu của mình về vũ trụ. Ở cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 là thời kỳ khẳng định chủ nghĩa duy vật. Thời ấy, với những phát minh vật lý vĩ đại tưởng chừng mọi thứ đều có thể cắt nghĩa. Nhưng đến cuối thế kỷ 20 sự tự tin ấy của chủ nghĩa duy vật bị lung lay vì không phải mọi thứ đều có thể cắt nghĩa được*”.

Ý THỨC DÂN TỘC VIỆT

Theo đường lối đối ngoại của Nhà nước, người dân tộc Việt Nam vui vẻ dọn bom mìn, giải phóng diện tích rộng lớn, triển khai dự án hợp tác kinh tế với nước ngoài, trong đó có những nước trong quá khứ dùng bom đạn tàn phá nước ta.

Phẩm chất luân lý tồn tại trong mỗi con người Việt Nam. Họ đối xử nhân hậu, mọi sự phê phán về người đời đều quy về thước đo nhân nghĩa. Nếu thiếu cái xương sống nhân nghĩa thì mọi thứ không thể đứng vững giữa đời. “Miệng thề”, “Miệng đời”, “Tiếng thị phi” có sức mạnh kỳ lạ trong sự thẩm định các giá trị trong xã hội.

Chính ý thức luân lý và cái giá trị nhân bản sâu xa ở trong tâm hồn của người Việt làm cho những sinh hoạt của họ đậm đà yếu tố tình nghĩa, làm cho cuộc sống của họ có một vẻ người rõ nét. Một số người than thở nếp sống ở thành thị hiện nay mất dần yếu tố tình nghĩa cao quý ấy do sinh hoạt xô bồ, phức tạp, cùng với quan niệm văn minh thiên về vật chất đến từ phương Tây. Còn tình còn nghĩa thì còn Việt Nam, hết tình hết nghĩa không còn là Việt Nam mà chỉ còn là quái thai do sự đòi hỏi lối sống “gọi là văn minh” tạo thành.

Lịch sử Việt Nam còn cho thấy các triều đại cũ dù có khác nhau, dù giống nhau, nhưng vẫn nhất trí trên căn bản dân tộc, nghĩa là họ vẫn gặp nhau trên cái ý chí bảo tồn nòi giống, mở mang bờ cõi. Trong quá trình phát

triển xứ sở, trong sự di động thường xuyên, người Việt đã hoàn thành việc xây dựng lãnh thổ một cách như ý: với trên 2000km bờ biển dồi dào thủy hải sản, có cả núi rừng trùng điệp phong phú quặng mỏ, gỗ cây, có cả đồng ruộng mênh mông chất đất phì nhiêu, cả những dòng sông, thác nước tràn trề sinh lực. Người Việt quen nhìn hai miền Nam Bắc như hai thúng gạo mà dải đất miền Trung là chiếc đòn gánh, xương sống mãnh liệt làm bằng dây Trường Sơn với lâm sản dồi dào. Nhờ vậy, người Việt có một giang sơn tuy chẳng so bì được về bề rộng, bề dài với ai, nhưng có đủ khả năng sản xuất, dồi dào tài nguyên thiên nhiên phú cho một cách hào phóng. Ý chí bất khuất của dân tộc bắt nguồn từ trong lịch sử ngàn xưa, thấm sâu ở trong xương tuỷ, chan hoà ở trong huyết mạch, bàng bạc trong niềm kiêu hãnh vô biên của một giống nòi không chịu sống trong tủi nhục, luôn luôn có sự gắn bó mãnh liệt vào mảnh đất quê hương, vào di sản dân tộc đau thương mà kiêu hùng, thắng không kiêu, bại không nản! Lòng tự hào về giang sơn gấm vóc của mình, mênh mông như biển Nam Hải, trùng điệp như dãy Trường Sơn, khiến người dân Việt Nam chấp nhận sự hy sinh vì nước như là hơi thở, một khi họ thấy được sự hy sinh là vì chính nghĩa.

Ngôn ngữ Việt Nam, ngoài sự vận chuyển ý tưởng, còn là tiếng nói rất giàu âm điệu, cũng như khả năng tượng thanh tượng hình, mềm dẻo và cương quyết, mạnh mẽ và tế nhị. Có thể nói rằng, hầu hết các tác phẩm cổ điển Việt Nam đều chan chứa tinh thần đạo đức, cương

thường. Tuy xã hội đổi thay nhưng tinh hoa ấy vẫn là nòng cốt bản sắc dân tộc hướng dẫn cho người dân sống sao cho hợp với lẽ phải, hợp với đạo lý. Người dân Việt Nam sống giữa tục ngữ, cổ tích, như con cá sống giữa biển khơi. Lời nói hàng ngày phong phú ý tình xây dựng rút từ tục ngữ, cổ tích ca dao. Cho đến những người dân quê thất học cũng thấm nhuần khá nhiều các câu răn dạy truyền khẩu có điệu, có vần, để họ sử dụng trong đối thoại, như những nguyên tắc vàng ngọc, như những luận chứng bất khả di dịch. Có lắm câu tục ngữ hết sức bóng bẩy, không thể nào cắt nghĩa cho gọn, thế mà người bình dân Việt Nam vẫn sử dụng hàng ngày một cách chính xác.

Người dân Việt Nam thừa hưởng và phát huy một nền văn minh vốn là sự hội tụ của hai nền văn minh Ấn Độ và Trung Hoa, dựa trên nền tảng sinh hoạt căn bản của người In-đô-nê-đien. Nó có mặt nổi và mặt chìm, không có số lượng, mà có phẩm chất, lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và bảo vệ tổ quốc của nhân dân Việt Nam chứng tỏ đã xứng đáng với nền văn minh cao cả ấy. Đó là ý chí tự cường, bất khuất, tin tưởng ở chân giá trị của mình và ở thắng lợi cuối cùng của đất nước. Ở đầu thế kỷ 21 này bản sắc dân tộc Việt Nam phải được thể hiện bằng sự hào hứng bất kịp và vượt quá trên con đường khoa học - kỹ thuật - công nghệ, phát triển đều tay công nghiệp và nông nghiệp tiên tiến, không để tụt hậu so với các dân tộc khác, trong khi vẫn giữ vững nền luân lý đạo đức của Việt Nam.

ĐỜI SỐNG TINH THẦN

“Người ta có thể đánh cắp sự giàu có vật chất của bạn, nhưng không bao giờ có thể lấy đi những báu vật tinh thần ẩn chứa trong tâm hồn bạn”.

Oscar Wilde

Từ chỗ chỉ biết lo cái ăn, cái mặc, nơi ở, chống chọi kẻ địch là những việc thiết thực, có ích, loài người tiến đến chỗ bắt đầu cảm nhận những nhu cầu trừu tượng, không thiết thực, “vô ích”, nhưng bức xúc. Đó chính là khi một đời sống tinh thần đã xuất hiện.

Các nhà khảo cổ, nhân chủng học lần theo các di chỉ như vật dụng bằng đá đẽo thô sơ, dấu tích của lửa, để phán đoán về quá trình con vật trở thành con người. Thì ra một trong những dấu hiệu đầu tiên phân biệt con vật với con người là ở chỗ con người biết coi trọng việc chôn cất người chết, còn con vật thì không.

Tư duy con người từ buổi bình minh đã có ý thức ham sống sợ chết. Sự phản kháng chống lại cái chết làm phát sinh lòng thương lâu dài đối với người thân đã chết, cũng như làm phát sinh niềm hy vọng sự ra đi của họ không phải là lần cuối. Những tư tưởng ấy phát triển song song với mỹ cảm. Để xây mộ cho người chết người ta đã biết tạo ra những phiến đá phẳng chồng lên nhau hoặc chống vào nhau để bảo vệ mặt và đầu người chết.

Lòng thương người chết làm phát sinh ý tưởng rằng sự tận cùng của đời người là không chịu đựng nổi. Người chết đã sống lại, họ sẽ đói, sẽ cần vũ khí để tự vệ, họ cũng cần trang sức... Do đó phải chôn theo người chết những gì cần cho người sống, vì người chết không phải chết hẳn. Người chết luôn luôn sống trong ký ức của người thân. Nhưng rồi những ký ức ấy đã đưa đến ý tưởng mở rộng ra ngoài địa hạt tình cảm của một cá thể. Con người hướng ý tưởng ấy ra bên ngoài bản thân mình và tạo ra một sự tồn tại khách quan cho người đã chết. Đánh rằng có lẽ không bao giờ họ có thể gặp lại người thân đã chết trên trần thế, nhưng họ cương quyết tin tưởng rằng những người chết còn tồn tại đâu đó ở một nơi khác, một thế giới khác, mà họ sau khi chết có thể gặp lại.

Như vậy không cần phải lý luận nhiều cũng thấy rằng sự quan tâm đến người chết thể hiện một cách tập trung nhất những đặc tính cố nhất của con người, như trí nhớ, tình cảm, tình yêu...

Loài người đã có thái độ rõ ràng và nghiêm túc thể hiện bằng những việc làm “vô ích” như chôn theo người chết những vật dùng khi còn sống, vũ khí phòng thân, không khác nào chuẩn bị hành lý cho người thân đi xa. Điều đó chứng tỏ những suy nghĩ của họ về một cuộc sống của một con người sau cái chết, về một thế giới bên kia, tức là những ý tưởng tâm linh mà cho đến nay chúng ta cũng có khái niệm mơ hồ. Đó chính là nguồn gốc của tất cả các quan điểm mà ban đầu là mê tín, muộn hơn là tôn giáo và triết học không ngừng nảy nở thành những trường phái khác nhau, thậm chí kinh chống nhau, bất khoan dung.



Lễ nghi mai táng người chết của người Neanderthan xuất hiện lần đầu tiên ở trung kỳ đá cũ, đánh dấu một sự chuyển biến ý thức là con người bắt đầu biết quan sát thế giới xung quanh, bắt đầu nảy sinh mầm mống tín ngưỡng, tôn giáo. Họ chưa giải thích được các hiện tượng, các thế lực tự nhiên, họ chỉ mới biết đem cái sức sống của bản thân khoắc vào cho giới tự nhiên vô trí vô giác và nghĩ rằng vạn vật cũng có linh hồn như con người. Từ đó nảy sinh dần dần các hình thức tín ngưỡng, sùng bái tự nhiên.

Con người thuộc loài tiến hoá cao nhất. Sau khi thoát khỏi vòng nô lệ áp đặt bởi các tuyến nội tiết, không tuân thủ mù quáng những đòi hỏi của bản năng, bắt đầu có thể làm những việc không thiết thực, “vô ích”, để đáp ứng những đòi hỏi thuộc lĩnh vực trừu tượng chưa bao giờ có trước đó, mà ngày nay ta gọi là thẩm mỹ. Họ nhìn thiên nhiên như trước, nhưng bây giờ họ thấy nó. Họ bắt đầu tập trung suy nghĩ về nó, đúc rút kinh nghiệm. Ý nghĩa của cái đẹp bắt đầu bộc lộ. Họ bắt đầu ngưỡng mộ cái đẹp, bắt đầu tìm kiếm, kết hợp các sắc màu. Những đồ dùng, vũ khí tuy thô sơ, nhưng họ bắt đầu muốn chúng phải là cái gì đẹp hơn là những vật dụng thô thiển. Thế là họ bắt đầu làm cho nhẵn nhụi hơn, bóng hơn, chạm trổ hình con vật, hình con gái trên những vật mà họ quý.

Như thế là từ đó con người có thêm lễ sống. Ngoài việc giữ gìn nòi giống, còn phải đóng góp vào sự tiến hoá của con người trong địa hạt tư tưởng, tinh thần. Bản thân sự xuất hiện ý thức và nhu cầu về thẩm mỹ và sự thành công tiến bộ rất nhanh chóng trong địa hạt ấy là bằng chứng hiển nhiên của sự biểu đạt tư tưởng, tình cảm, quan niệm.

Khả năng cảm nhận cái đẹp là nguồn gốc của tri thức, của chủ nghĩa tượng trưng, của chữ viết, của tất cả các yếu tố của văn hoá, của nền văn minh đích thực, đảm bảo cho sự phát triển tương lai...

Ở người cổ, ví dụ người Cromagnon xuất hiện cách đây khoảng 30.000 năm (thời đồ đá cũ) để lại các cổ vật trong hang động ở Pháp, Bắc Tây Ban Nha, những dấu hiệu của một nền văn minh sơ khai, trong đó sự lao động của con người nói lên sự tinh thông kỹ thuật. Tầm cao văn hoá của người Cromagnon có lẽ đạt tới cách đây 12.000 năm. Trong hoạt động của họ đã xuất hiện những yếu tố gọi là “vô ích” tức là “không tuyệt đối cần” để giữ gìn hoặc bảo vệ sự sống như tổ tiên của họ đã từng lo lắng. Họ không biết rằng những hoạt động gọi là vô ích ấy là cái mốc quan trọng cực kỳ trong lịch sử tiến hoá của nhân loại. Chúng là bằng chứng của sự tiến bộ của tinh thần.

Sự phát triển hình thức nghệ thuật gắn liền với sự phát triển sản xuất và lao động tập thể. Đầu thời kỳ đá cũ người ta vẽ, khắc con vật đứng yên. Đến giữa thời kỳ đá cũ người ta đã biết thể hiện sự vận động của thú vật trên tranh vẽ. Sang thời đá mới người ta bắt đầu phát triển các nghệ thuật trang hoàng, hoa văn, các màu sắc sặc sỡ, chạm khắc trên ngà voi, xương, sừng, nặn tượng bằng đất sét nung, các tranh vẽ có chủ đề, vẽ và nặn tượng phụ nữ như là một dấu hiệu của sự tôn vinh và thưởng thức sắc đẹp cùng với hoa lá và phong cảnh tự nhiên. Hình ảnh của người phụ nữ còn là biểu tượng của sự bảo tồn và phát triển thị tộc, giống nòi.

Người đi săn không chỉ dừng lại ở kỹ thuật làm ra

cái bầy, mà còn suy nghĩ tạo ra ma thuật của nghề săn. Các thầy phù thủy tưởng tượng ra một thế giới vô thực, hào huyền, nhưng họ có khả năng chế ngự và khuyên bảo đám đông.

Điều quan trọng là những ý tưởng ấy xuất hiện một cách tự phát tại tất cả các phần đất của thế giới. Một số nhóm người duy trì chúng một cách không thay đổi. Những người khác thì đã kiến tạo, nhào nặn và làm phức tạp hóa chúng thành những giáo điều và những tư tưởng triết học.

Như vậy, có thể tin rằng sự tiến hóa tiếp tục của nhân loại diễn ra thông qua sự hợp tác tích cực và có ý chí của bản thân con người. Sự tiến hóa của loài người từ này không còn đơn thuần là sự tiến hóa về vật chất mà chủ yếu là về tinh thần. Thỏa mãn những đòi hỏi về vật chất đã là khó, nhưng thỏa những yêu cầu về tinh thần còn khó hơn nhiều. Một đời sống vật chất đầy đủ nhưng khía cạnh tinh thần nghèo nàn thì không thể mang lại hạnh phúc viên mãn. Ngày xưa đã thế, ngày nay càng thế. Ở đâu mà trong đời sống không có nhu cầu tâm linh thì ở đó môi trường của “*Đời sống nội tâm*” không tránh khỏi bị ô trọc.

“*Tiềm thức*”, “*Siêu thức*”, cũng là cái “*Bản ngã tâm linh*” là điểm tựa của đời sống con người. Nếu nó bị mai một thì đó chính là “*Hủy diệt*” con người từ phía “*Đời sống nội tâm*”.

Cần phải lập lại sự cân bằng giữa đời sống vật chất và đời sống nội tâm của con người, thì dân tộc và nhân loại mới được trường tồn và hạnh phúc.



TỔNG HOÀ THỂ XÁC - TINH THẦN - TƯ DUY

Dưới đây đề cập mối tương quan giữa tinh thần và thể xác ở mức tế bào, vai trò của nhận thức đối với sinh lý và bệnh lý của con người.

Bản thể của con người là một sinh thể tồn tại trên cơ sở cơ thể vật lý và cơ thể tế vi hợp lại.

Các sự kiện lượng tử bên trong tế bào và toàn bộ cơ thể cơ học lượng tử hoạt động vô hình, là nhận thức đang vận động, là bộ phận của trường nhận thức vũ trụ.

Trí năng bên trong con người bức xạ giống như ánh sáng, ngang qua biên giới giữa thế giới lượng tử và thế giới vật lý, hợp nhất hai thế giới này lại thành một sự đối thoại hạ nguyên tử. Ta chu du ở giữa hai thế giới song song tồn tại và cả hai đều được gọi là ta và không phải suy nghĩ về nó.

Ta vừa là lượng tử vừa là thực thể nên sống trong cuộc sống đa chiều. Một là thế giới hữu hình, cảm nhận được và tuân theo các lực tự nhiên bên ngoài ta, và một là thế giới lượng tử không tuân theo các lực tự nhiên ấy. Ví dụ ngồi trong bồn tắm, ý thức không bị ướt.

Trong mô hình tư duy cũ việc kiểm soát sự sống gán cho ADN. Nhưng trong mô hình tư duy mới việc kiểm soát sự sống gán cho nhận thức. Vì thế các quá trình cơ bản nhất của cơ thể đều nhằm đáp ứng trạng thái tinh thần của con người.

Theo mô hình tư duy mới toàn bộ cơ thể là một trường nhận thức, sự hoạt động bên trong tế bào chịu ảnh hưởng trực tiếp của cách ta suy nghĩ và ta muốn. Nói cách khác,



ta chuyện trò với ADN qua những thông tin hoá học gửi đến từ não.

ADN, ARN, các Enzym, các tế bào, các phân tử, phản ứng theo một trật tự chính xác là nhờ trí năng của cơ thể lập trình. Kể lập trình vô hình này không lộ diện tựa như biên đạo múa không lên múa trên sân khấu. Do đó sinh lý chẳng phải gì khác ngoài trí năng đang hoạt động. Mọi quá trình đang diễn ra trong mỗi tế bào là do trí năng làm việc với nó.

Nhận thức là một trường năng lượng và thông tin, là khả năng của trí tuệ đề ra ý tưởng trước khi nó thực sự xuất hiện. Sự tồn tại của con người do năng lượng, thông tin và trí năng tập trung đảm bảo.

Ở dạng vật chất sự sáng tạo được biểu hiện trong các tế bào. Ở dạng ẩn, thể hiện trong ký ức bảo tồn trong không gian rỗng giữa lòng hạt nhân của mọi nguyên tử. Ví dụ nữ bệnh nhân được ghép tim của một thanh niên. Cô chiêm bao thấy một người thanh niên có tên là Nam. Cô đâm ra thèm uống bia, ăn thịt gà là hai thứ trước đây không ưa. Cô tò mò tìm hiểu thì biết người thanh niên Nam sau khi chết cho cô quả tim để ghép đặc biệt có sở thích uống bia ăn thịt gà.

Đối thoại nội tâm sinh ra do niềm tin, quan điểm và giả định của ta, tức là điều ta cho là đúng. Niềm tin ấy thu hút các trường thông tin của cơ thể, và bạn sẽ cảm thấy điều đó là dễ thương hay dễ ghét, âu lo hay thích thú, tùy theo điều đó có hợp với những kỳ vọng của ta hay không. Người lập trình vô hình chính là trí năng. Trí năng có thể biểu lộ bằng tư duy hay phân tử sinh hoá học như nội tiết tố, các yếu tố dẫn truyền thông tin của hệ thần kinh, v.v... Không có sinh hoá nào ở ngoài nhận thức cả. Mỗi tế bào

trong cơ thể đều biết ta đang suy nghĩ gì và cảm nhận như thế nào về bản thân. Cho nên có câu: *"Niềm tin tạo ra sinh hoá"*.

Cảm xúc sợ hãi có thể được mô tả như một cảm nhận trừu tượng, hoặc như một phân tử hữu hình của nội tiết tố Adrenalin. Nơi nào có tư duy đi tới thì có một hoá chất xuất hiện kèm theo.

Các loại tế bào khác nhau chứa đựng đa dạng trí năng: Sự co bóp nhịp nhàng của tế bào tim, sự phóng điện của tế bào não, sự trao đổi Natri của tế bào thận, nội tiết tố glucocorticoid do tuyến thượng thận tiết ra gây nên stress. Catecholamin bị giảm do bị trầm cảm.

Cũng như thế các cảm nhận yêu ghét, vui sướng, buồn bã đều có những tế bào chuyên biệt bị kích thích và hoạt động theo các hướng khác nhau.

Các tế bào hoạt động không ngừng, trải nghiệm liên tục, chuyển hoá theo nhân thức, quan điểm của con người.

Tất cả những thứ này tạo thành cách lập trình hữu hình của cơ thể. Nhưng người lập trình là vô hình, dấu mặt, như người đạo diễn sân khấu.

Cơ thể tuân thủ vũ điệu vũ trụ, xung lực sáng tạo, ước tính 6 ngàn tỷ phản ứng xảy ra mỗi giây trong mỗi tế bào, đáp ứng bất kỳ nhu cầu phản ứng nào của cơ thể: hoảng sợ, giận dữ, cuồng loạn, lãnh đạm, thích thú, tò mò, stress... ví dụ: từ xa ta thấy trên đường có một con rắn, trong ta xuất hiện một loạt các quá trình sinh lý: hô hấp (thở gấp), tim (đập mạnh), cảm xúc (sợ hãi)... nhưng khi đến gần hơn thấy rõ là con rắn giả bằng nhựa thì các phản ứng trên đều thay đổi ngược lại.

Cơ thể chúng ta là những kết quả vật chất của tất cả những nhận thức mà chúng ta đã được học hỏi để thực hiện kể từ khi mới ra đời.

Ví dụ một người mất việc làm đâm buồn chán, cảm giác ấy toả khắp cơ thể, sức sản xuất chất hoá học dẫn truyền thần kinh suy yếu đi, mức nội tiết tố giảm xuống, mất ngủ, các tế bào tiểu cầu máu trở nên sánh hơn và dễ kết đông, nước mắt có thành phần hoá học khác với của nước mắt trào ra khi vui sướng.

Ví dụ khác: Một sinh viên gặp bài kiểm tra khó đã giảm khả năng sản xuất yếu tố miễn dịch tế bào Lympho-T (Interleukin-2). Điều đó chứng tỏ sự lo lắng của sinh viên trực tiếp truyền đến các gen (ADN) của anh ta.

Ví dụ khác: Một người chỉ nhìn vào quả chanh chăm chú, hoặc thậm chí chỉ thầm nghĩ đến quả chanh, thế mà nước bọt và các enzym tiêu hóa tiết ra nhiều như thể khi ăn chanh thực. Như vậy thông tin từ não gửi tới bởi từ chanh và hình ảnh chanh cũng có tác động như chanh thật. Như thế là cơ thể tiêu hoá thông tin mọi lúc như tiêu hóa vật chất vậy.

Ví dụ khác: Cụm từ “anh yêu em” hoặc “em yêu anh” là cảm xúc trong óc kích thích sản xuất các phân tử Adrenalin. Chúng lao vào dòng huyết lưu làm cho tim đập mạnh, biểu lộ sự hồi hộp.

Cho nên có thể nói một chút tư duy và cảm xúc vô hình làm thay đổi được hoá học của mỗi tế bào. Điều đó có nghĩa là ta có thể thay đổi thế giới của mình, cơ thể của mình, đơn giản bằng cách thay đổi cảm nhận của mình.

Như vậy, cơ thể vật chất khác nào một bản in các tín hiệu truyền qua lại giữa não và mỗi tế bào.

THIỀN

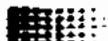
*“Chính bạn phải lắng nghe
bản thân mình chứ không
phải người khác”.*

Gertrude Stein

Đối với con người bức xạ năng lượng cảm xúc vốn là món ăn tinh thần, năng lượng tâm thần, nó tạo thành nội dung của thế giới thông tin. Để tiếp nhận đúng thế giới này cần thay đổi cách tiếp nhận thế giới, ví dụ thiền là một trong những phương pháp tiếp nhận đơn giản và hiệu quả. Thật vậy, kết quả của thiền đều đặn là sự thay đổi có tính nguyên tắc: trong hoạt động của não bộ - cụ thể là nhờ đó điện não đồ đã phát hiện - ngày càng có nhiều khu vực của não bắt đầu làm việc một cách phối hợp hơn nữa, thiền ảnh hưởng đến tính chất sóng não ở các khu vực khác nhau của não bộ.

Cần nhận xét thêm rằng khi thiền, diễn ra sự thay đổi hoạt động không chỉ của não bộ mà còn của toàn cơ thể đến mức tế bào

Trạng thái sinh lý người thiền biến đổi theo hướng thực hiện chức năng một cách hiệu quả hơn: nhịp thở chậm lại, tiêu thụ oxy ít hơn, tốc độ chuyển hoá giảm... Được như vậy là nhờ đã đưa tâm trí đến một thực tại mà ở đó không gian - thời gian không có ảnh hưởng. Nhất là sau khi đầu óc ta thường bị quá thu hút vào dòng tư duy, ước muốn, tưởng tượng, cảm nhận, lấp đầy ý thức của ta, nay đầu óc được làm cho trống rỗng. Trạng thái ấy khoa học gọi là “*Tĩnh*



táo thư giãn” nghĩa là đầu óc vẫn tỉnh táo, thể xác được thư giãn sâu hay gọi là “*Tỉnh táo giảm chuyển hoá*”.

Người thiền mà đọc một câu thần chú nào đó (Ví dụ bằng tiếng Phạn) là một thông tin đặc biệt được đưa vào hệ thần kinh, đạt được cái thình không là trung tâm của mọi vật chất và năng lượng tồn tại ở chỗ trống giữa các tư tưởng, đó chính là cái nền bất biến của mọi hoạt động tâm thần.

Ta như thể vứt bỏ chính mình, trọng lượng cơ thể biến mất, cái tôi cũng không còn, cả thế giới trở nên trong suốt, không vướng vứu, vấn đề sự sống không còn tồn tại nữa. Ta và mọi thứ quanh ta giống như một luồng gió thổi lá cây qua một cánh đồng rộng trong một ngày mùa thu.

Như vậy, nhờ thiền con người hướng sang một bậc mới của sự tồn tại, mức mới của sự phát triển tri giác.

Tri giác có thể tồn tại bên ngoài thân thể, ngày nay người ta nói nhiều về sự tồn tại của trường thông tin toàn cầu của vũ trụ.

Khi thiền, sẽ thấy có sự tách biệt đối với thế giới chung quanh. Ngồi ở chợ nhưng vẫn thấy có sự tách biệt: mọi âm thanh đi ra khỏi bạn nhưng bạn lại nghe chúng rõ hơn. Trước đây bạn là sự ồn ào thì bây giờ bạn được tách ra và trở thành nhân chứng, nhưng có điều âm thanh này ở dạng vang vọng, nó không còn là âm thanh trực tiếp. Toàn bộ sự tồn tại đều là sự vang vọng của cùng một âm thanh. Đó là lý do người Hindu gọi thế giới là ảo. Lúc đó bạn cảm thấy mình không còn, chính là sự trống rỗng. Những rung động bên ngoài không còn làm bạn sợ hãi. Khi bạn càng trở nên trống rỗng thì bạn càng sáng sủa. Chính sự hiện diện của bản ngã tạo nên sự tối tăm. Khi bạn càng thấy

cái tôi của mình ít đi thì bạn sẽ thấy mình càng sáng hơn. Nhưng ánh sáng này không giống tia sáng mặt trời vì tia sáng mặt trời thì từng chùm và đứt đoạn, còn ánh sáng này có một phần rất đặc biệt. Nó không có nguồn gốc và một khi đã xuất hiện thì không bao giờ mất. Nó đến từ đôi mắt. Đây là một chứng nghiệm mà khoa học không hề biết tới. Chỗ ngồi cũng rất quan trọng. Nếu bạn thường xuyên ngồi ở một chỗ nào đó để thiền thì chỗ đó sẽ có một từ trường thanh nhẹ. Nó sẽ có một sự rung động riêng theo nhịp của trạng thái an bình. Nếu lần sau bạn vẫn ngồi chỗ đó thì nó sẽ đón chào bạn và giúp bạn nhanh chóng đi vào trạng thái thiền và cảm nhận nhanh ánh sáng của mình. Khi khoa học chỉ biết đến ánh sáng đi vào mắt, nhưng nó chỉ là một nửa. Khi thiền định, bạn thấy ánh sáng của bạn đi ra ngoài, nó đi ra từ đôi mắt bạn. Lúc đó, mọi vật xung quanh được thắp sáng. Bạn sẽ thấy cái cây xanh hơn trước, bông hồng thắm hơn trước. Vẫn là cái cây và bông hoa cũ nhưng chúng đẹp dễ hơn vì bạn đã toả sáng vào chúng. Điều này phụ thuộc vào việc bạn toả sáng được bao nhiêu vào sự tồn tại. Nếu bạn không toả cái gì vào nó, bạn sẽ lấy mọi thứ ở nó. Đó là lý do vì sao những người xây dựng luôn đẹp hơn những kẻ tàn phá. Người thiết lập luôn toả sáng vào sự tồn tại và sự tồn tại đáp ứng lại tức khắc. Nếu bạn đi qua một người có đức tính hi sinh và san sẻ, bạn sẽ thấy hiện tượng này.

Thiền là tự mình chứng nghiệm, không nghe ai nói, vì không ai có thể hiểu bạn từ bên ngoài. Họ có thể nhìn thấy bạn thiền nhưng họ không thể hiểu điều gì đang xảy ra bên trong bạn. Khi ngồi thiền con người sẽ trở về trạng thái *"một mình"*. Một mình là tập làm quen và hiểu được bản thân mình.

Ý THỨC BIẾN ĐỔI

Trong tiềm thức có tất cả mọi kiến thức. Từ đó kiến thức đi đến ý thức một cách nhỏ giọt, vừa đủ để sinh sống bình thường. Não kiểm soát kênh này với tư cách là cái lọc bảo vệ cho ý thức.

Theo giả thuyết của GS. Berson: “Hệ thần kinh, và trước hết là não bộ, làm tất ngấm phần lớn những kích thích “ngoại cảm” ở đường vào ý thức cá thể có sự chọn lựa thông tin chặt chẽ. Một hệ thống như vậy bảo vệ ý thức khỏi phần lớn các thông tin ngoại cảm. Điều đó cho phép giải thích các hiện tượng cận tâm lý như là các công việc bất thường của não bộ. Não bộ trong trường hợp ấy bị đánh giá là không hoàn thành trách nhiệm bộ lọc để xảy ra các sự kiện không đáng có.

Làm yếu chức năng lọc của não bộ chỉ cần khi nào cần đưa con người vào trạng thái “*Trans*”, chính trạng thái trên là phương pháp tổng hợp nhất để lục lọi trong tiềm thức, và quan hệ với trường thông tin vũ trụ.

Đôi khi sự kiểm soát của bộ lọc não suy yếu do chấn thương và khi ấy người bệnh trở nên nhà tiên tri, nhà ngoại cảm, thần giao cách cảm, v.v...

Ví dụ, cô Vanga lúc thiếu thời bị ngã và bị chấn thương mù mắt, ở tuổi 16 cô thiếu nữ mù loà này bắt đầu đoán số phận người khác. Cô tiên đoán những sự kiện chính trị sắp xảy ra, biết nhìn vào quá khứ người khác, biết nói chuyện với người đã khuất. Năm 1979, nghệ sĩ nổi tiếng V.Tikhonov đến thăm Vanga vừa lúc khách mới bước vào nhà thì Vanga nặng lời trách cứ: “*Tại sao anh không thực*

hiện lời hứa với người bạn thân của anh? Anh chưa hiểu ư? Tôi đang nói về cách anh đối xử với phi công vũ trụ I.Gagarin. Khi Gagarin sắp bay chuyến bay cuối cùng có đến chia tay với anh và có nhờ anh mua cho chính anh một cái đồng hồ báo thức đặt trên bàn của anh vì anh ấy không còn thì giờ nữa. Cái đồng hồ ấy sẽ nhắc anh nhớ đến anh ấy". Người nghệ sĩ choáng váng khi nghe nhắc đến chuyện ấy, phải uống thuốc trợ tim. Chuyện xảy ra hoàn toàn đúng như thế mà tôi đã quên khuấy đi mất. Rồi cô nói về thân phận của con người: "Không ai có thể giấu mình trong nhà, không ai có thể nấp mình trong bóng tối. Không một hành vi nào không bị nhận thấy. Đừng nghĩ rằng anh tự do làm gì cũng được. Những hành vi của mình đều đã được tiềm định. Chỉ một việc mình có thể làm là cảm thấy sung sướng khi làm một việc tốt, thấy hối hận khi làm một việc xấu".

Để tạo ra "trạng thái Trans" ngày xưa ở Ấn Độ người ta đã nghĩ ra hệ thống tu luyện cho phép phát triển những khả năng đặc biệt là biến đổi ý thức. Khi tất cả mọi khả năng logic hình thức đã cạn thì sự tìm tòi vẫn cần tiếp tục. Đó là cơ chế tư duy sáng tạo để mở ra kênh liên lạc với trường thông tin toàn thể, để nhận những thông tin sáng tạo mới, việc này thường chỉ xảy ra lúc ngủ.

Ví dụ, Mendeleev phát minh bảng tuần hoàn của các nguyên tố hoá học Nils Bohr tìm ra cấu trúc nguyên tử, v.v...

Cho nên người đời mới có câu thành ngữ: "Hãy tìm đi, sẽ tìm ra", "Hãy xin đi, người sẽ cho", "Hãy gõ đi, cửa sẽ mở". Mỗi một ý nghĩ, mỗi một sự chuyển động của tâm hồn, mỗi cảm xúc đều được biết đến trong vũ trụ một cách tức thì.

VỀ Ý THỨC CỦA NGƯỜI MÁY (RÔ BỐT)

Các kỹ sư với tiến bộ công nghệ và khoa học đã chế tạo cái gì đó giống con người và thay thế con người trong một số hoạt động trong sinh hoạt, dịch vụ, tin học, an ninh, quốc phòng, v.v... Công nghệ này phát triển nhất ở Nhật, Mỹ.

Đơn giản nhất có lẽ là về cơ học như rô bốt học cách đi đứng và các động tác khác của con người.

Thậm chí có rô bốt đọc được tín hiệu phát ra từ não rồi từ đó có điều chỉnh phù hợp để giúp những người khuyết tật, người cao tuổi gặp khó khăn khi vận động.

Hệ thống máy tính điều hành HAL và Pin được đeo ở thắt lưng. Hệ thống này nhận tín hiệu từ não, phân tích và đưa ra quyết định phù hợp, tiếp đó sẽ ra lệnh cho hệ thống cơ khí gắn với đùi và đầu gối của người dùng để có tác động hỗ trợ cụ thể. Người thiết kế HAL là G.Yoshiyuki Sankai đang làm việc tại Đại học Tsukuba.

Các nhà nghiên cứu Nhật Bản cũng đã tạo ra một rô bốt dựa trên nguyên mẫu một bé gái 5 tuổi rô bốt này được bọc một lớp silicon bên ngoài hình da thật, có thể chớp mắt, di chuyển, tương tác giống như con người. Nó có thể nhìn quanh, biết cúi đầu và thắt bím tóc. Nó được gắn 4 cảm biến trên da cùng hàng loạt động cơ cho phép trợ giúp người lớn tuổi, người khuyết tật.

Công ty đồ chơi Tomy của Nhật Bản vừa giới thiệu rô bốt nhỏ nhất thế giới mang tên "Rô bốt-Q". Rô bốt này



được gắn những bộ cảm biến trên nó để có thể đi bộ. “Rô bốt - Q” hoạt động nhờ bộ điều khiển từ xa bởi tia hồng ngoại. Nhà thiết kế người Slovenia, đã chế tạo một rô bốt, có thể nhận và đọc các tin nhắn gửi cho nó.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực và lợi ích mà công nghệ chế tạo rô bốt mang lại cho con người, cũng có nhiều vấn đề mà các nhà khoa học cho rằng cần phải sớm dự báo. Đó là những mặt trái của việc chế tạo rô bốt nhằm các mục đích khác, chẳng hạn như việc chế tạo ra hàng loạt làm thay công việc của người giúp việc nhà, dẫn đến tình trạng thất nghiệp của người giúp việc nội trợ.

Tệ hơn thế nữa ở Mỹ người ta chế tạo rô bốt với mục đích thay lính làm nhiệm vụ bắn giết những ai bị coi là địch thủ.

Đó là những cỗ máy đã được lập trình sẵn và chỉ biết làm theo đúng những gì đã được cài đặt. Theo giới chuyên gia phân tích và các nhà khoa học chuyên nghiên cứu về rô bốt thuộc nhiều quốc gia trên thế giới, quả thực sẽ là một mối lo ngại lớn đối với toàn nhân loại nếu như cuộc “lấn sân” của rô bốt ngày càng gia tăng. Có lẽ những nguy hiểm đối với thế giới sẽ không phải chỉ là những câu chuyện viễn tưởng về việc những con rô bốt bị lập trình nhằm dẫn đến những tai nạn, mà có thể gây những hậu quả nghiêm trọng hơn thế nhiều.

Thử điểm qua xem rô bốt hơn người về những mặt nào.

Xét cho cùng rô bốt là máy tính có hình người. Trong máy tính tốc độ truyền thông tin đạt đến nhiều nghìn km/giây trong khi trong não bộ luồng thần kinh truyền với vận tốc tối đa là 100km/giây. Đó là nguyên nhân khiến cho máy tính thực hiện một số nhiệm vụ nhanh hơn người là

lẽ đương nhiên. Tuy nhiên, trong khi nó thực hiện nhanh các phép tính phức tạp nó không biết phép tính là gì!

...Bộ nhớ của máy tính lưu trữ thông tin được biểu diễn bằng các dãy số 1 và 0. Số 1 tương ứng với sự xuất hiện của các xung điện và số 0 tương ứng với sự ngắt các xung điện đó. Đây là cái mà người ta gọi là ngôn ngữ nhị phân. Nhưng chưa ai từng chứng minh được rằng các nơron trong não người hoạt động theo cách nhị phân và lưu trữ thông tin nhờ các vị trí mở (tương ứng với 1) và đóng (tương ứng với 0). Hơn nữa, máy tính có một bộ nhớ tự lập với các “Đầu vào” và “Đầu ra” độc lập, trong khi đó trong não người vùng ghi nhớ cũng chính là vùng tư duy.

Não là một hệ thống tự lập trình trong khi rô bốt có một chương trình được lập bởi một trí tuệ bên ngoài, và chính trí tuệ này quyết định hành trang của rô bốt.

Phải chăng nếu các rô bốt trở nên đủ phức tạp thì một ngày nào đó chúng cũng sẽ có khả năng tư duy và cảm giác? Một số nhà nghiên cứu trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo cho rằng, về lý thuyết mà nói, thì một ngày nào đó, con người sẽ có thể chế tạo rô bốt có trái tim. Phải chăng sở dĩ các máy tính hiện nay chưa có ý thức chẳng qua là bởi người ta chưa biết chế tạo các máy tính phức tạp như hệ thần kinh của chúng ta mà thôi. Biết đâu một ngày nào đó chúng ta sẽ chế tạo ra các rô bốt biết yêu, biết cảm nhận niềm vui và nỗi buồn. Và lại, xét cho cùng, não người là sản phẩm của hơn 1 tỷ năm tiến hoá, trong khi đó, lịch sử của máy tính chỉ bắt đầu hơn mấy chục năm nay.

Quá trình tiến hoá của hệ thần kinh đã trải qua 1,5 tỷ năm và trong vòng ba phần tư đầu tiên của khoảng thời gian này, các động vật chỉ có thể thực hiện các chức năng

sinh tồn sơ đẳng nhất, như chạy, săn mồi, ăn uống... Chỉ cách đây khoảng 1 triệu năm thì ngôn ngữ và trí tuệ biểu tượng, cũng như các khả năng tương tác xã hội mới xuất hiện ở các loài linh trưởng.

Tuy nhiên vấn đề có tính nguyên tắc là:

Nếu tiến hóa sinh học là nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của ý thức ở con người, thì người ta có thể tự hỏi liệu các rô bốt vốn được cải tiến hoá trong bộ cơ khí phi sinh học một ngày nào đó có thể đạt được những khả năng trừu tượng hoá như một sinh vật hay không?

Não người mạnh ở chức năng tổng hợp, như nhận dạng khuôn mặt chẳng hạn. Các máy thông minh không "*Nhìn thấy*" và không nhận ra người đối thoại chúng chỉ hiểu được vài nghìn từ đã được lập trình.

Ngay cả khi được lập trình một cách thông minh để "*Sáng tạo*" ra một bản giao hưởng mới, thì chẳng qua nó cũng chỉ thực hiện được điều đó xuất phát từ các quy tắc hoà âm được lựa chọn theo thị hiếu thẩm mỹ của người lập trình. Rô bốt không những hoàn toàn mù tịt về vẻ đẹp của âm nhạc mà còn không biết rằng đó là âm nhạc.

Các rô bốt hiện nay có thể có cấp độ ý thức của một côn trùng và đang tiến gần tới cấp độ ý thức của con chó. Tuy nhiên, chó là loài súc vật duy nhất có thể đọc được cảm xúc trên mặt người. Khả năng này giúp chó củng cố vị trí là người bạn thân nhất của con người. Giống như một người bạn tri kỷ, chó có thể phát hiện ngay lập tức người chủ đang buồn hay vui, hài lòng hay giận dữ. Khi một người nhìn vào gương mặt người đối diện thì mắt của họ thường liếc qua phía trái để quan sát phần mặt còn lại. Điều này do nửa phần mặt bên phải thường biểu hiện cảm xúc rõ

ràng nhất của một người. Chó cũng có cách nhìn như vậy trong khi những súc vật khác không có khả năng ấy. Chắc rô bốt lại càng không thể có.

“Ý thức” của rô bốt bắt nguồn từ kinh nghiệm gọi là ý thức sơ đẳng vốn chỉ gắn liền với kinh nghiệm. Chẳng hạn, kinh nghiệm của một con mèo đó là trí nhớ, các cảm xúc hoặc tính khí của nó. Mỗi một trong các biểu hiện này gắn với một mạch não con. Mạch con này được gắn kết và tích hợp với tất cả các mạch con khác. Sự tích hợp này gây ra trong não mèo một chuỗi các đột khởi xuất hiện rồi biến mất, để rồi lại tái xuất hiện, tạo cho nó một cái nhìn đặc biệt về thế giới mà người ta gọi là kinh nghiệm của nó. Trong cuộc sống thường nhật của chúng ta, 90% trải nghiệm của chúng ta là sơ đẳng: Đi, đón xe bus hay chuẩn bị một bữa ăn không phải là các hành động nhất thiết phải gắn với một sự suy ngẫm.

Còn “*Ý thức suy ngẫm*” chính là trải nghiệm của sự quay lại với chính bản thân mình. Nó gắn liền với ngôn ngữ. Chính sự kết nối mật thiết này với ngôn ngữ đã cho ý thức suy ngẫm một địa vị độc tôn chỉ có ở con người. Trong số tất cả các loài sinh vật, chỉ có con người là có ngôn ngữ hoàn chỉnh, nói cách khác chỉ có con người mới có ý thức suy ngẫm.

Chỉ với “*Ý thức suy ngẫm*”, con người mới có cái nhìn về sự tồn tại của chính mình, về số phận của mình. Nó đã xuất hiện khoảng 100.000 năm ở người Cro-Magnon, khi con người bắt đầu thấy cần chôn xác đồng loại. Ý thức con người chính là sự nhận ra rằng mỗi một con người là đơn nhất, rằng người ấy không thể thay thế được.

NỀN Y HỌC ĐA CHIỀU

Nền y học Tây phương trong những thập kỷ qua đã có những bước tiến lớn nhờ các thiết bị kỹ thuật y tế phát triển trên nền tảng một nền công nghiệp tiên tiến, một công nghiệp cao, đưa khả năng chẩn đoán và điều trị lên một tầng cao mới: kỹ thuật lazer, cộng hưởng từ, chụp và can thiệp động mạch vành tim, mổ nội soi, thay phủ tạng... Các khả năng tương tự chắc chắn sẽ còn phát triển xa trong một tương lai gần.

Trong khi đó ngày càng nhiều lỗ hổng trong y lý, không giải thích được những khả năng đặc biệt của con người trong chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, rèn luyện sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần. Cũng như chưa giải thích được một cách thuyết phục mối liên hệ giữa năng lượng vũ trụ và con người, mà con người là một tiểu vũ trụ với năng lượng sinh học, luân xa, hệ kinh lạc, linh cảm, hào quang, thần giao cách cảm...

Thầy thuốc nhiều khi không xác định được nguyên nhân sâu xa của một loạt các bệnh mãn tính, các bệnh tâm - thể, các hội chứng tâm thần là những bệnh lý đặc trưng cho thời hậu công nghiệp. Sự khủng hoảng ấy có thể hiểu được nếu nhìn vào chương trình đào tạo đội ngũ bác sĩ trẻ trong các trường đại học. Vẫn là các môn học cổ điển như: giải phẫu cơ thể con người, sinh lý học, sinh lý bệnh học, hoá sinh, lý sinh, tế bào học, mô học, ngoại khoa, nội khoa và các chuyên khoa hẹp khác như mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, phụ khoa, sản khoa... Tóm lại, tất cả nội dung ấy đều xây dựng trên nền tảng những gì nắm bắt được trên cơ thể vật lý của con người. Cho nên các bác sĩ có khả năng tác động đến cơ

thể vật lý của con người, không hơn thế. Trong khi đó ngày càng phát sinh những yếu tố liên quan đến bệnh sinh nằm ngoài cơ thể vật lý, nằm ngoài tầm với của những kiến thức do nhà trường cung cấp. Người ta gọi đó là cuộc khủng hoảng của nền y học chính thống trong thời đại hội nhập y học Tây phương và Đông phương, minh triết và duy lý.

Đó là chưa kể một loạt các hiện tượng thuộc cận tâm lý học có liên quan đến tiềm năng con người chưa được am hiểu và khai thác để phục vụ chẩn đoán và điều trị tại các cơ sở y tế giúp mọi người được chẩn đoán, tự điều trị, tự rèn luyện sức khoẻ theo hướng toàn dân chăm lo sức khoẻ. Ngày nay một nền y học chỉ có thể được gọi là tiên tiến, nếu đối tượng phục vụ của nó không chỉ là bệnh nhân mà còn là người lành, thậm chí phục vụ người lành là nhiệm vụ không kém phần quan trọng theo phương châm: *"phòng chấy hơn chữa chấy"*.

Bổ sung cho Tây y và Đông y cổ điển đã ra đời cách đây không lâu y học đa chiều hay còn gọi là y học đa năng lượng với mục đích chẩn đoán và điều trị những bệnh mãn tính mà nguyên nhân là sóng năng lượng tiêu cực đột nhập vào cơ thể người ta.

Y học đa chiều được xây dựng trên cơ sở những hiểu biết mới mẻ về thân thể con người. Thì ra thân thể người ta gồm không chỉ thân thể vật lý 3 chiều mà các thầy thuốc có thể nhìn sờ gõ nghe hoặc với sự giúp đỡ của các kỹ thuật điện - từ chẩn đoán và chữa bệnh nội khoa, ngoại khoa, phụ khoa, sản khoa...

Ngoài thân thể vật lý còn tồn tại 6 thân thể năng lượng tế vi vô hình - Chính những thân thể tế vi này có liên quan đến những bệnh lý do năng lượng tiêu cực đột nhập từ bên ngoài vào cơ thể. Thân thể năng lượng hay ête có không gia 4 chiều. Thân thể cảm xúc - 4 chiều; các thân thể tế vi

khác - 5 - 7 chiều. Đó chính là góc tối mà Tây y không nhìn ra. Còn Đông y, bằng minh triết đã nhận thấy đặc điểm đó từ ngàn năm về trước, mặc dù cách diễn đạt, tên gọi không giống như cách mà nền vật lý lượng tử hiện đại mô tả.

Như vậy, thân thể người ta có giá đỡ là một khung năng lượng thực hiện chức năng cung cấp và điều hoà năng lượng - thông tin trong cơ thể và liên hệ với trường năng lượng - thông tin của vũ trụ, tạo ra một sự liên thông thường xuyên giữa vũ trụ và tiểu vũ trụ tức là con người. Chịu trách nhiệm về năng lượng thông tin là hệ thống luân xa với 7 luân xa chính và 14 luân xa phụ và một mạng các kênh năng lượng chính và phụ chạy khắp thân thể người ta. Chi tiết về vấn đề này đã được trình bày khi mô tả cấu trúc thân thể con người ở đầu phần 2 của sách này.

Mầm bệnh vô hình là những cấu trúc năng lượng thông tin tiêu cực vẫn tồn tại trong trong thế giới vật chất mịn song hành, dưới hình thức sóng xoắn gây bệnh đột nhập vào bên trong cơ thể, tá túc ở đó, nhân lên ở đó, dưới hình thức sóng đứng toàn đồ mà vật lý gọi là Soliton. Chúng gây rối loạn trước tiên các thân thể tế vi.

Mỗi một thân thể tế vi với chức năng khác nhau như trí tuệ, cảm xúc, ý nghĩ... và tồn tại theo bản chất và quy luật của mình. Sự tổn thương dù chỉ của một trong số chúng hoặc tổn thương các mối quan hệ giữa chúng, toàn cơ thể người ta sẽ có phản ứng chung với tính chất hệ thống. Nếu nhờ sự can thiệp của y tế mà một mình thân thể vật lý được phục hồi, thì toàn thân thể vẫn ở trong trạng thái bệnh lý.

Những cơ hội mà mầm bệnh vô hình loại này đột nhập vào thân thể người ta là khi con người có tội lỗi, bị lôi cuốn bởi các dục vọng tai hại, ở trong trạng thái tâm sinh lý

tiêu cực do nhiều nguyên nhân khác nhau, khi phụ nữ đang ở trong thời kỳ sinh nở... Mầm bệnh có thể di chuyển từ mẹ sang thai nhi, sang trẻ sơ sinh. Khoa học đã khẳng định sóng đứng toàn đồ dưới hình thức sóng xoắn có thể di chuyển trong bất cứ môi trường dịch thể nào của cơ thể, cũng có thể làm cản trở các kênh điều khiển sự trao đổi năng lượng, thông tin, vật chất trong cơ thể, gây nên nhiều rối loạn chức năng của cơ thể con người. Đa phần các bệnh lý chức năng liên quan đến sự rối loạn chức năng của ý thức ở những mức khác nhau và không thể điều trị thành công bằng những liệu pháp cổ điển của tây y.

Một khi bệnh trở thành mãn tính thì trong tiềm thức của con người mà được ví như cỗ máy vi tính sinh học, sẽ ghi lại “mã” của bệnh và truyền thông tin này đến các tế bào mới sinh để truyền từ đời này sang đời khác. Cái “mã” ấy mang tính chất cá nhân, không của ai giống như của ai cả. Muốn chống lại bệnh lý mô hình này thì phải phân tích được cái “mã” cá nhân của bệnh.

Đó là điểm yếu nhất của Tây y vốn có đủ phương tiện kỹ thuật hiện đại.

Phương pháp chẩn đoán và trị bệnh do mầm bệnh năng lượng vô hình.

Việc điều trị loại bệnh này xuất phát từ mục tiêu xua đuổi cấu trúc năng lượng - thông tin ngoại lai ra khỏi cơ thể, trả chúng trở lại cho thế giới vật chất mịn tồn tại song song ở ngoài cơ thể.

Tiềm thức con người rất tài tình. Nó nhớ và biết tất cả những gì xảy ra trong cơ thể: Ai đưa chúng vào cơ thể? Dưới hình thức nào? Vào giai đoạn nào của cuộc đời? Vào những cơ quan hay cấu trúc nào của cơ thể? ...

Tiềm thức có thể trả lời các câu hỏi mà ý thức con người đặt ra, đưa ra những lời khuyên điều trị hiệu nghiệm nhất.

Thể theo định luật vũ trụ đã được xác lập hàng ngàn năm nay và đã được khoa học hiện đại xác nhận, tất cả mọi vật thể đều rung động và phát xạ, dù đó là các hành tinh, các tia vũ trụ, các chữ, các số, các hình học...

Chúng đều có thể được hình dung dưới dạng số học, các ký hiệu tượng trưng. Nhờ tiềm thức ta có thể chọn những ký hiệu tượng trưng mà có thể cho ta biết giải tần số tương tự với giải tần số của năng lượng - sinh học ngoại lai đã đột nhập vào cơ thể và gây bệnh.

Đó là phương pháp tạo ra dạng năng lượng thông tin độc hại đã đột nhập vào cơ thể mà ta cần thanh tẩy.

Vì sao có thể đặt vấn đề mọi người có khả năng tự chẩn đoán bệnh và tự đánh giá sức khoẻ của mình?

Ngày nay mọi người dễ chấp nhận não bộ giống như máy vi tính điện tử tinh xảo nhất mà tạo hoá đặt vào trong hộp sọ của con người. Trong não bộ có vỏ não chịu trách nhiệm về ý thức, còn cấu trúc dưới vỏ não chịu trách nhiệm về tiềm thức. Trong tiềm thức chứa đựng các "môđun" bộ nhớ, trong đó có hồ sơ bệnh tật, những cảm giác khó chịu, các trải nghiệm cuộc sống, những niềm vui, tội lỗi, ân hận mà lương tâm cắn rứt suốt đời. Dân gian thường nói người ta có thể giấu người khác những điều xấu của mình, nhưng không thể giấu được chính mình. Tiềm thức còn là cơ cấu tiếp cận với trường thông tin toàn cầu của vũ trụ. Tất cả các thông tin trong tiềm thức đều ở dạng sóng với tần số, biên độ, pha, đặc thù cá nhân. Vấn đề mấu chốt là ở chỗ trong điều kiện nhất định tiềm thức có thể biến thành đài phát sóng thông tin ra bên ngoài mà người ta có thể thu nhận được.

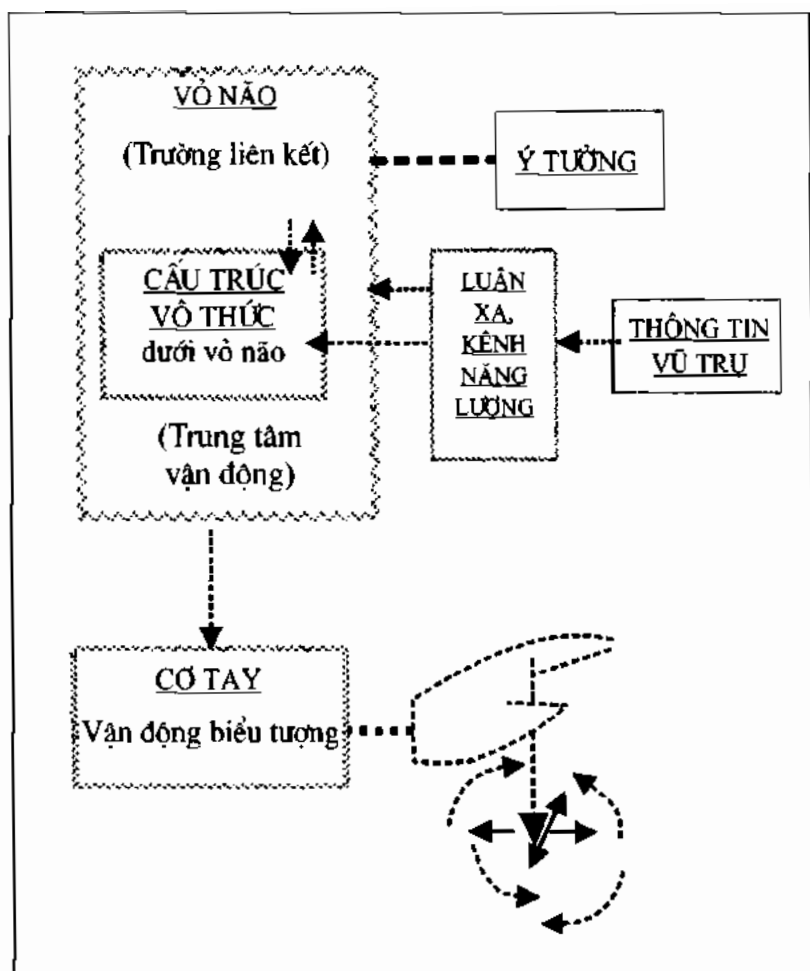
Từ quan điểm trên ta hiểu vì sao tiềm thức hay vô thức có khả năng giúp con người tìm được những phúc đáp cho những câu hỏi chính đáng dưới hình thức linh tính mách bảo.

Ngày nay đã có phương pháp làm cho linh tính bộc lộ ra bên ngoài. Một trong những phương pháp ấy là dùng con lắc.

Tuy nhiên, người ta tự hỏi thế lực nào đứng đằng sau những hoạt động của con lắc? Thực nghiệm khoa học cận tâm lý trong những thập niên cuối đây đã cung cấp những bằng chứng tuyệt diệu về sức mạnh ý chí con người tác động lên hoạt động của một hệ thống cơ khí - vi tính - điện tử như máy sinh ngẫu số (Random number generator viết tắt là RNG), hoặc tác động lên sự chuyển động của hạt vật chất nhỏ bé như Nuclon với kích thước 10^{-15}m . Điều đó chứng tỏ có sự thâm nhập lẫn nhau giữa tinh thần và vật chất, đồng thời cho thấy tinh thần tư tưởng có sức mạnh vật chất.

Như vậy, người ta có thể tin rằng con lắc đã dao động dưới ảnh hưởng của luồng năng lượng bất nguồn từ tiềm thức trong những điều kiện nhất định. Điều kiện ấy đòi hỏi sự tin tưởng ở người trắc nghiệm trong khi người này tập trung tư tưởng vào não bộ hoạt động ở nhịp Alfa của sóng não. Quả lắc chính là vật trung gian giữa ý thức và tiềm thức và thông qua các chuyển động của quả lắc theo nguyên tắc nhị phân nghĩa là: “có” hay “không”, đáp lại những câu hỏi của ý thức, tức là của người chẩn đoán. Các câu hỏi được dựa trên các đồ hình thân thể (phantom), các biểu đồ, các bảng câu hỏi soạn sẵn với nội dung liên quan đến sức khỏe và bệnh tật... (phần này có thể so sánh với phần mềm máy tính). Phương pháp ấy gọi là định vị sinh học (biolocation) có sử dụng quả lắc (xem sơ đồ và các biểu đồ).

Nếu đặt câu hỏi không gây gợn, tham lam, thì quả lắc sẽ không trả lời rõ ràng, dứt khoát, phải đặt lại câu hỏi sáng sủa, dễ trả lời có hay không. Trước khi bắt đầu công việc người chẩn đoán nhắc lại quy ước: nếu trả lời “có” thì quả lắc chuyển động theo hướng thẳng góc với mình, hoặc quay vòng theo chiều kim đồng hồ. Nếu trả lời “không” thì quả lắc chuyển động ngang, hoặc quay tròn ngược chiều kim đồng hồ.



HÌNH 1: SƠ ĐỒ CƠ CHẾ SINH LÝ TẠO RA CHUYỂN ĐỘNG PHẢN XẠ MÃ HÓA CỦA QUẢ LẮC

Ở CHLB Nga việc áp dụng quả lắc để chẩn đoán bệnh được coi là một cách tiếp cận mới và là một chương quan trọng trong học thuyết “*Y học đa chiều*” của Tiến sỹ Putsko G.L (Viện Hàm lâm Y học Nga) ra đời từ năm 1983 đánh dấu bằng báo cáo khoa học “*Mô hình cơ thể năng lượng*”. Phương pháp dùng quả lắc được gọi là “*Định vị sinh học*” - một khâu quan trọng trong hệ thống (tự) chẩn đoán, (tự) điều trị. Phương pháp định vị

sinh học dựa trên nền tảng phối hợp của Đông y với thành tựu y học và khoa học tự nhiên hiện đại. Một trong những học thuyết khoa học cho phép giải thích hiệu ứng định vị sinh học là học thuyết chân không vật lý và các trường xoắn là cơ sở vật lý của trí nhớ, ý thức và tư duy, tất cả thông tin về hoạt động của cơ thể người ta vào bất cứ thời điểm nào liên tục được ghi và lưu trữ trong hồ sơ bộ nhớ của tiềm thức “*máy vi tính sinh học nội tại*”. Khi một câu hỏi hình thành trong ý thức hay đã phát thành lời của người dùng quả lắc thì “*máy vi tính sinh học nội tại*” đưa ra câu trả lời dưới hình thức một vận động biểu tượng (Ideomotor act) của cơ tay làm cho quả lắc chuyển động theo một trong các quy ước - khẳng định, phủ định, không biết. Cơ thể sinh lý tạo ra chuyển động phản xạ mã hoá của quả lắc được giản hoá trên sơ đồ.

Quả lắc có hình nón đầu nhọn chúc xuống dưới, làm bằng đồng hay một hợp kim, nặng trung bình 10-30g. Dây quả lắc dài 10-30cm làm bằng sợi vải, sợi tơ, sợi len.

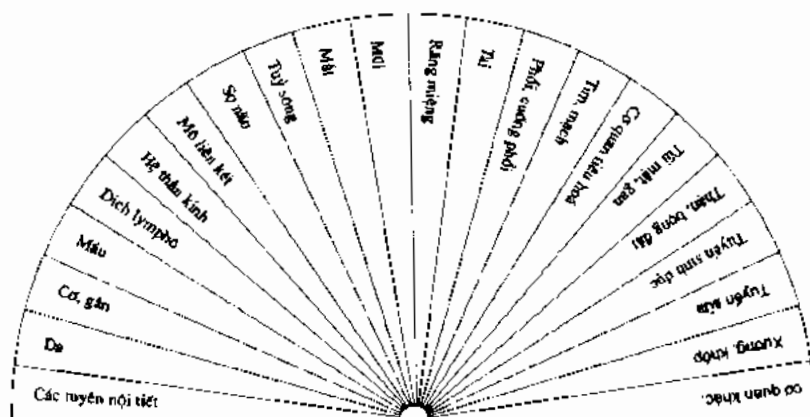
Cầm giây treo quả lắc bằng tay phải. Bàn tay phải hơi nắm lại và gấp ở cổ tay, giữ cho mềm mại, dùng đầu ngón cái và ngón trỏ cầm dây treo quả lắc.

Cách nắm quả lắc cho đúng ảnh hưởng đến quyết định tính chính xác của kết quả. Muốn thế phải kiên trì học lý thuyết và luyện tay giống như khi trẻ tập cầm đũa, cầm bát, các nhà thể thao học cầm vợt, bắt bóng. Vạn sự khởi đầu nan, đừng nản chí.

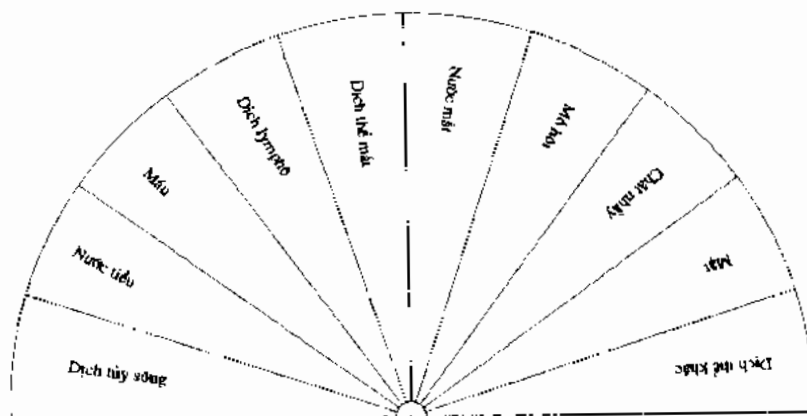
CÁCH TỰ CHẨN ĐOÁN BỆNH VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SỨC KHOẺ CỦA BẢN THÂN.

Đặt đồ hình (hay biểu đồ) trên bàn, trước mặt, tay trái đặt lên góc của đồ hình, tay phải cầm quả lắc, miệng lẩm bẩm

(hay nói to) nêu câu hỏi về bệnh tật hay về các chỉ tiêu tâm sinh lý của mình dựa vào nội dung bản câu hỏi có sẵn, các đồ hình, các biểu đồ. Quả lắc đáp lại (có), (không) hay chuyển động chéo để chỉ vào nội dung ghi trong biểu đồ hình quạt.



HÌNH 2: BIỂU ĐỒ XÁC ĐỊNH VÙNG TỔN THƯƠNG TRONG CƠ THỂ



HÌNH 3: BIỂU ĐỒ XÁC ĐỊNH MỌI KHU TRÚ CỦA NĂNG LƯỢNG THÔNG TIN NGOẠI LAI

CON NGƯỜI CŨNG LẮM RỦI RO

Thế kỷ 21 bắt đầu với việc mở ra một giai đoạn lịch sử mới. Đặc điểm của thời kỳ này là nhân loại phải đấu tranh không những để bảo vệ những giá trị nhân bản và các nền văn minh đã đạt được trong hơn 6.000 năm qua, mà còn duy trì sự tồn tại của chính con người. Chỉ từ cuối thế kỷ 20 loài người mới ý thức sâu sắc được rằng sự sống trên trái đất mới dễ bị thương tổn và mong manh làm sao!

Lúc đầu tưởng rằng mối đe dọa chính xuất phát từ chiến tranh thế giới và vũ khí hạt nhân. Nhưng ngày nay con người đã nhận ra sự thật: mối đe dọa trực tiếp chính là sự huỷ hoại môi trường toàn cầu bởi chính bàn tay con người. Các nhà quản lý quả đất đã đi đến kết luận chưa chắc rằng những tiến bộ vượt bậc của khoa học và công nghệ trong hai thế kỷ qua đã mang lại một kết quả chính - đưa nền văn minh nhân loại đến bờ vực thẳm, đến sự huỷ diệt, không những vì môi trường xung quanh đã bị tàn phá một cách cơ bản, mà còn vì cuộc khủng hoảng sinh thái trầm trọng vì những hiện tượng nguy hiểm trong nội bộ xã hội loài người.

Thật vậy, trong hai thế kỷ cuối đây toàn bộ nền kinh tế thế giới phát triển nhờ tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ và dựa trên sự khai thác tài nguyên thiên nhiên. Lúc đầu là những tài nguyên có thể tái sinh, nhưng trữ lượng rất hạn hẹp. Những phát minh sáng chế trong các thế kỷ 18 và 19 nhằm vào sự khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên không thể tái sinh. Lấy việc khai thác các nguồn nhiên liệu để phục vụ cho hai cuộc cách mạng công nghiệp

để minh hoạ thì rõ nhất. Cứ mỗi thập kỷ sự tiêu hao năng lượng tăng lên 30%. Ở các nước công nghiệp phát triển tính đồ đồng sự tiêu hao năng lượng cho một đầu người trong một ngày quy ra dầu mỏ là 3 lít, 90% nhu cầu năng lượng được bảo đảm bởi những nguồn không tái sinh như khí, dầu mỏ, than đá. Dự báo với đà tiêu hao này nguồn năng lượng lòng đất sẽ cạn kiệt vào khoảng năm 2010 - 2150.

Sau hai cuộc cách mạng công nghiệp khí quyển trong lành mà tạo hoá cho loài người đã trở thành “*kỹ quyển*”. Các sản phẩm vật lý như phóng xạ, từ trường... các sản phẩm hoá học với hàng triệu thương phẩm khác nhau, làm ô nhiễm môi trường đất, nước, thực phẩm, không khí, đầu độc con người từ mọi phía, phát sinh những bệnh lý mới mà y học chưa nắm vững được cơ chế phát sinh, phương pháp chẩn đoán và điều trị. Chẳng hạn y học chưa biết bệnh lý diễn ra thế nào trong trường hợp liều nhiễm phóng xạ thấp, nhiễm Ra-don, trong thời kỳ dài? Lỗ thủng trên thượng tầng Ozon ở Nam cực rộng hơn cả diện tích châu Âu đã mang lại hậu quả gây ung thư và đột biến di truyền đến mức nào? Giải thích như thế nào hiện tượng số lượng tinh trùng ở đàn ông sinh sau năm 1970 ít hơn 25% so với những đàn ông sinh trước năm 1960? 25% dân số quả đất dị ứng với những các biểu hiện lâm sàng khác nhau? Gần đây ở Mỹ và Nga số người phát phì tăng nhanh, mặc dù đã có ý thức ăn uống theo thực đơn chống béo. 1/3 dân số Hoa Kỳ phát phì ở tuổi trung niên mà mới cách đây 10 năm số ấy chỉ chiếm 1/4. Ở Nga cũng xảy ra hiện tượng tương tự, vì sao? Số trẻ đẻ non trên thế giới ngày càng tăng. Đặc biệt đáng lo ngại tỷ lệ trẻ em sinh ra với dị tật bẩm sinh dao động trong khoảng 1/600, 1/500. Nhờ sự tiến bộ y học

nhiều trẻ này sống sót, lấy vợ lấy chồng đẻ ra thế hệ tật nguyên mới. Tần số trẻ tật nguyên cứ 10 năm tăng thêm 10-15%.

Theo quy luật sinh vật học, mỗi quần thể sinh vật có một giới hạn cho các số lượng những phần tử khiếm khuyết, quá giới hạn ấy thì không gì có thể cứu vãn khỏi nạn thoái hoá quần thể. Nếu không có gì thay đổi một cách cơ bản thì quần thể loài người đang tiến dần đến giới hạn nguy hiểm ấy. Dự đoán từ nay đến đấy không xa, chỉ cách mấy thế hệ thôi. Nếu cứ đà suy sụp như hiện nay thì sự thoái hoá quần thể con người sẽ xảy ra vào khoảng năm 2130 trở đi. Chưa hết, theo lý thuyết sinh học trong cuộc đấu tranh sinh tồn giữa các loài sẽ có loài thắng và trở thành độc quyền. Nhưng loài chiến thắng cũng có thể bị thoái hoá vì một lý do khác, cụ thể là vì đánh mất sự thôi thúc bên trong hướng đến sự hoàn thiện bản thân, tự mình thủ tiêu cái quý báu mà lúc đầu đưa loài ấy đến đài chiến thắng, tự mình đánh mất khả năng thích nghi với môi trường sống thay đổi. Áp dụng quy luật ấy vào loài người thì loài đã trở thành bá chủ muôn loài từ thời kỳ đồ đá. Nhưng đáng tiếc loài người đã không sớm biết cách tổ chức lại ngôi nhà sinh thái của mình, không biết cách hoàn thiện chính mình về lối sống đạo đức, không chịu hoà đồng với thiên nhiên. Thậm chí con người trở thành kẻ thù của thiên nhiên.

Điều khẩn thiết là loài người phải phấn đấu như thế nào để chu trình tự nhiên của tạo hoá lại tiếp nhận con người hoà đồng với thiên nhiên như vài ngàn năm về trước. Nhưng với tình trạng xã hội, tình hình đạo đức, cơ sở công nghệ của nền văn minh như ở thời điểm cuối thế kỷ 20 điều đó khó xảy ra, trừ khi loài người có những nỗ



lực phi thường để đảo ngược tình thế. Từ đó đã hình thành ý niệm “*Đạo lý sinh thái*”. Về thực chất đây là cuộc cách mạng trong phạm vi tự kiểm soát dựa trên việc xác định những giới hạn của tính phi lý, tính bất công trên quy mô toàn cầu.

Trong số những vấn đề nội bộ nghiêm trọng của xã hội loài người phải kể đến một số vấn đề hàng đầu.

Vấn đề nội bộ thứ nhất là nạn nhân mãn do sinh đẻ không có kế hoạch, không cân đối khả năng nuôi sống. Một nhà sinh học nói: “*Con Căng-cu-ru biết đẻ một số con theo khả năng đựng của cái túi đeo đằng trước*”. Ngược lại, con người tin tưởng mơ hồ rằng “*Trời sinh voi trời sinh cỏ*”. Robert Malthus (1766-1834) đã cảnh báo về nạn nhân mãn khi dân số quá đất mới hơn 1 tỷ người. Nay đã 6 tỷ. Dự báo với đà này thì dân số sẽ đạt 10 tỷ vào năm 2030, 20 tỷ vào năm 2080.

Vấn đề nội bộ thứ hai là lạm dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong thời đại kỹ trị. Khoa học thế kỷ XX được đánh dấu bằng ba phát minh mang tính hiện tượng. Đó là thuyết tương đối của Einstein, thuyết cơ học lượng tử của Max Planck và Bohr, thuyết Sinh học phân tử của J.Watson và F.Crick. Những lý thuyết cơ bản này đã đặt nền móng cho công nghệ cao. Những người có ý thức ngoài cổ nhìn lại lịch sử giật mình tự hỏi: xã hội với kỹ thuật cao liệu có đồng nghĩa với xã hội văn minh? Hay sự dã man là cái giá phải trả để có nền văn minh hiện đại?

Trong sinh học có vấn đề nhân bản vô tính, và công nghệ gen. Chúng đặt ra nhiều vấn đề về đạo đức, xã hội, chính trị mới chưa từng có trước đó. Sự phát triển ấy đã đến mức nguy hiểm và chưa ai lường được những hậu quả.

Học thuyết tiến hoá sinh vật của Darwin được nhấn mạnh và khai thác khía cạnh xã hội - quy luật cạnh tranh sinh tồn, luật tự do cạnh tranh trong kinh tế thị trường.

Học thuyết Freud là một yếu tố quan trọng của tư duy thế kỷ. Nó có những hàm ý rộng rãi, ảnh hưởng đến những biến cải cận kim của học thuyết duy lý thế kỷ 18. Trước hết là khái niệm về vai trò của những đòi hỏi vô thức trong đời sống hàng ngày của con người. Theo Freud ý thức chiếm một phần tương đối nhỏ so với vô thức.

Thuyết tương đối của Einstein là một trong những căn bản của đạo đức tương đối luận và những hoài nghi cận kim trong lĩnh vực tín ngưỡng và triết lý. Trong lịch sử không có gì đã hoàn tất và xét tới cùng thì không có bắt đầu, không có chấm dứt. Tính tương đối ẩn tàng trong mọi hệ thống lịch sử luận.

Dù đại chúng còn xa mới hiểu hết ý nghĩa của những thành tựu khoa học, nhưng chúng vẫn ảnh hưởng đến thái độ của đại chúng đối với nhiều khía cạnh của đời sống như tư duy, tín ngưỡng, triết học, văn hoá nghệ thuật, xã hội, chính trị trong thời đại mới.

Trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật có nhiều điểm mới lạ, nhất là hội hoạ. Phái ấn tượng đã có chỗ đứng vững chắc. Hoạ sĩ trọng bản ngã, cái hoang dã, những cảm xúc thẩm kín mà trước đây người ta không dám thổ lộ: chẳng hạn những bộ mặt xấu xí, dị hờn... Con người vốn có khuynh hướng che dấu những động cơ thực sự bên trong của mình, nhất là do tính dục. Nhiều bệnh tâm thần có liên quan đến rối loạn bản năng tính dục và tính bạo lực.

Xã hội công nghiệp phát triển phương Tây đã đạt tới giai đoạn tột cùng của nó và đang sa vào cuộc khủng

hoàng dẫn đến sự suy tàn tất yếu. Marx nói: “*Những thắng lợi của kỹ thuật dường như đã được mua bằng cái giá của sự suy đồi về mặt tinh thần. Con người bị tước mất cái mặt tinh thần vì bị hạ thấp xuống trình độ những lực lượng vật chất đơn thuần*”. Con người bị phi nhân vị hoá trong nền văn minh kỹ trị. Nếu thế kỷ 19 là thế kỷ tàn bạo chống lại con người, thì thế kỷ 20 là thế kỷ tha hoá con người.

Từ thập niên 60 của thế kỷ 20 trở lại ở các nước công nghiệp phát triển phương Tây bắt đầu thời kỳ giải phóng cá nhân, cách mạng tình dục, gia tăng tỷ lệ tội phạm, ly hôn, tăng số trẻ em ngoài giá thú, nghiện ngập ma túy. Đó là bộ mặt xã hội trong thời kỳ quá độ từ xã hội công nghiệp sang xã hội “*hậu công nghiệp*”.

Lối sống không lành mạnh đã là nhân tố chính thổi bùng lên ngọn lửa đại dịch thế kỷ HIV - AIDS đe dọa sự tồn vong của loài người. Mặt khác số đông nhân loại phải đối diện với mặt trái của xu hướng toàn cầu hoá trước thời gian, trước khi có khả năng cạnh tranh tương đối đồng đều ở các châu lục, do đó khoét sâu thêm hố ngăn cách giàu nghèo trên quả đất.

Vấn đề nội bộ thứ 3 là các cuộc xung đột xảy ra liên miên: Xung đột quyền lợi, xung đột sắc tộc, xung đột tôn giáo... Cứ tưởng các cuộc thập tự chinh, thánh chiến, chiến tranh nóng, chiến tranh lạnh đã vĩnh viễn lùi vào quá khứ. Nhưng thực tế đâu phải! Hình như có một quy luật song song tồn tại. Đó là có áp bức thì có đấu tranh. Hình thức đấu tranh cao nhất là vũ trang. Tuỳ theo thực lực mà người ta chọn hình thức nào thích hợp. Kẻ mạnh thì tuyên chiến堂堂 hoàng, áp dụng chiến tranh hiện đại. Người yếu, nhưng căm thù mạnh, thì chọn hình thức chiến

tranh không công khai, thậm chí cầm tù. Sự kiện ngày 11 tháng 09 năm 2001 ở Hoa Kỳ là chiến tranh không có tuyên chiến và được gọi là “*khủng bố*” dã man vì giết hại hàng ngàn dân thường vô tội. Các cuộc khủng bố với quy mô khác đã từng xảy ra từ thế kỷ XI với cha đẻ của chúng là Hasson Bin Sabbah thuộc nhóm Hội giáo ly khai. Xuất phát từ cái gọi là “*Tổ đại bàng*” nằm trên dãy núi đá Elburz. Nhưng chỉ sau khi nhắm vào các thành trì của nước Mỹ vào năm đầu thế kỷ XXI thì sự việc mới có tầm vóc nghiêm trọng nhường ấy. Các cuộc khủng bố trước đó không những không bị thế giới lên án một cách tập thể, mà có nơi có lúc chúng còn được dung dưỡng khuyến khích vì những mục đích ích kỷ, đen tối. Tuy nhiên cho đến lúc này danh từ “*khủng bố*” vẫn chưa được thế giới định nghĩa một cách thống nhất và cũng chưa có hứa hẹn nào là hiện tượng khủng bố đã được dẹp tắt, chừng nào trên thế giới vẫn ngự trị sự bất công, bá quyền, áp bức. Cũng như chừng nào tính mạng của những người dân vô tội còn bị đe dọa thì cuộc sống hoà bình hạnh phúc trên thế giới chưa thể có. Đúng như một câu ngạn ngữ châu Âu nói: “*Hoà bình gầy còn hơn chiến tranh béo*”. Chiến tranh chỉ béo bởi cho những kẻ lái súng và những tín đồ của các loại chủ nghĩa cực đoan khác nhau. Loài người cần một nền hoà bình mà có lợi cho tất cả mọi người. Chung quy vận mệnh loài người nằm trong tay của chính con người và chỉ có con người mới có khả năng định đoạt.

Blaise Pascal, một nhà bác học tư tưởng Tây phương thế kỷ 17 viết: “Con người là một cây sậy yếu ớt nhưng có tư tưởng”. Nhưng than ôi, nền văn minh Tây phương hiện đại với nội dung chủ yếu là văn minh vật chất, văn minh khoa học, văn minh tính toán, văn minh thực dụng, làm

cho tư tưởng con người ngày càng trở nên thô thiển hơn, nghèo nàn hơn, khô héo hơn. Nền văn minh Tây phương dựa trên căn bản nhị nguyên luận - sự phân biệt chủ thể và khách thể. Chủ thể luôn luôn có khuynh hướng chinh phục khách thể. Vì thế người Tây phương có xu hướng thích chinh phục. Nền văn minh Đông phương dựa trên căn bản nhất nguyên luận - chủ thể và khách thể là một, âm dương tuy đối lập nhưng hài hoà trong thái cực. Do đó có thể thấy ngay rằng tư tưởng Đông phương hạn chế mọi xu hướng thoái quá của tư tưởng Tây phương.

Châu Á vươn lên gần bằng Tây phương về văn minh vật chất. Giờ đây dường như nền văn minh Tây phương đang đạt tới thái cực, khoa học đang tạo ra những sản phẩm ngang với *"kỳ công của Thượng đế"*. Những xã hội có nguy cơ lâm vào khủng hoảng, chiến tranh, tội ác, bất công, cạnh tranh, đạo đức... Đây là lúc Đông học có tác dụng như một cơ chế hãm, cơ chế điều chỉnh, cơ chế hài hoà. Có lẽ vì thế mà ngay tại chính Phương Tây đã và đang xuất hiện xu thế quan tâm đến Đông học, nhìn nhận trở lại các giá trị tinh tuý của Đông học như một sự tái khám phá. Cuốn *"Đạo của vật lý"* của F.Capra là bằng chứng bước vào thiên niên kỷ mới. Nhà xuất bản Marshall Editions của Anh đã ấn hành một tài liệu tổng kết toàn bộ nền văn minh Tây phương từ cổ chí kim nhan đề *"Ideas that shaped our world"* (nghĩa là Những tư tưởng định hình thế giới của chúng ta). Trong lời mở đầu của cuốn sách viết: *"Chúng ta đã thực sự trở thành chủ nhân ông của hành tinh, nhưng là chủ nhân của sự tàn phá - sử dụng các hạt của thế giới vi mô, tạo ra một cuộc khủng hoảng toàn cầu chưa từng thấy. Ngày nay chúng ta chứng kiến một xu thế chống đối lại khoa học. Xu thế này kết tội*



rằng chúng ta đang lao xuống vực thẳm trong một tương lai chỉ toàn gặp lại những vấn nạn cố hữu của bệnh tật, đói nghèo và chiến tranh. Việc đốt nóng bầu khí quyển, vũ khí hoá học, nguy cơ bùng nổ chiến tranh hạt nhân, bệnh dịch như Ebola, AIDS. Tất cả đều là sản phẩm song hành của khoa học trên con đường phát triển”.

Albert Einstein viết *“Hãy thận trọng đừng biến trí tuệ thành chúa của chúng ta, nó có sức mạnh cơ bắp và phi nhân tính”.*

Theo nguyên lý bất định của Heisenberg, nhà vật lý lượng tử nổi tiếng, thì được cái này, mất cái kia. Nếu tôi giàu có thêm thì e rằng tuổi thọ của tôi sẽ bị giảm.

Nguyên lý bất định của Heisenberg thực ra là một nguyên lý kinh điển của Đông học: Trong dương có âm, trong hoạ có phúc, bĩ cực rồi đến thái lai. Những người thiếu cận cho đó là những nguyên lý mơ hồ. Nhưng những người hiểu biết thì có thể vận dụng nó trong mọi trường hợp. điều quan trọng nhất của Đông học là ở chỗ luôn luôn điều chỉnh mọi biến thiên về vị trí trung hoà, vị trí cân bằng của mọi dao động.



PHẦN III

THẾ GIỚI BÊN KIA

Gọi "Thế giới bên kia" là không gian đa chiều với vật chất mịn vô hình. Sau khi rời khỏi thân thể vật lý, các thân thể tế vi đa chiều của con người sẽ tồn tại ở đó vĩnh hằng, song song với thế giới ba chiều.

NGHIÊN CỨU CÔI ÂM

"Nếu ta không tin vào những điều kỳ diệu, huyền bí, thì chẳng khác nào ta đã chết rồi".

Einstein

Trong lịch sử sự tồn tại của loài người trên quả đất đã có khoảng 70 tỷ người đi qua cửa tử, tức là nhiều gấp trên 10 lần so với dân số thế giới hiện nay. Ngoài quy luật muôn đời đã được chấp nhận - "Cát bụi trở về với cát bụi" - chắc ai cũng muốn biết kiếp con người sẽ ra sao sau cái chết sinh vật?

Dù chưa có ai sống lại sau cái chết sinh vật để kể cho chúng ta nghe về tình hình hiện tại của họ, song người tinh khôn (Homosapiens) đã biết cách lược lặt thông tin qua những kênh khác nhau để vẽ ra cho mình bức tranh khá đầy đủ của thế giới cõi âm, viễn cảnh của mỗi chúng ta.

Nguồn thông tin đầu tiên đến từ những người chết lâm sàng sống lại, hoặc những người đã trải qua những tai nạn nguy hiểm đến tính mạng, những người trải qua những stress nghiêm trọng, hoặc dưới sự tác động của những tác nhân nào khác mà ta không biết, mà hôm trước hôm sau họ trở nên có những khả năng đặc biệt mà người bình thường không có. Giác quan thể vía của họ khai mở làm cho họ có khả năng quan sát cõi giới vô hình, tiếp xúc được những người đã chết.

Nguồn thông tin thứ hai đến từ các Lạt-ma, Thiền sư ở Tây Tạng, một phái Phật giáo được phổ cập ở đây từ thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên, chuyên nghiên cứu về cõi âm. Tiến sĩ vật lý Hamoud (Ả Rập) đã tu luyện ở đây hơn 10 năm trước khi có khả năng tiếp xúc với người âm.

Nguồn thông tin thứ 3 đến từ đại chúng trải nghiệm ấn tượng về cõi âm qua những giấc mơ tâm linh, linh cảm và trực giác, ở phương Đông cũng như phương Tây trên khắp thế giới.

Nói nghiêm túc thì không ai biết chắc các thông tin nói trên đúng cả hay sai cả. Khổng Tử đã từng nói: *"Coi người chết như chết hẳn là bất nhân, không thể làm. Coi người chết như sống thật là bất tri, không thể làm. Vậy cần có một con đường trung dung trong cách đối xử với người đã chết..."*.

Thiết tưởng những truyền thuyết, những giáo lý nào giúp con người hướng thiện ngay lúc còn sống trên trần gian thì đều bổ ích cho một đời sống tinh thần lành mạnh và cần được trân trọng. Trên tinh thần ấy chúng ta thử tham khảo quan điểm của TS. Hamoud, người Ả Rập, đậu Tiến sỹ Vật lý ở Đại học Oxford ở Anh Quốc, tu luyện 10 năm ở Viện Lạt Ma ở Tây Tạng về nghiên cứu thể giới cõi âm, với tư cách nhà Khoa học Vật lý siêu hình.

Theo TS. Hamoud thể vía làm cây cầu cho tâm thức. Mọi sự va chạm, rung động, cảm xúc bên ngoài do hệ thần kinh giao cảm được thể vía chuyển vào tâm thức, sau đó mới ghi nhận ở trí não. Thể vía luôn rung động để đáp ứng với hoàn cảnh xung quanh, vì thế nó rất nhạy cảm với các rung động của bản năng, dục vọng, ham muốn, tư tưởng, thanh cao cũng như thấp hèn.

Chế độ ẩm thực có ảnh hưởng lớn đến thể vía. Các loại thực phẩm nặng trọc như thịt, cá, rượu và các chất kích thích khác đem vào thể vía các tố chất nặng trọc. Người tu hành phải từ bỏ các món ăn uống này vì chúng rất có hại cho thiền và quán tưởng. Vì thế người tu hành phải ăn chay và kiêng kỵ.

Thể vía là trung tâm của tình cảm. Một khi tình cảm trong sạch vị tha, bác ái, thì điều đó có nghĩa là các tố chất thanh nhẹ đã được hấp thụ, các chất nặng trọc đã được đào thải.

Sau khi chết con người bước từ cõi trần gian vào cõi Trung giới vô hình. Cõi này gồm 7 cảnh giới khác nhau. Sự phân chia sắp xếp các cảnh giới cũng tuân thủ các Định luật khoa học tự nhiên nghĩa là cái nhẹ ở trên cái nặng ở dưới, các nguyên tử nhẹ rung động nhanh hơn các nguyên

tử nặng trọc. Tuỳ theo vía con người thanh cao hay nặng trọc mà sau khi chết sẽ thích hợp với một trong 7 cảnh giới ngay từ đầu. Nói cách khác tuỳ theo nhân cách, tư tưởng, đạo đức, lối sống của người ta khi sống trên trần gian mà sau khi chết họ đến với cảnh giới tương ứng.

Cảnh giới thấp nhất, nặng nhất là cảnh giới thứ 7. Ở đây đầy bóng tối, nặng nề. Các vong linh có hình dáng kỳ dị, vì họ bị dày vò bởi những dục vọng không được thoả mãn bản ngã, ích kỷ, ghen tuông, hờn giận... Đa số vong linh có hình dáng như khi sống, nhưng mờ mờ không rõ. Vì sự rung động của nguyên tử giống như côi Trần nên họ hay trở về côi Trần, nhập vào đồng cốt trong các buổi cầu hồn, cầu cơ...

Theo thời gian, các rung động ham muốn, cố chấp danh vọng tan biến dần và họ thăng lên cảnh giới thứ 5.

Sau khi lưu lại ở mỗi cảnh giới một thời gian, lớp vỏ bọc bên ngoài thể vía tan dần dần. Đến lúc ấy sẽ tuỳ ở các lớp nguyên tử bên trong mà sẽ thích ứng với một cảnh giới khác nhẹ hơn.

Cứ như thế theo thời gian con người tuần tự tiến lên những cảnh giới cao hơn.

Cảnh giới thứ 1 là cảnh giới cao nhất, cấu tạo bằng những nguyên tử hết sức thanh cao, rung động rất nhanh và tràn đầy ánh sáng. Đây là côi giới của những người đạt đến trình độ siêu đẳng, tế nhị, không còn dục vọng, chuẩn bị từ bỏ Trung giới hay còn gọi là siêu thoát. Thể vía phải hoàn toàn tan rã hết thì vong linh mới lên côi Thượng Thiên.

Đó là sự diễn biến bình thường của số đông sau khi chết thọ hay chết cái chết tự nhiên. Đối với một thiểu số

người chết yếu, bất đắc kỳ tử, sự diễn biến phức tạp hơn. Vong linh không chấp nhận mình đã chết, cố bám lấy sự sống ở trên đời. Vì thế họ cứ nguyên tình trạng giống như khi còn sống, trong khi họ đã ở cõi âm.

Theo “*Kinh thập nhị phẩm sinh tử*” người chết theo kiểu “*Bất đắc kỳ tử*” như đâm chém, tai nạn giao thông, lửa thiêu, nước cuốn, đói khát... thì khi chết trong lòng đầy oán thù, khó thiên niệm, dễ oán trời, hại người.

Trường hợp chết vì tai nạn giao thông thì vong linh rất oán hận nên cứ vẫn ở nơi xảy ra tai nạn để tác động lên tinh thần người lái xe khiến họ làm đổ xe và chết cho hả giận. Rốt cuộc ở nơi đó có nhiều cái chết tiếp tục xảy ra.

Vong linh của những người chết đuối oán giận cứ tìm cách làm cho những người khác chết theo để trả thù.

TS. Hamoud kể về trường hợp bị giết về ghen tuông. Ở thành phố Calcutta (Ấn Độ) có một gia đình có một con dao cán gỗ rất đẹp, hễ ai cầm lên cũng có ý định giết người. TS. Hamoud đã cầm thử con dao ấy mà quả nhiên thấy trong người bị kích động lạ thường. Nhờ đã được khai mở giác quan thể vía nên ông tiến sĩ nhìn thấy một vong linh hung tợn đang giận dữ. Nhờ các bạn bè cõi âm Tiến sĩ tiếp xúc được với tư tưởng vong linh ấy và biết câu chuyện tình như sau: vợ y đã ngoại tình với người bạn thân của y nên y dùng con dao ấy đâm chết cả hai. Sau đó có một người khác đã dùng con dao ấy đâm chết y. Sau khi chết, lòng oán hận không nguôi đã khiến y quanh quẩn bên con dao cán gỗ để kích động bất cứ ai sử dụng nó.

Những người lúc còn sống có thú tính mạnh mẽ sau khi chết hình dạng vong linh của họ biến đổi theo tư tưởng nên có hình dáng ghê rợn khác thường, nửa người, nửa

thú, mà người ta thường gọi là quỷ sứ. Chúng luôn luôn oán hận, ham muốn, thường hay tìm cách trở về cõi trần. Tùy theo dục vọng riêng tư mà chúng tụ tập quanh các nơi có những thứ họ thích thú. Nào là ma đói ma khát thì quanh quẩn bên các chónh cao lâu tửu quán, nơi giết mổ các súc vật để tìm các rung động theo những khoái lạc vật chất tại đây. Khi một người ăn uống ngon lành họ có các rung động khoái lạc thì loài ma tìm cách hưởng thụ theo những rung động này. Nào là ma dục tình thì quanh quẩn nơi buôn hương bán phấn và rung động theo những khoái cảm của những cặp trai gái. Nếu gặp những người nết rượu, tiêm chích ma túy thì ma men tìm cách nhập vào họ trong chốc lát để hưởng một chút khoái lạc vật chất dư thừa. Chẳng nào mà các vong linh này còn bị các dục vọng sai khiến, các ham muốn vật chất dày vò, thì không những họ không được thoả mãn mà còn khổ sở thêm. Họ không được “an giấc ngàn thu”.

Chính vì thiếu hiểu biết về vòng luân hồi, cũng như về “Đời sống” ở cõi âm nên nhiều người trong khi còn sống trên trần gian đã sống tùy tiện, bừa bãi, vô nguyên tắc mà hậu quả họ phải gánh chịu ở cõi âm. Một phần vì họ quá tin tưởng vào giác quan phạm tục nên coi thế giới phạm tục là thật, là tất cả, còn cõi âm là hư vô, là không thật, không đáng quan tâm.

Như trên kia đã nhấn mạnh, tùy theo tư tưởng, nhân cách, dục vọng của người lúc còn sống trên trần gian ra sao, mà sau khi chết họ đến những cõi giới tương ứng. Như vậy về thực chất con người là sinh linh có toàn quyền định đoạt số phận của mình khi sống cũng như sau khi chết. Nếu ta chấp nhận rằng các dục vọng tư tưởng khi còn sống tạo ra sẽ bay vẩn vơ tác động lên vong linh cho đến khi

sinh lực của họ hao mòn tan rã, thì sẽ thấy vấn đề chuẩn bị tư tưởng và lối sống ở trần gian là hết sức quan trọng và cần thiết. Nếu lúc sống tư tưởng, dục vọng chỉ toàn nhằm vào vật chất thì dĩ nhiên hoàn cảnh cá nhân sẽ hết sức bị dật, vì vong linh không còn thoả mãn chúng được nữa. Vong linh sẽ đau khổ về bài học về sự chế ngự dục vọng để may ra áp dụng trong một số kiếp sống tương lai. Nếu trong đời sống hàng ngày trên trần gian con người không có một đời sống tinh thần, thì khi chết họ sẽ ở một cảnh giới hết sức buồn bã, vô trị, bất động, Cho đến khi họ ý thức được nhu cầu hăng hái hơn ở một kiếp khác.

Theo quy luật các vong linh trải qua các cảnh giới tương ứng và với thời gian họ sẽ được siêu thoát.

Tuy nhiên có những trường hợp mà linh hồn không được an nghỉ.

Trước hết phải kể đến những người chết đột ngột. Vong linh không chấp nhận rằng mình đã chết nên cố gắng bám lấy sự sống ở trên đời... Vì thế họ cứ ở nguyên tình trạng khi còn sống trong khi họ đã ở cõi âm, nên không có gì rõ ràng hết. Hồn ở cõi âm, nhưng tư tưởng vẫn ở cõi trần, nên hơn ai hết họ cần được hướng dẫn, khuyên bảo. Vì lẽ đó từ cổ chí kim đã có chuyện cầu siêu cho vong linh bơ vơ lạc lõng này. Cầu siêu có lợi vì nó chứa đựng một sức mạnh tư tưởng vô cùng mãnh liệt.

Vấn đề cầu siêu cho một oan hồn thì không phân biệt tôn giáo và cũng không cần theo một nghi thức nào nhất định, mà chỉ cần người thân ở cõi dương tập trung tư tưởng, hết sức chú tâm cầu nguyện. Tôn giáo nào cũng có nghi lễ riêng, nhưng nghi lễ nào cũng tốt nếu thực hành thành tâm. Nên cầu nguyện trong 49 ngày liền vì đây là



lúc người chết đang ở trong trạng thái hoang mang, sự cầu nguyện khiến vong linh họ trở nên sáng suốt hơn, hiểu biết để dễ siêu thoát.

Đó là chuyện có thể xảy ra ở cõi âm. Nhưng không phải chỉ đến lúc đó mới biết. Những dấu hiệu báo trước một kết cục bi quan như thế đã có thể nhìn thấy qua cách chết. Chỉ cần một lần chứng kiến một cái chết đau đớn thì tự nhiên bật lên lời cảm thán: *“Cuộc đời ta chẳng mutu cầu gì cả, chỉ cần thiện chung là tốt lắm rồi”*. Theo sách Kinh Thi thiện chung là một trong ngũ phúc (trường thọ, phú quý, khang ninh, hiếu đức, thiện chung).

Thiện chung nghĩa là khi lâm chung không gặp tai họa, thân thể không đau đớn vì bệnh tật, lòng không vương vấn và phiền não, ôn hoà tự tại rời khỏi trần gian.

Thiện chung không thể dựa vào may rủi, mà nhất định phải tu luyện về phúc tuệ, có lòng hiếu đức, tâm linh yên tĩnh.

Có 3 điều kiện để có thiện chung: không làm điều ác, làm nhiều việc thiện, giữ cho tâm thanh tịnh. Tùy theo sự thành công của tu dưỡng khi còn sống ở trên đời mà có thể đạt một trong 3 cấp độ của thiện chung:

“Tiểu thiện chung” là không bị chết bất ngờ hoặc bị tai nạn, không bệnh mà chết.

“Trung thiện chung” là không bị hành hạ khổ sở, bệnh tật, trong lòng không oán hận, không ân hận, ngẩng mặt không thẹn với Trời, cúi xuống không hổ với Đất, yên lòng mà ra đi.

“Đại thiện chung” là tự biết thời gian nào mình sẽ ra đi, lòng không vương vấn, đó mới là một cuộc đời viên mãn.

GẶP LẠI NGƯỜI THÂN ĐÃ CHẾT

Không phân biệt người thuộc dân tộc nào, tôn giáo nào, từ xưa đến nay có không biết bao nhiêu chuyện kể về những cuộc gặp lại người thân đã chết. Một công trình điều tra công phu cho thấy khoảng 1/4 dân số Mỹ và 1/3 dân số Châu Âu trả lời rằng trong đời họ ít nhất đã có một lần gặp gỡ với hồn ma.

Theo họ kể thì những cuộc gặp mặt với người thân đã qua đời đã để lại những ấn tượng sâu sắc. Không những họ thấy, mà họ còn nghe, cảm nhận, đôi khi còn ngửi mùi quen thuộc. Điều đó chứng tỏ những người thân thâm nhập sâu xa biết chừng nào vào tiềm thức của chúng ta... Thật vậy, mối quan hệ sâu sắc đến mức có thể nghĩ rằng người sống vẫn tiếp tục có quan hệ không ngắt với người đã qua đời dưới hình thức này hay hình thức khác.

Từ thuở xa xưa con người đã tìm phương pháp tiếp cận để tìm hiểu và giải quyết nhu cầu tình cảm đối với người thân đã khuất. Thời cổ Hy Lạp những người gọi hồn đã tạo ra cái gọi là psychomanteum. Tại đó người sống gọi hồn người chết về để hỏi han và xin ý kiến giúp đỡ, xin phù hộ cho cuộc sống... Tập tục ấy đã đi vào đời sống tinh thần và văn hoá của thời thượng cổ và lưu truyền đến tận ngày nay.

Khi người thân chết, phần thể chất biến mất, nhưng phần hồn của họ tiếp tục chiếm một phần sống động và quan trọng trong trí não người thân còn sống để gặp lại họ thì việc có thể làm duy nhất là tìm con đường đi đến cõi vô thức của mình. Để làm việc đó người ta đã tìm ra phương

pháp nhìn chăm chú vào mặt gương (NMG) trong một môi trường xung quanh có chuẩn bị đặc biệt. Phương pháp này đã được trải nghiệm ở phương Tây và có thể đạt được ít nhất hai mục đích:

1. Bởi lẽ phần lớn những gì xảy ra trong trí não con người thì đồng thời cũng xảy ra trong tiềm thức, nên nhờ phương pháp này có thể tiếp cận với tiềm thức.

2. Nhờ phương pháp này các nhà tâm lý học có thể tìm hiểu thế giới nội tâm của người.

Một nhà nghiên cứu phương pháp nhìn mặt gương đã kể lại kinh nghiệm của chính mình như sau:

Tôi đã lâu khao khát muốn gặp lại bà ngoại đã mất khá lâu. Tôi sinh ra trong thế chiến thứ hai, trong lúc cha tôi còn ở ngoài mặt trận. Bà ngoại đã cùng mẹ tôi chăm sóc nuôi nấng tôi. Cho nên tôi có cảm tình đặc biệt với bà ngoại. Thế là tôi quyết định thử vận may gặp lại bà ngoại nhờ phương pháp nhìn mặt gương.

Hôm ấy cả nhà tôi chuẩn bị cho việc đó: Xem các album có ảnh của bà, cố nhớ lại từng chi tiết trong khoảng thời gian sống với bà. Hoàng hôn buông xuống. Tôi đi đến một nhà nhỏ dùng làm nơi gặp gỡ hồn ma, mà tại đó ở một góc nhà đặt một cái gương lớn. Tôi đã chăm chú nhìn mặt gương như tôi đã từng hướng dẫn cho người khác và họ đã gặp được người thân ở thế giới bên kia. Nhưng đến lượt tôi thì tôi chẳng thấy gì cả. Tôi bắt đầu hoài nghi về tính khả thi của phương pháp. Thế rồi sau đó một buổi chiều vào lúc hoàng hôn: Tôi đang ngồi một mình trong cái buồng đặc biệt ấy thì bỗng có một bà già bước vào. Mới nhìn thoáng qua tôi nhận ra một gương mặt quen. Nhưng mọi chuyện xảy ra bất ngờ đến mức tôi phải mất một thoáng

thời gian để định thần trước khi có thể chào bà và mất thêm một thoáng nữa để có thể nhận ra bà là bà nội mất cách đó 3 năm. Tôi giơ tay lên và kêu to: Bà nội. Trong khoảng khắc ấy tôi nhìn thẳng vào đôi mắt bà, lòng hơi sợ. Bà gọi tôi theo tên gọi tục hời còn nhỏ một cách dịu dàng thân ái hơn lúc bà còn sống. Những kỷ niệm về bà thật ra không phải toàn là những điều dễ chịu cả.

Nhưng bây giờ trước mặt tôi bà nội đã là một người đã thay đổi theo hướng tốt hơn. Bà đối xử với tôi dịu dàng chưa từng thấy. Bà trông trẻ ra so với khi bà mất. Nhưng nhận ra bà không khó và tôi đã nhận ra ngay. Bà không phải trong suốt hoặc giống như cái bóng như nhiều người tưởng thế. Ngược lại bà còn nguyên vẹn, khỏe mạnh, không khác một người bình thường, trừ một đặc điểm là bà được bao quanh bởi một thứ hào quang đặc biệt. Cho nên có vẻ như vẫn bị cách ly với môi trường vật lý xung quanh.

Sau lần gặp ấy tôi không còn những kỷ niệm khó chịu về bà như trước và tôi rất sung sướng về điều đó.

Là người đã trải nghiệm trạng thái biến đổi của ý thức tôi có thể khẳng định rằng tôi đã nhìn thấy bà tôi như trong đời thật trong khi tỉnh táo như tôi vẫn thấy trong đời từ trước đến nay. Nếu tôi lại cho rằng đó chỉ là ảo giác (hallucination) thì tôi cũng phải thừa nhận cả cuộc đời tôi đã sống qua là ảo giác. Mà điều đó không phải như vậy.

Theo học thuyết của Freud thì trong đời sống hàng ngày có những cung bậc của lý trí người ta không nhận thức được. Một trong những hiện tượng đã được biết đến là sự biểu hiện cảm giác hốt hoảng khi những ý nghĩ khó chịu, những ký ức không hay ho, những xung động đe dọa

chuyển biến từ vô thức thành ý thức. Freud gọi hiện tượng lan tràn ấy là tín hiệu báo động. Một trong các nguyên nhân tại sao người không khuyến khích sử dụng phương pháp tìm gặp người đã qua đời bằng phương pháp nhìn mặt gương là sợ xảy ra tín hiệu báo động đã nói ở trên, tức là sợ hiện tượng lan tràn từ vô thức sang ý thức. Điều đó có nghĩa là những ký ức vô thức hoặc những cảm xúc vô thức bộc lộ ra bên ngoài thì đó là điều mà người ta sợ. Người ta cũng sợ rằng con người mất đi khả năng chế ngự bởi những bản năng từ cõi vô thức xuất hiện ở khu vực ý thức chỉ đạo hành vi con người.

Trong phương pháp nhìn gương đúng là những ý nghĩ từ cõi vô thức hiện lên trên bề mặt, nhưng điều đó không có hại như một số người nghĩ.

Từ xưa đã có phương pháp nhìn vào mặt nước để tạo ảo ảnh. Hoặc chén nước lóng lánh, một mặt phẳng óng ánh... đều có thể tạo được ảo ảnh. Cho nên luật lệ nhà thờ đã cấm dùng các phương pháp ấy để tiếp xúc với hồn ma quỷ... Như vậy nhà thờ cũng tin rằng phương pháp nhìn mặt gương phẳng có thể tạo ra những cuộc gặp mặt với người ở cõi âm.

Hiện tượng nhìn mặt gương (NMG) làm cho nhiều người hoang mang vì nó làm đảo lộn ý niệm thực và hư trong văn hoá của chúng ta. Những người đã trải nghiệm NMG không hiểu nổi điều gì đã xảy ra. Chỉ có điều họ tìm thấy ý nghĩa to lớn của những hình ảnh mà họ đã được nhìn thấy trong gương. Cũng như giấc mơ NMG có ý nghĩa thật sâu sắc. Có lẽ NMG không phải là hư, mà nó là phương tiện hữu hiệu hơn giúp người ta đi sâu vào cái thực đích xác.

Ngày nay vẫn có thể đến thăm quan với tư cách người du lịch nhà gọi hồn đầu tiên ở Hy Lạp cách đây hơn 2.000 năm ở một thành phố nhỏ mang tên Kanaliki. Nhà gọi hồn Necromanteum tồn tại từ thời Socrat. Thay vì mặt gương phẳng người ta có thể dùng một cái chảo lớn chứa đầy nước.

Trong những trường hợp khác người ta dùng một mặt phẳng lóng lánh hay một cái chén bạc đựng đầy rượu. Đó đều là những dụng cụ có ý nghĩa như mặt phẳng gương mà nhờ nó có thể tiếp xúc và tham khảo ý kiến của người đã khuất.

Ở Bắc Mỹ, người da đỏ Panpauny đã dùng bình đất sét miệng rộng và đổ đầy máu súc vật. Ở Ai Cập cận kim người ta đổ đầy mực đen vào cái đĩa. Người Sa man ở Bắc Phi thì dùng ấm pha trà đổ đầy nước. Một bộ tộc Tây Phi có tên là Bviti thì uống một thứ lá cây, sau đó nhìn chăm chú vào mặt phẳng gương thì họ tin rằng đầu của họ được mở ra để cho hồn bay đi gặp người thân đã mất.

Trong chuyện Ả Rập "*Ngàn lẻ một đêm*" có câu chuyện nổi tiếng *Aladin và cây đèn thần*. Cây đèn làm bằng thủy tinh bóng loáng khi người ta xoa xoa vào cây đèn thì có thể gọi một vị thần rất thiêng toàn năng có thể giúp người ta thành đạt những ước nguyện.

Người xưa thông qua hình ảnh xuất hiện trên mặt gương có thể tiên đoán những sự kiện trong tương lai. Chuyện xảy ra với tổng thống Mỹ Lincoln trong cuộc bầu cử tổng thống 1864. Vào một buổi tối Tổng thống mệt mỏi ngã lưng xuống một chiếc ghế sofa đặt cạnh một gương lớn. Bỗng ông nhìn thấy hai hình ảnh của mình trên gương: Một hình như thật, còn một hình nhợt nhạt như

bóng ma. Tổng thống không hiểu điều này có ý nghĩa gì? Ông bèn kể lại cho vợ nghe. Bà giải thích theo cách bà hiểu. Bà nói ông nhà sẽ trúng tổng thống nhiệm kỳ thứ hai và ông sẽ mất trong khi làm việc. Lời tiên tri của Bà đã thành sự thật trong lịch sử các đời Tổng thống Mỹ, ông tái đắc cử 1864, nhưng bị ám sát 15/4/1865.

Trung tâm gọi hồn đương đại (Psychomanteum) thì thế nào?

Edgar Allan Po nói: *"Những ai mơ ngủ ban ngày thì nằm bất được nhiều điều mà những người lơ mơ ngủ ban đêm dễ tuột mất"*.

TS. William Roll - một trong những chuyên gia hàng đầu thế giới về NMG đã nói ông chưa bao giờ thấy ai bị tai hại do thủ thuật NMG, ngược lại nó đã làm cho nhiều người trút bỏ được đau khổ trong tâm tương, hoặc ít nhất cũng được an ủi đáng kể.

Dựa vào kiểu nhà gọi hồn cổ điển thời cổ Hy Lạp Reimond Moudy đã tự tạo ra một nhà gọi hồn hiện đại hoá.

Trong nhà có một phòng đặc biệt dành để đặt tấm gương. Gương có hình chữ nhật cao 1,22m, rộng 1,07m... gương đặt ở một góc phòng cao hơn mặt đất 0,915m.

Một chiếc ghế bành đặt trước gương, một khoảng cách bằng 0,915m, đầu có thể tựa vào ghế bành có chiều cao 0,915m ngả ra phía sau. Sở dĩ phải có những kích thước và khoảng cách như vậy là để người ngồi nhìn gương thoải mái và chăm chú trong một thời gian kéo dài và không nhìn thấy hình của chính mình trong gương. Một khoảng tối ở đằng sau người ngồi trên ghế bành được tạo nên bởi một ridô bằng nhung đen. Ridô treo trên que nhôm uốn

cong làm sao để vừa ôm lấy chiếu gương và ghế bành. Ngay đằng sau đặt một cây đèn 15W, bóng đèn sơn màu đỏ. Để cho ánh sáng của cây đèn này không lọt ra ngoài thì cửa sổ phải có riđô vải dày để chắn ánh sáng. Khi trong nhà tắt hết đèn khác thì chỉ còn lại ánh sáng mờ mờ của cây đèn này thôi.

Trước khi bước vào phòng gương người khách phải trải qua một thời gian chuẩn bị ở một phòng bên cạnh. Trong thời gian chuẩn bị người ta phải tập trung tư tưởng, nhớ lại những kỷ niệm với người chết một cách chi tiết, xem album, những vật kỷ niệm.

Khi hoàng hôn đã đổ xuống là lúc mà người khách được đưa vào phòng gương. Dưới ánh sáng mờ ảo người khách ngồi ở ghế bành nhìn đăm chiêu vào gương để cho người thư giãn, chỉ tập trung ý nghĩ vào người đã chết mà người mình muốn gặp bây giờ. Không quan tâm đến thời gian trôi đi bao nhiêu. Đồng hồ bỏ lại ở ngoài phòng gương. Chỉ người khách quyết định khi nào chấm dứt.

Một người khác đã kể lại kết quả NMG như sau:

“Đó là một người đàn ông muốn gặp lại mẹ mới chết năm ngoái”.

Người này có một kỷ niệm sâu sắc về mẹ mình và rất đau khổ sau khi bà mất. Mặc dầu người đàn ông đã ngoài 40, có địa vị cao trong xã hội.

Sau khoảng 1 giờ ngồi một mình trước gương, ông bước ra từ từ cười hạnh phúc, nhưng nước mắt giàn giụa. Ông kể: *“Không hoài nghi gì nữa. Đó là mẹ tôi. Bà từ gương nhìn tôi. Bà ở tuổi ngoài 70, tức là độ tuổi khi bà qua đời. Nhưng trông khoẻ mạnh, hạnh phúc trước khi thời bà mất”.*

Môi của bà không thấy chuyển động, nhưng bà vẫn nói chuyện với tôi, tôi nghe rõ lời bà. Bà nói: *"Mọi việc của mẹ đều rất tốt đẹp"*. Tôi đã gắng giữ bình tĩnh nhưng tay vẫn run lên, tim đập nhanh. Tôi nói với mẹ: *"Con sung sướng được thấy lại mẹ"*, bà đáp *"Mẹ cũng muốn gặp lại con"* thế là hết, bà biến mất.

Điều làm cho tôi sung sướng là được biết sau khi mất, bà không còn đau đớn khổ sở như trong những ngày cuối cùng. Tôi không biết điều gì đã xảy ra, nhưng đó là mẹ tôi thật.

Kết quả NMG ở nhiều người rất đa dạng. Sau đây là một ví dụ.

Có một người muốn gặp bà quá cố thì lại gặp đứa cháu chết bất đắc kỳ tử. Cách gặp cũng đặc biệt, không nhìn thấy hình xuất hiện trong gương mà chỉ có cảm giác về sự có mặt của cháu. Nghe tiếng nói của nó. Nó nhờ nói lại với mẹ: *"Tình hình cháu vẫn ổn cả. Cháu rất yêu mẹ cháu"*.

Trường hợp đặc biệt khác. Một người đàn bà muốn gặp người đàn ông đã quá cố khi thấy người ông thân yêu xuất hiện trong gương thì người đàn bà đã bật khóc. Người ông bước ra khỏi gương ôm lấy cháu và an ủi: *"Mọi việc ổn cả đừng khóc nữa cháu!"* Đến bây giờ sau khi ông đã biến mất mà tôi vẫn nhớ cái cảm giác ông động vào người tôi rõ ràng, còn giữ hơi ấm của ông... Về khả năng cảm nhận sự đụng chạm với người đã khuất nhờ NMG có đến 13%.

Trường hợp một phụ nữ góa chồng muốn biết ý kiến của chồng.

Vợ chồng tuy còn trẻ nhưng đã có 4 mặt con. Bỗng nhiên chồng bị đột tử vì tai nạn. Tuy đã cố gắng ở vậy thờ chồng nuôi con, nhưng người vợ trong lòng không yên

vì không biết chồng đánh giá công việc chăm sóc con cái của mình như thế nào? Nên không có sự thanh thản trong lòng.

Sau khi trải qua NMG người vợ đã kể lại “Tôi thấy nhiều mây và lửa di chuyển từ góc này đến góc khác của gương. Tôi cứ tưởng trong giây lát nữa tôi sẽ được gặp chồng tôi... Nhưng không thấy. Thay vào đó tôi có cảm giác ông chồng tôi đang có mặt trong không gian quanh tôi. Rồi tôi nghe tiếng anh ấy nói: “Em hãy vui lên, những việc em làm đều đúng cả, em nuôi dạy con giỏi lắm”. Nhưng vì chưa được thấy mặt anh ấy nên tôi muốn lặp lại NMG một lần nữa”.

Trong lần thứ hai cô đã thấy chồng xuất hiện trên gương. Lần này anh tỏ ra xót xa cho hoàn cảnh vất vả nuôi con mọn khó nhọc của tôi. Tôi rất vui sướng về sự thông cảm của chồng. Tôi cảm thấy cuộc sống của tôi được nhẹ nhàng vui vẻ hơn vì tôi có cảm giác chồng quá cố của tôi luôn luôn ở bên cạnh tôi, chia sẻ những năm tháng nhọc nhằn đơn côi của tôi, và của các con chúng tôi...

Mặc dù không cần có phương pháp nào hằng năm có hàng triệu người thấy người thân đã chết khi chiêm bao.

Những người đau khổ vì mất người thân đã cảm thấy đỡ đau khổ hơn. Câu chuyện kể của người đàn ông có con gái chết đuối sẽ cung cấp thêm những hiểu biết cho chúng ta trong lĩnh vực này. Nhà ông ở bên một cái hồ lớn, nước sâu.

Một hôm có người chạy tìm ông báo một tin dữ: con ông chết, người ta đã kéo xác cô bé gái lên bờ, nhưng vì đã muộn không cứu được. Ông chỉ biết khóc và đưa đứa bé vào nhà xác bệnh viện gần đấy và chuẩn bị để vài hôm sau

làm lễ chôn cất. Chính trong thời gian ấy, khi ông đứng trước gương để thắt cà vạt, chuẩn bị ra ngoài cố việc thì đứa con gái xấu số hiện ra đứng bên cạnh ông ở trong gương. Đứa bé mặc quần áo tắm ướt át như lúc nó chết đuối. Nó đưa tay đặt lên vai bố, hôn vào má bố và nói: *Vĩnh biệt bố và biến mất.*

Trong một công trình nghiên cứu NMG trên 300 người đã thu được kết quả như sau: khoảng 1/4 số người đã gặp người thân qua đời khác với người định gặp, khoảng 1/10 hình ảnh ra khỏi gương, và khoảng 1/10 số người tự mình vào trong gương để gặp người thân đã mất. Khoảng 15% nghe tiếng nói của người thân rõ ràng như nghe nói thành lời, nhiều người khác nghe ý kiến người thân theo kiểu truyền đạt tư tưởng ngoại cảm. Gần 25% số người đạt đích gặp người thân sau khi đã rời khỏi buồng gương, ở một phòng khác, ở nhà, ở khách sạn hay ở một nơi nào khác sau đó... Thường là sau khoảng 24 giờ đồng hồ.

Một bà mẹ muốn gặp lại con trai tự tử năm ngoái. Nhưng bà không được gặp con tại nhà gọi hồn. Khoảng mấy tiếng đồng hồ sau đó Bà có mặt ở khách sạn, trong cơn mệt mỏi và căng thẳng Bà ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Đứng vào lúc tỉnh dậy Bà thấy như có sự hiện diện của một người khác ở trong buồng. Bà thoáng thấy bóng một thanh niên, lúc đầu không biết là ai, bóng người ấy về sau trở nên rõ rệt và Bà nhận ra con trai của mình. Tôi nhìn thấy mặt rõ như lúc bình thường. Tôi nghĩ nếu là họa sĩ tôi có thể vẽ truyền thần được khuôn mặt ấy. Điều đó có nghĩa là không phải là một giấc mơ. Tôi thấy người từ đầu gối trở lên, phần dưới không thấy. Con tôi nom trẻ hơn như thể cách đó 10 năm, mặc dầu con tôi mới mất 1 năm....

Những người đã một lần gặp người thân đã mất bằng phương pháp NMG đều có những đặc điểm chung giống như là những người đã chết lâm sàng mà sống lại. Những đặc điểm ấy là: họ trở nên mềm mỏng hơn, dễ hiểu và thông cảm với người khác hơn, ít sợ chết hơn.

Một phụ nữ trẻ khoảng 25 tuổi kể cuộc gặp mặt những người thân đã mất tại nhà gọi hồn với đầy đủ chi tiết như sau: Người mà cô đầu tiên định gặp là người cô ruột - Betti người này lúc chết cô đơn. Người cháu này muốn biết có có khổ sở hiện nay ở bên kia thế giới không. Cô kể rằng thoát tiên ở trong gương xuất hiện những đốm màu sắc trên nền mây mù như khói sương dày đặc, rồi tất cả trở nên sáng rực rỡ và cô đang đi trên một con đường dẫn đến chỗ cô Betti ở. Tôi không thể nói tôi đã vào trong gương vì tôi không nhận thấy điều đó, nhưng tôi tin tưởng rằng tôi đang ở trong một chiều không gian khác thường. Xung quanh có nhiều quang cảnh mà tôi không chú ý. Bỗng nhiên ở bên tay trái tôi xuất hiện 3 người đàn bà đứng cạnh nhau và tôi nhận ra đó là Bà tôi, cô Betti và một người nữa mà cô Betti giải thích đó là người cô của cô Harriet. Tôi nhớ là đã thấy hình người này trong album. Có điều mọi người trông trẻ hơn lúc còn sống mà thấy lần cuối cùng... Chỉ nhìn thấy họ từ đầu gối trở lên. Không thể đụng chạm đến họ được. Nom mọi người tươi tắn, khỏe mạnh, sung sướng hơn chúng ta tưởng... Tôi không nghe thấy họ nói, nhưng hình như tôi hiểu họ định nói gì. Họ nói mọi việc ổn cả, tốt cả và thế là đủ để tôi không phải lo lắng về họ nữa... Tôi sung sướng phát khóc lên được. 'Tôi thấy mừng là họ vẫn còn sống và tôi sẽ có thể tìm gặp lại họ lần sau nữa. Thật vậy tôi đã gặp lại người cô một lần

nữa sau đó, nhưng hoàn toàn tự nhiên, không phải trong nhà gọi hồn.

Trong số những người đến nhà gọi hồn có bác sĩ tâm thần. Sở dĩ nói đến nghề nghiệp của ông này để nghe một nhà chuyên môn tự mình trải nghiệm và đánh giá NMG như thế nào. Người bác sĩ này tìm gặp bố đã mất hơn 30 năm rồi. Ông kể thoát tiên ông thấy tấm gương như phủ đầy bọt. Sau khi bọt tan hết thì ông thấy những hình có cấu trúc hình học. Tôi cảm thấy chóng mặt. Tôi tiến về phía trước như thể tôi bước vào trong tấm gương trước mặt, đi theo một con đường ánh sáng lơ lơ, nhưng ở phía trước một quang xa thì ánh sáng chói chang rực rỡ. Càng gần đến chỗ sáng thì thấy những người đứng trên bệ xây cao như thể ở ga xe lửa có bệ để hành khách lên xuống tàu hỏa. Trong số những người đứng đó tôi nhận ra hai người quen, mà một trong đó là người anh em họ mới chết. Họ nói họ vui mừng khi gặp tôi và còn nói lúc nào đó chúng ta sẽ ở với nhau. Không biết câu ấy nói ra từ phía họ có ý nghĩa gì không.

Người bác sĩ này thừa nhận những người quen trông khoẻ mạnh và dư thừa năng lượng. Ông cũng thấy luôn luôn có vật cản giữa ông và người âm và không đụng chạm được vào nhau và hình như ai cũng biết là không thể vượt qua cái ranh giới tự nhiên ấy. Ông khẳng định những gì ông trông thấy ở cái gọi là vương quốc trung gian này là thực, không phải là hư, là chiêm bao.

Mấy tháng sau đó một người quen của bác sĩ cho tôi biết ông đã chết vì tai nạn giao thông. Phải chăng những người âm khi gặp anh đã nói: *"Một lúc nào đó chúng ta sẽ ở cùng với nhau"*. Nhưng lúc đó ông bác sĩ không hiểu điều đó có nghĩa gì.



Có 3 thể tiếp xúc với người âm phổ biến nhất: nhờ tri giác, nhờ khứu giác, nhờ xúc giác. Thể thị giác biểu hiện bằng cách nhìn rõ hình ảnh của người đã mất. Thể thính giác - nghe người âm nói nhưng không thấy hình ảnh. Thể xúc giác - động đến người âm. Thể thị giác có tần số nhiều hơn cả. Thể khứu giác gặp trong khoảng 27%, thể xúc giác 13%.

Trường hợp sau đây là của một người khách đã qua chết lâm sàng do tai nạn ô tô. Trong vụ tai nạn ấy người em gái bị chết và bây giờ người chị muốn gọi hồn người em để chị em gặp nhau. Người ấy kể lại kết quả như sau: *"Thoạt đầu tôi thấy hình như tấm gương đang cao lên, rồi trong gương xuất hiện những hình thù vô định hình, chốc chốc loé sáng, rồi ánh sáng màu đỏ với đám mây mù màu xanh ở trung tâm. Rồi tôi nghe giọng nói của em gái", "Em đây". Tôi nói bằng tâm tưởng: "Chị muốn gặp em", và nghe trả lời: "Thì em ở đây mà"* Khi ấy tôi thư giãn, nhưng vẫn không thấy được hình ảnh em tôi. Mặc dù tôi cảm nhận rõ ràng sự hiện diện của em tôi ở bên tôi. Khi được yêu cầu so sánh với lần chết lâm sàng và đã gặp cô em đã chết lúc bấy giờ với cuộc gặp gỡ lần này thì người chị nói: *"Thể xác trong thực tế đã ngăn cản sự thể hiện của cảm xúc. Khi hồn tôi ở ngoài thể xác thì cảm xúc của tôi được bộc lộ tự do. Cảm xúc của tôi với cảm xúc của em tôi đã gặp nhau và hình thành một sự tiếp xúc tình cảm trực tiếp. Hơn nữa lúc bấy giờ tôi nhìn thấy hình ảnh em tôi còn lần này chỉ nghe giọng nói của em tôi. Tôi có cảm giác rõ rệt em tôi ghé miệng vào tai tôi mà nói và tôi cũng nhận một cái hôn của em tôi vào má như thể em thường làm lúc còn sống".*

HỘ TỬ

Nghề làm thuốc là một trong số rất ít nghề được nhân dân gọi bằng thầy, cũng như một trong số rất ít nghề được bắt đầu bằng lời tuyên thệ, theo Hypocrat, trước thần Apollo cùng với tất cả các thượng đế và các nữ thần, hay ít nhất lấy danh dự người thầy thuốc ra mà thề rằng người thầy thuốc chỉ trị bệnh cứu người, làm bất cứ điều gì tốt nhất có thể để phục vụ người bệnh, giảm bớt đau đớn, kéo dài sự sống, phục hồi sức khỏe.

Tuy nhiên, trong những hoàn cảnh rất đặc biệt có nơi có lúc người thầy thuốc bị đặt trước một sự lựa chọn nghiệt ngã. Hãy tưởng tượng trước mặt là một bệnh nhân ở giai đoạn cuối cùng của một chứng bệnh nan y. Người bệnh vật vã đau đớn không chịu nổi. Các phương tiện giúp giảm đau đã khai thác hết mà không đạt hiệu quả mong muốn. Người bệnh cầu khẩn bác sĩ giúp cho chết nhanh để thoát khỏi sự tra tấn đau đớn vô vọng, giải thoát cho bản thân và cho cả người thân. Thử hỏi người thầy thuốc phải nghĩ gì và làm gì? Nếu thoả mãn nguyện vọng bệnh nhân thì trái với y đức, vi phạm luật pháp. Khoanh tay để mặc cho bệnh nhân vật lộn với tử thần cho đến khi một cái chết tự nhiên xảy đến thì không ai buộc tội thầy thuốc vi phạm đạo đức. Có lẽ số đông thầy thuốc phải hành xử như vậy. Chỉ một số ít cảm thấy lương tâm dày vò vì chỉ giữ cho bản thân tròn trĩnh, không làm gì để đáp lại lời khẩn cầu của một người bệnh lâm chung bất hạnh.

Do có nhu cầu đặc biệt của một số bệnh nhân gặp hoàn cảnh khó khăn cùng cực, may thay số này không nhiều, và do có những thầy thuốc có tấm lòng thương người đặc biệt đến quên mình, trên thế giới gần đây đã xuất hiện một kiểu thực hành nhân đạo trước khi luật pháp cho phép gọi là "Euthanasia". Đó là việc một số thầy thuốc giúp một số



bệnh nhân nan y đau đớn vô vọng được kết liễu trước khi cái chết tự nhiên xảy đến. Một số thầy thuốc tham gia vụ này đã bị gọi ra toà, nhưng họ đã chứng minh họ không phải là kẻ giết người, họ vô tội. Thậm chí mới đây có quốc gia đã hợp pháp hoá kiểu thực hành này, có quốc gia đang chuẩn bị tích cực để thông qua đạo luật tương tự.

Trong hàng ngũ bác sĩ người ta gọi "*Euthanasia*" là một sự can thiệp y tế. "*Euthanasia*" không phải nhằm giao "*quyền chết*" cho người bệnh, mà nhằm thay đổi luật lệ và chính sách như thế nào để các bác sĩ có thể can thiệp chấm dứt đời sống không còn được mong muốn của một người bệnh theo yêu cầu thiết tha của chính họ. Nói cách khác "*Euthanasia*" không phải là "*quyền chết*" của bệnh nhân mà là "*quyền giết*" của thầy thuốc với những điều kiện khắt khe kèm theo: 1) Bệnh không thể chữa trị được nữa. 2) Người bệnh hấp hối đau đớn mà không còn phương tiện giảm đau hữu hiệu. 3) Người bệnh tỉnh táo, có thẩm quyền đề đạt nguyện vọng của chính mình.

Từ "*giết*" nghe nặng nề và gớm ghiếc làm sao! Nhưng gây ra cái chết của một người khác, dù vô tình hay cố ý, thì theo ngôn từ luật pháp phải gọi là "*giết*", mặc dù nội dung của từ "*giết*" theo *Euthanasia* hàm ý thiện, giết vì thương cảm. Dù sao đó cũng mới chỉ là ngôn từ. Cái chính là đã đến lúc thời thế buộc mọi người phải thành thật khách quan nhìn thẳng vào bản chất của sự việc. Trong công tác điều trị ngày nay đã có nhiều thành tựu, song mặt khác không thể không thấy rằng số người mắc các chứng bệnh nan y còn nhiều. Những người bệnh này ở giai đoạn cuối cùng thường phải trải qua đau đớn dai dẳng không chịu nổi. Sự sống đối với họ đã trở thành tra tấn cần sớm chấm dứt. Ở giai đoạn này trong phác đồ điều trị thầy thuốc không còn thiên về dùng thuốc đặc trị, mà cái

chính bây giờ phải giúp bệnh nhân đỡ đau, được cảm thấy bớt khó chịu, động viên an ủi về phương diện tinh thần và tình cảm... Thuốc giảm đau, cũng như nhiều thuốc khác, có thể có tác dụng kép. Tuỳ theo liều lượng và cách dùng thuốc giảm đau có thể làm giảm đau từ ít đến nhiều và có thể thúc nhanh cái chết của người bệnh. Trong hoàn cảnh khi mà giảm đau được ưu tiên hơn kéo dài sự sống thêm một chút, thấy thuốc cho thuốc giảm đau không chán chừ, không sợ cái chết đến nhanh hơn một chút.

Nếu thấy thuốc không chỉ định thuốc điều trị mới, tiếp tục dùng thuốc cũ, hay ngưng điều trị duy trì, tất cả những quyết định ấy đều ít nhiều can dự vào sự sống chết của người bệnh, là sự can thiệp y tế nằm trong khuôn khổ cho phép và chỉ có lương tâm thầy thuốc biết.

Nhưng việc kê đơn thuốc độc cho người bệnh để tự kết liễu đời mình, hay thậm chí thầy thuốc tiêm thuốc độc để hộ tử cho người bệnh thì vượt quá khuôn khổ y đức truyền thống. Trong lời thề Hypecorat có những điều cấm kỵ trong đó có điều cấm đưa thuốc độc cho người xin nó. Hypecorat cũng đồng thời cấm lấy tiền học phí của người học nghề chữa bệnh. Thời buổi bấy giờ nghiêm thật! Ngày nay chẳng có ai học được nghề gì mà không phải trả học phí. Cho nên ngày nay việc sử dụng thuốc độc cho bệnh nhân trong khi hộ tử cũng đòi hỏi phải được nhìn nhận thoáng hơn, phù hợp với đời sống hiện đại.

Dĩ nhiên việc kê đơn hay sử dụng thuốc độc cho bệnh nhân phải được tiến hành trong những điều kiện công khai, có giám sát chặt chẽ và chỉ nhằm thoả mãn nguyện vọng chính đáng cuối cùng của người bệnh, như người ta dùng "*phát súng ân huệ*" (coup de grâce) để giúp người tử tù khỏi quần quai trong khi thi hành án. Phát súng ấy bắn ra trong những điều kiện nhất định, viên đạn theo



tính chất vật lý không khác những viên đạn khác, nhưng không phải viên đạn giết người, mà ban ân huệ cho một con người.

Trong những hoàn cảnh éo le như vậy, nếu đem việc làm của người thầy thuốc ra mà phân tích chi li, sợi tóc chẻ tư một cách lạnh lùng, phán xét việc làm này có y đức, việc kia không có y đức, đôi khi rất khó, rất khiên cưỡng. Chỉ có thể tin vào lương tâm, vào lời thề của thầy thuốc chân chính, khi đứng trước sự lựa chọn nghiệt ngã vấn đề cốt lõi là liệu có thể làm gì tốt nhất cho bệnh nhân không còn sự lựa chọn nào tốt hơn là một cái chết nhanh và êm ả. Ở vào hoàn cảnh ấy dịch vụ tốt nhất mà thầy thuốc có thể làm không khéo lại là hộ tử! Việc làm này, nếu có, chỉ nên xem là sự mở rộng vai trò thầy thuốc xuất phát từ những nguyên tắc mà người ta thường dùng để giải quyết các vấn đề phải trái, đúng sai, nên không nên trong đời thường. Trong quá khứ đã từng có những vấn đề chia rẽ loài người mà đã hoặc đang được giải quyết theo cách đó như phá thai, đồng tính luyện ái... Những vấn đề khác đang đụng tới như tác động lên bộ gen con người vì những mục đích khác nhau, nhân bản vô tính... So với những vấn đề ấy thì *Euthanasia* chỉ là vấn đề nhỏ vì chỉ do một nhóm nhỏ bệnh nhân có hoàn cảnh đặc biệt yêu cầu và một số rất ít thầy thuốc tự nguyện tham gia. Chính trên những nguyên tắc ấy BS James Rachels (Mỹ) chủ trương cổ vũ thầy thuốc cho phép mình hưởng ứng *Euthanasia* theo lương tâm thầy thuốc và tự chịu trách nhiệm biện minh trước Toà cho động cơ và hành vi nhân đạo của mình. Nếu chúng mình được là không giết người vô tội thì người thầy thuốc được Toà công nhận là vô tội. Sáng kiến ấy được coi là sự lựa chọn can đảm để cho hoạt động *Euthanasia* không bị rơi vào ngõ cụt, giảm bớt được hàng loạt những thủ tục hành chính rườm rà xung quanh môi trường hợp hộ tử khi



pháp luật chưa cho phép. Ví dụ điển hình về kiểu thực hành này là bác sĩ Kevorkian (Mỹ). Ông đã giúp không ít người bệnh chết nhanh theo nguyện vọng, đã không ít lần bị gọi ra Tòa và đã biện minh được sự vô tội của mình. Cũng trên nguyên tắc ấy bác sĩ George Delvory đã kể về trường hợp ông giúp vợ thúc nhanh cái chết vì bệnh xơ cứng lan toả vô vọng theo yêu cầu của vợ. Theo các nghiên cứu mới đây nhất số lượng bác sĩ ủng hộ *Euthanasia* ngày càng đông: Ở Anh 54% số bác sĩ ủng hộ. Ở Mỹ 60% (bang Oregon), 56% (bang Michigan).

Ở Việt Nam vấn đề này chưa được đề cập đến. Song mới đây tuần báo An ninh thế giới ra ngày 25/10/2008 có đăng bài *"Điều tra cái chết tự nguyện của một vận động viên"*. Daniel là động viên bóng bầu dục bị chấn thương cột sống phải nằm một chỗ vì bị liệt từ ngực trở xuống. Mặc dù đã trải qua nhiều cuộc phẫu thuật trong suốt 8 tháng mà không phục hồi được chức năng vận động đáng kể nào cả.

Daniel có nguyện vọng chấm dứt kiếp sống đen đủi, tuyệt vọng.

Cha mẹ thấy nguyện vọng ấy là chính đáng vì không muốn kéo dài nỗi khổ của con trai đã đồng ý tiễn con trai đến Thụy Sĩ nơi có trung tâm hộ tử được pháp luật Nhà nước cho phép từ năm 1942.

Trung tâm hộ tử ở Thụy Sĩ có tên gọi Dignitan thuộc một bệnh viện tư nhân, đã có thành tích hộ tử 450 người thuộc nhiều quốc tịch khác nhau.

Như vậy thế giới bên kia tiếp nhận thêm một vong đam mê thể thao, bị tai nạn bất đắc kỳ tử, vô tội, hy vọng chóng siêu thoát.

LỜI KẾT

Đọc xong quyển sách độc giả có thể nhận thấy mối tương quan giữa vũ trụ và con người.

Vũ trụ có ý thức, trí tuệ, lý trí, năng lượng mà người ta gọi là hồn thiêng sông núi. Tất cả các mức của sự tồn tại của con người, bắt đầu từ cơ thể vật lý đến tinh thần, được điều khiển bởi ý thức là sự phản ánh của ý thức vũ trụ.

Nguyên tắc tương đối thiết lập sự đồng dạng giữa vũ trụ và con người: cái gì ở bên này có, thì ở bên kia cũng có, phản ánh nguyên tắc của tính toàn đồ.

Tất cả trong vũ trụ đều rung, đều phát xạ. Sáu thân thể tế vi con người là sáu nấc rung, mỗi nấc tương tác với nấc tương ứng của vũ trụ gồm "bảy tầng trời, mười tầng đất".

Tất cả trong thiên nhiên đều có hai mặt âm và dương, nóng và lạnh, sáng và tối, đàn ông và đàn bà.

Trong vũ trụ cũng như trong con người, tất cả phục tùng sự tác động có nhịp điệu.

Mọi nguyên nhân đều có hậu quả, mọi hậu quả đều có nguyên nhân. Thời tiết trong vũ trụ cũng như bệnh tật của con người cũng có nguyên nhân xa gần.

Trong vũ trụ và trong cơ thể con người đều có hai dạng năng lượng: năng lượng dương đảm bảo các quá trình hưng phấn và năng lượng âm đảm bảo các quá trình ức chế.

Vật lý cơ bản hiện đại mô tả bảy trạng thái vật chất trong vũ trụ và trong con người: đặc, lỏng, khí, plasma.

Sau 1993, người ta phát hiện thêm trạng thái vật lý chân không, trạng thái siêu chân không (các trường xoắn). Điều đó cho phép mô tả thân thể tế vi, thân thể cảm xúc và thân thể tâm thần. Trạng thái thứ bảy là hư vô tuyệt đối mà từ đó sinh ra tất cả, cho phép mô tả thân thể tâm thần mà thường gọi là linh hồn hay cái tôi tối thượng, mô tả sự tồn tại của các thực thể năng lượng trong vũ trụ và cất nghĩa nhiều hiện tượng để cập bởi các tôn giáo. Nếu nói vắn tắt thì giữa vũ trụ và con người có chung những điểm như sau:

1. Đa tầng.
 2. Ý thức.
 3. Trường.
 4. Tính toàn đồ.
 5. Sự tồn tại của vật chất thô và vật chất mịn.
 6. Cấu trúc xoắn của cơ chế tàng trữ thông tin vũ trụ, cấu trúc xoắn của ADN và nếp nhăn của vỏ não.
 7. Cơ chế tiến hóa: con người luân hồi là để thực hiện sự tiến hóa của vũ trụ.
 8. Giữa thế giới tế vi của vũ trụ và thế giới tế vi của con người có trao đổi thông tin năng lượng thường xuyên.
- Đó là những hiểu biết mới về sự tương đồng giữa vũ trụ và con người và không thể tách rời con người khỏi vũ trụ khi xem xét các vấn đề của nhân loại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ân Hàm. *Trí tuệ sinh tồn*. NXB QĐND, 2004.
2. Bourguignon A. *Con người không thể đoán trước. Lịch sử tự nhiên của con người*. NXB VH TT, 2004.
3. Brennan B.A. *Bàn tay ánh sáng*. NXB VH TT, 1997.
4. Capra F. *Đạo của vật lý*. NXB Trẻ, 2001.
5. Deepak Chopra. *Không tuổi tác, không thời gian*. NXB VH TT, 2004.
6. Daniel.P.F. *Bình minh của một kỷ nguyên mới* (sách tiếng Anh). Hydrogen media, 1999
7. Ebon M. *Sự sống sau khi chết* (sách tiếng Anh). Web 1987.
8. Freud S. *Phân tâm học và văn hoá tâm linh*. NXB VH TT, 2002.
9. Friedman L. *Thế giới phẳng*. NXB Trẻ, 2006.
10. P. McGreal. *Những tư tưởng vĩ đại phương Đông*. NXB LĐ, 2005.
11. Guggenheim B. *Giao lưu sau khi chết*. Bantam Book 1989.
12. Hodson G. *Những quyền năng thiêng liêng và phi thường của con người* (sách tiếng Anh).
13. Web 2004. Huxley J. *Tư tưởng loài người qua các thời đại*. NXB VH TT, 2004.
14. Jullien F. *Bàn về chữ thời*. NXB Đà Nẵng, 2004.
15. Kovalova N. *Bốn con đường nghiệp chướng (Karma)* (sách tiếng Nga). Matxcova, 2004.
16. Lojkin B. *Một số vấn đề xã hội học của nhân loại*. NXB KHXH, 1997.
17. Mundasep E. *Chúng ta thoát thai từ đâu*. NXB Thế Giới, 2002.

18. Mundasep E. *Bức thông điệp bí ẩn của cố nhân*. NXB Thế Giới 2004.
19. Moody R.A. *Sự sống sau cái chết*. NXB VHTT, 1998.
20. Nguyễn Hoàng Phương. *Con người và trường sinh học*. NXB VHTT, 2002.
21. Putsko L.G. *Y học đa chiều (sách tiếng Nga)*. Matxcơva, 2004.
22. Putsko L.G. *Định vị sinh học cho mọi người. Hệ thống tự chẩn đoán và tự điều trị (sách tiếng Nga)*. Matxcơva, 2004.
23. Nguyễn Duy Quý. *Nhận thức thế giới vì mđ*. NXB KHXH, 1998.
24. Randles J. *Nghiên cứu những bí mật của sự sống sau khi chết (sách tiếng Anh)*. Web, 1993.
25. Steven Reiss. *Tôi là ai (sách tiếng Anh)*. Hemiro, USA, 2000.
26. M. Ricard, Trịnh Xuân Thuận. *Cái vô hạn trong lòng bàn tay...* NXB Trẻ, 2005.
27. Shermann H. *Người chết vẫn sống*. Viện Phật học Quốc tế, 1996.
28. Stevenson I. *Nghiên cứu hai mươi trường hợp luân hồi (sách tiếng Anh)*. Web, 1984.
29. Trần Đức Thảo. *Nghiên cứu nguồn gốc ngôn ngữ và ý thức (sách tiếng Pháp)*. Paris, 1973.
30. Trĩ An. *Từ vũ trụ đến người trời*. NXB Thanh Niên, 2000.
31. Tikhoplav V. *Sự chuyển đổi cơ bản ở ngưỡng của thế giới tế vi (sách tiếng Nga)*. NXB Becb, 2003.
32. Tikhoplav V. *Sống vay (sách tiếng Nga)*. NXB Becb, 2004..
33. Tikhoplav V. *Sự bắt đầu của khởi nguyên (sách tiếng Nga)*. NXB Becb, 2005.

MỤC LỤC

Trang

CÙNG BẠN ĐỌC	
THAY LỜI GIỚI THIỆU (CẢM NGHĨ CỦA ĐỘC GIẢ ĐẦU TIÊN)	5
LỜI NÓI ĐẦU	11

Phần I: VŨ TRỤ

VŨ TRỤ BẮT ĐẦU TỪ HƯ VÔ	15
VŨ TRỤ VÀ QUẢ ĐẤT	15
VŨ TRỤ DƯỚI ÁNH SÁNG CƠ HỌC LƯỢNG TỬ	26
TRƯỜNG THÔNG TIN ĐỊA CẦU CỦA VŨ TRỤ	39
Ý THỨC VŨ TRỤ - KHỞI NGUYÊN CỦA MỌI KHỞI ĐẦU	42
SÁNG THỂ	51
CÁI GÌ ĐÓ LÀ Ý THỨC VŨ TRỤ	51
QUẢ ĐẤT CŨNG LẮM RỦI RO	55

Phần II: CON NGƯỜI

TỪ HÌNH HỌC VŨ TRỤ ĐẾN HÌNH HỌC CON NGƯỜI	73
THÂN THỂ TRÍ TUỆ	89
LINH HỒN	104
LUÂN XA	107
HÀO QUANG CON NGƯỜI	109
Ý THỨC CON NGƯỜI - TIỂU PHẪN Ý THỨC VŨ TRỤ	114
Ý THỨC DÂN TỘC VIỆT	125
ĐỜI SỐNG TINH THẦN	128
TỔNG HOÀ THỂ XÁC - TINH THẦN - TƯ DUY	133
THIỆN	137
Ý THỨC BIẾN ĐỔI	140
VỀ Ý THỨC CỦA NGƯỜI MÁY (RÔ BỐT)	142
NỀN Y HỌC ĐA CHIỀU	147
CON NGƯỜI CŨNG LẮM RỦI RO	156

Phần III: THẾ GIỚI BÊN KIA

NGHIÊN CỨU CÔI ẦM	165
GẶP LẠI NGƯỜI THÂN ĐÃ CHẾT	173
HỘ TỬ	186
LỜI KẾT	1911
TÀI LIỆU THAM KHẢO	1933

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: (84.04). 62631714 - 62631731. Fax: 04.39436024.

Website: nxbthanhnien.com.vn. E-mail: nxbthanhnien@vnn.vn

Chi nhánh: 270 Nguyễn Đình Chiểu - Quận III - TP Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 39305243

CON NGƯỜI LÀ TIỂU VŨ TRỤ

GS. TS y khoa ĐOÀN XUÂN MƯỢU

Chịu trách nhiệm xuất bản: MAI THỜI CHÍNH

Chịu trách nhiệm bản thảo: THIẾU HOA

Biên tập: HOÀNG PHONG

Bìa: MAI HƯƠNG

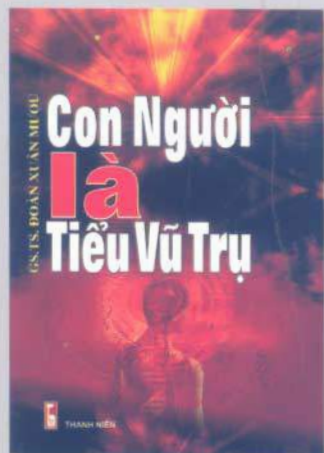
Kỹ thuật vi tính: NGUYỆT LỆ

Sửa bản in thử: PHAN THẮNG

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Công ty In & Văn hóa phẩm.

Số ĐKKH xuất bản : 627-2010/CXB/02-40/TN

In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2010.



GS.TS. ĐOÀN XUÂN MUỘI

Con Người là Tiểu Vũ Trụ



THANH NIÊN